

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ NỘI VỤ

TÊN ĐỀ TÀI

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI KHOA HỌC

Chủ nhiệm đề tài: Cử nhân Nguyễn Khắc Phương

Cơ quan chủ trì đề tài: Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn

Thời gian thực hiện: 18 tháng

Lạng Sơn, tháng 02 năm 2022

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ NỘI VỤ

TÊN ĐỀ TÀI

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI KHOA HỌC

Chủ nhiệm đề tài: Cử nhân Nguyễn Khắc Phương

Thành viên:

1. Thạc sĩ Lãng Văn Thiết
2. PGS.TS Hoàng Minh Đô
3. Thạc sĩ Trần Văn Ba
4. Cử nhân Đỗ Trí Tú
5. Cử nhân Lý Quốc Tuấn
6. Cử nhân Lành Việt Trình
7. Cử nhân Lương Thị Liễu

Lạng Sơn, tháng 02 năm 2022

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



**XÁC NHẬN THỰC HIỆN BÁO CÁO THỰC HIỆN
BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI KHOA HỌC**

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Chủ nhiệm đề tài

Tổ chức chủ trì đề tài

Nguyễn Khắc Phương

Hoàng Thị Hiền

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
	MỞ ĐẦU	12
1	Lý do chọn đề tài	12
2	Mục đích nghiên cứu	14
3	Nhiệm vụ nghiên cứu	14
4	Phạm vi nghiên cứu	15
5	Phương pháp nghiên cứu	15
6	Cấu trúc báo cáo	16
	CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG VÀ QUẢN LÝ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG	17
1	Một số vấn đề lý luận về tín ngưỡng	17
1.1	Khái niệm tín ngưỡng	17
1.2	Khái niệm hoạt động tín ngưỡng	18
1.3	Một số loại hình tín ngưỡng	21
1.3.1	Nhóm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên	22
1.3.2	Nhóm tín ngưỡng thờ Thần, Thánh	23
1.3.3	Nhóm tín ngưỡng khác	24
1.4	Vai trò của tín ngưỡng trong đời sống xã hội	26

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



STT	Nội dung	Trang
1.4.1	Vai trò cố kết cộng đồng	26
1.4.2	Vai trò an ủi tinh thần	26
1.4.3	Vai trò thúc đẩy sự hướng thiện	27
1.4.4	Vai trò nâng cao trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng	28
1.4.5	Vai trò giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam	29
2	Một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng	30
2.1	Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng	30
2.2.	Yêu cầu khách quan, mục tiêu, nguyên tắc và nội dung của quản lý nhà nước về tín ngưỡng	31
	CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN	37
1	Đặc điểm, tình hình các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	37
2	Thực trạng hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	43
2.1	Việc thành lập, tổ chức hoạt động của Ban quản lý, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng	43
2.2	Tổ chức hoạt động, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng	47



STT	Nội dung	Trang
2.3	Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đức, dâng cúng, tài trợ tại cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội	50
2.4	Việc quản lý, sử dụng đất; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, di dời công trình tín ngưỡng	55
2.5	Việc bảo vệ, giữ gìn trật tự, cảnh quan, môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa, phát huy giá trị của cơ sở tín ngưỡng, hoạt động lễ hội gắn với phát triển du lịch	58
3	Thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	63
3.1	Xây dựng chính sách, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng	63
3.2	Xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng	64
3.3	Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng	68
3.4	Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng	70
3.5	Nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng	72
3.6	Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng	75
3.7	Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng	76
	CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN	79
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách và văn bản pháp luật trong quản lý các hoạt động tín ngưỡng	79



STT	Nội dung	Trang
2	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng	80
3	Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng	83
4	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý về nhà nước về đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng	85
5	Tăng cường chỉ đạo việc thực hiện nếp sống văn minh, phát huy giá trị văn hóa tại cơ sở tín ngưỡng	86
6	Củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng các cấp	88
7	Tăng cường sự phối hợp trong công tác tín ngưỡng	89
8	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng	90
	CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM QUY CHẾ (MẪU) HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG	93
1	Mục đích, yêu cầu thực nghiệm	93
1.1	Mục đích thực nghiệm	93
1.2	Yêu cầu thực nghiệm	94
2	Thời gian, địa bàn và thành phần tham gia thực nghiệm	95
2.1	Thời gian, địa bàn thực nghiệm	93
2.2	Thành phần tham gia thực nghiệm	95
3	Nhiệm vụ và nội dung thực nghiệm	96

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



STT	Nội dung	Trang
4	Quy trình, cách thức thực nghiệm	97
4.1	Quy trình	97
4.2	Cách thức	98
5	Đánh giá kết quả thực nghiệm	99
5.1	Kết quả đạt được	99
5.2	Tồn tại, hạn chế, và nguyên nhân	108
	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	112
1	Kết luận	112
2	Kiến nghị, đề xuất	113
2.1	Đối với Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ)	113
2.2	Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh	114
2.3	Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã	114
2.4	Đối với các cơ sở tín ngưỡng	115
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	116



DANH MỤC BIỂU ĐỒ

STT	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 1	Mức độ xếp hạng, phân loại quản lý cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	36
Biểu đồ 2	Các loại hình cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	37
Biểu đồ 3	Sự phân bố các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	40
Biểu đồ 4	Tổng hợp số liệu thu, chi tiền công đức tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	50
Biểu đồ 5	Tỷ lệ bình quân nội dung chi tiền công đức tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	51

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài: “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”.

2. Chủ nhiệm đề tài: Ông Nguyễn Khắc Phương, Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

3. Thư ký đề tài: Ông Lăng Văn Thiết, Trưởng phòng Tín ngưỡng và Tôn giáo, Sở Nội vụ.

4. Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn.

5. Danh sách thành viên chính thực hiện

(1) PGS.TS Hoàng Minh Đô, Giảng viên Cao cấp, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;

(2) Thạc sĩ Trần Văn Ba, Chánh Văn phòng, Sở Nội vụ;

(3) Cử nhân Đỗ Trí Tú, Chuyên viên, Phòng Quản lý Di sản văn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

(4) Cử nhân Lý Quốc Tuấn, Chuyên viên, Phòng Tín ngưỡng và Tôn giáo, Sở Nội vụ;

(5) Cử nhân Lành Việt Trinh, Chuyên viên, Văn phòng Sở Nội vụ;

(6) Cử nhân Lương Thị Liễu, Chuyên viên, Phòng Tín ngưỡng và Tôn giáo, Sở Nội vụ.

6. Thời gian thực hiện: Thời gian bắt đầu: Tháng 6/2020

Thời gian kết thúc: Tháng 12/2022

7. Kinh phí thực hiện: 349.450.000 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tín ngưỡng là hiện tượng lịch sử thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội. Quá trình tồn tại và phát triển của tín ngưỡng tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống chính trị, văn hoá, xã hội, tâm lý, đạo đức, phong tục, tập quán của nhiều dân tộc, quốc gia trong đó có Việt Nam. Việt Nam không chỉ là quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời mà còn là một dân tộc đa tín ngưỡng, tôn giáo. Hầu hết các dân tộc đều có tín ngưỡng và mỗi tín ngưỡng đều chứa đựng nội dung đặc thù, phong phú về lịch sử, tư tưởng, triết học, đạo đức, văn hóa... riêng biệt. Do vậy, sự tồn tại, hoạt động của các loại hình tín ngưỡng đã và đang góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân từ giá trị tư tưởng nhân bản, giá trị đạo đức nhân văn đến các giá trị nghệ thuật đặc sắc khác.

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới, tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc về phía Đông Bắc; tỉnh Lạng Sơn có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố và 10 huyện), 200 đơn vị hành chính cấp xã (05 phường, 14 thị trấn, 181 xã) và 1.705 thôn, tổ dân phố (1.551 thôn, 154 tổ dân phố); tổng dân số trên địa bàn tỉnh 789.272 người, gồm 07 dân tộc Nùng, Tày, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay, Mông và các dân tộc ít người khác.

Trong thời gian qua, đời sống tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh mẽ, nhất là các hoạt động tín ngưỡng gắn với lễ hội. Việc tổ chức các hoạt động tín ngưỡng nói chung, tín ngưỡng gắn với lễ hội nói riêng góp phần duy trì và phát huy giá trị đặc sắc của lễ hội tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh trong hội nhập văn hóa. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được quan tâm chú trọng và có những chuyển biến tích cực, đảm bảo cho các hoạt động tín ngưỡng diễn ra bình thường, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, không ít hoạt động tín ngưỡng bị bóp méo, biến dạng, phản văn hóa, phục vụ mục đích trục lợi, gây thiệt hại về tiền của, sức khỏe con người và gây mất trật tự an ninh, xã hội tại cơ sở, làm cả xã hội và các cấp quản lý phải quan tâm. Các hoạt động thực hành tín ngưỡng như: Hào đồng tại cơ sở thờ Mẫu chưa quản lý được; số lượng đồ hàng mã sử dụng trong mỗi cuộc lễ gây nên tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, cũng như tốn kém, lãng phí về tiền bạc của người dân; các hành vi phản cảm như dùng tiền nhét, lau và cọ tiền vào tượng thờ trong sinh hoạt và hoạt động tại cơ sở thờ tự làm xấu biểu

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



tượng quốc gia và hình ảnh lãnh tụ dân tộc, là nguyên nhân gián tiếp làm xuống cấp các công trình tượng thờ; nhiều cuộc lễ tại một số cơ sở thờ tự thờ Mẫu có mức chi phí cao, dùng tiền mệnh giá lớn để tán lộc gây nên tâm lý ganh đua thiếu tích cực trong con nhang, đệ tử thậm chí vượt ra ngoài cộng đồng, làm mất đi tính trong sáng trong văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Do nguồn lợi khổng lồ trong hoạt động tín ngưỡng đem lại, nhiều đối tượng đã lợi dụng sinh hoạt tín ngưỡng để đồn thổi, thổi phồng khả năng của bản thân để thu hút người tin theo; một số cá nhân lấy danh nghĩa làm công đức, tự đầu tư xây dựng, tôn tạo và nâng cấp cơ sở thờ tự bị xuống cấp, bị bỏ hoang để biến thành của cá nhân và gia đình quản lý, nhằm mục đích kinh doanh cơ sở thờ tự. Nguồn thu trong sinh hoạt và hoạt động tại cơ sở thờ tự tín ngưỡng là rất lớn, nhưng không được quản lý đúng theo quy định của Nhà nước để tái đầu tư vào cộng đồng.

Trong khi đó, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Trong thời gian dài chưa có sự phân công rõ ràng cơ quan làm đầu mối quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, mà chỉ có ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan hướng dẫn hoạt động và bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, lễ hội truyền thống gắn với các di tích và nhân vật lịch sử. Quy định của pháp luật về quản lý đối với hoạt động tín ngưỡng còn thiếu, có những nội dung chưa rõ ràng, khó áp dụng.

Theo Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo giao: Bộ Nội vụ là cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở Trung ương, chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về tôn giáo; các hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về Lễ hội tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào kiểm kê di tích của địa phương;

Bên cạnh đó, do tính phong phú và đa dạng của các hình thức tín ngưỡng lại gắn với nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nên một mặt, nếu các hình thức tín ngưỡng đó được bảo tồn và phát huy tốt sẽ tạo nên sự lành mạnh và trật tự xã hội, mặt khác nếu định hướng và quản lý không tốt thì rất dễ các

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



tín ngưỡng đó bị các cá nhân, cũng như các thế lực lợi dụng, phục vụ cho lợi ích riêng của họ, thì nó sẽ tác động xấu đến nhiều mặt của đời sống nhân dân.

Đến thời điểm hiện tại, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu tổng thể về tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Để có những đánh giá và giải pháp quản lý đối với các hoạt động tín ngưỡng việc thực hiện đề tài “*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*” là cần thiết để làm cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất chủ trương, chính sách cũng như các giải pháp quản lý thống nhất đối với các hoạt động tín ngưỡng, đảm bảo các hoạt động tín ngưỡng tuân thủ đúng các quy định pháp luật, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của công dân, phát huy những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng; đồng thời đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng trái thuần phong mỹ tục, trái đạo đức xã hội và gây mất ổn định xã hội.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng làm cơ sở để đánh giá thực trạng hoạt động tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Nghiên cứu, khảo sát, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin, số liệu về hoạt động tín ngưỡng trên hai phương diện lý luận và thực tiễn một cách toàn diện, đồng bộ, khoa học, hệ thống. Trên cơ sở đó góp phần nhận diện thực trạng, chỉ ra những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra trong hoạt động tín ngưỡng thời gian qua làm tiền đề, cơ sở xây dựng nội dung, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn chung về tín ngưỡng để chỉ ra những nhân tố tác động, ảnh hưởng đến hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



Đánh giá tình hình, thực trạng hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong những năm qua; xác định, chỉ rõ những mặt đã đạt được, nguyên nhân và những tồn tại, hạn chế.

Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

4. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu những lý luận cơ bản về tín ngưỡng và nghiên cứu, khảo sát, thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin, số liệu về thực trạng hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Lĩnh vực tín ngưỡng rộng, trong phạm vi đề tài tập trung nghiên cứu, làm rõ các nội dung liên quan đến hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng.

Về không gian nghiên cứu: Trên địa bàn 11/11 huyện, thành phố.

Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2016 đến nay, nhất là từ khi có Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực từ ngày 01/11/2018.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập tài liệu: Kế thừa, thu thập, tổng hợp các tư liệu, tài liệu, kết quả trước đây liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu của chuyên đề. Đây là một trong những tiền đề, cơ sở quan trọng giúp rà soát, phân tích, đánh giá tổng hợp các nội dung và đối tượng nghiên cứu một cách khách quan và chính xác.

Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa và điều tra xã hội học: Được thực hiện nhằm điều tra bổ sung hoặc kiểm tra, đối chiếu lại những thông tin quan trọng cần thiết cho quá trình phân tích, đánh giá và xử lý các tài liệu và số liệu liên quan đến hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Thông qua phương pháp này cho phép tiếp cận một cách trực tiếp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan, đặc biệt là các cán bộ chuyên trách ở địa phương, ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng, người chuyên hoạt động tín ngưỡng và nhân dân, du khách.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Được thực hiện trong suốt quá trình nghiên cứu thực hiện nhằm rà soát, phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin, số liệu về hoạt động tín ngưỡng qua việc xác lập các bảng, biểu để phục vụ cho việc nhận diện, xác định hiện trạng, quy mô, loại hình cơ sở tín ngưỡng; sự

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



phân bố theo lãnh thổ, địa giới hành chính của từng huyện, thành phố nói riêng, toàn tỉnh nói chung; phân tích đánh giá các vấn đề còn tồn tại giữa lý luận và thực tiễn, giữa tư liệu, số liệu trước đây và hiện trạng hiện nay và các vấn đề liên quan khác.

Phương pháp chuyên gia: Là phương pháp thu thập và xử lý những đánh giá, dự báo bằng cách trưng cầu và tranh thủ tận dụng trình độ uyên bác về lý luận, thành thạo về chuyên môn, phong phú về kỹ năng, kinh nghiệm, nhạy bén, linh hoạt về khả năng thực tiễn các chuyên gia, các nhà quản lý, nhà khoa học, nhà nghiên cứu tín ngưỡng, tôn giáo, lịch sử, văn hóa trong và ngoài tỉnh để đưa ra những tổng kết đánh giá chung về hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Phương pháp thực nghiệm: Là phương pháp nghiên cứu sử dụng bằng chứng có thể kiểm chứng để đi đến kết quả nghiên cứu; là một phương pháp thu thập thông tin được thực hiện bởi những quan sát trong điều kiện gây biến đổi đối tượng khảo sát và môi trường xung quanh đối tượng khảo sát một cách có chủ định. Việc sử dụng phương pháp thực nghiệm cho phép tác động lên đối tượng nghiên cứu một cách chủ động; can thiệp một cách có ý thức vào quá trình diễn biến tự nhiên để hướng quá trình diễn ra theo mong muốn của nhà nghiên cứu.

6. Cấu trúc báo cáo

Ngoài phần mở đầu; kết luận, kiến nghị, đề xuất, các phụ lục và tài liệu tham khảo, Báo cáo tổng kết được chia thành 04 chương gồm:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về tín ngưỡng và quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng.

Chương 2. Thực trạng hoạt động tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Chương 3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Chương 4. Đánh giá kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG

1. Một số vấn đề lý luận về tín ngưỡng

1.1. Khái niệm tín ngưỡng

Tín ngưỡng là một hiện tượng lịch sử thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội. Trên thế giới có hàng ngàn các loại hình tín ngưỡng khác nhau, rất phong phú và đa dạng. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau, với các mục đích khác nhau nên cũng có nhiều cách hiểu khác nhau về tín ngưỡng của các nhà khoa học trên thế giới. Điềm qua một số cách hiểu như sau:

Với quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về tín ngưỡng mà đại diện là Platon, Hêghen, Ôttô cho tín ngưỡng là "thuộc tính vốn có trong ý thức của con người, là sản phẩm mang tính nội sinh của ý thức, tồn tại không lệ thuộc vào hiện thực khách quan" [4, tr17].

Còn quan điểm của các nhà xã hội học về tôn giáo như Durkheim thì lại cho rằng "tín ngưỡng là trạng thái tư tưởng, nằm ở ngoài các biểu tượng và được thể hiện thông qua các nghi lễ thờ cúng" [4, tr17].

W.schmidt đi từ giác độ dân tộc học lịch sử, ông cho rằng: "tín ngưỡng chẳng qua là hình thức tôn giáo nguyên sơ (urreligion) - tiền tôn giáo, là niềm tin vào một vị chúa vĩ đại và vĩnh hằng đang ngự ở trên trời. Tín ngưỡng là một hiện tượng phổ biến có ở giai đoạn khởi đầu của mọi dân tộc" [4, tr17].

Freud tiếp cận tín ngưỡng bằng phương pháp phân tâm học lại cho rằng "tín ngưỡng là sản phẩm vô thức, là sự thăng hoa, niềm hân hoan của người nguyên thủy trong tục "ăn thịt vật tổ", "bữa tiệc vật tổ" [4, tr17].

Nhìn chung theo quan điểm duy tâm, tín ngưỡng là một hiện tượng thần bí, siêu thực, chỉ có thể cảm nhận, tin chứ không lý giải được, hoặc cũng chỉ là hiện tượng tự nhiên mang tính bẩm sinh.

Khác với các nhà triết học duy tâm lấy ý thức, tín ngưỡng, tôn giáo để giải thích lịch sử, coi tín ngưỡng tôn giáo là phạm vi vượt qua lịch sử là cái thần bí vĩnh hằng. Các nhà Triết học Mácxít lấy lịch sử để giải thích tín ngưỡng và đi đến một nhận định chung mang tính khách quan khoa học là: Tín ngưỡng cũng là một hiện tượng lịch sử, là sự phản ánh điều kiện kinh tế -

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



xã hội của thời đại, có quá trình hình thành, có biến đổi và có ảnh hưởng nhất định đối với tiến trình lịch sử.

Ở Việt Nam, khái niệm tín ngưỡng được hiểu theo các hướng khác nhau. Theo Nguyễn Đăng Duy: “Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào lực lượng siêu nhiên, thần bí, hoặc do con người tưởng tượng ra những vị thần linh đến mức họ cho rằng những lực lượng ấy có ảnh hưởng, chi phối đời sống, số phận của con người và gây thành một nếp sống xã hội theo niềm tin thiêng liêng ấy” [9, tr.351].

Hoặc tác giả Đặng Nghiêm Vạn cho rằng, “Trong tín ngưỡng phải có yếu tố thiêng liêng liên quan đến một thế giới vô hình, đến những siêu linh, mà chính con người tưởng tượng và sáng tạo ra nó” [5, tr.67].

Nhìn chung dưới các góc độ nghiên cứu khác nhau, thì cũng có những định nghĩa khác nhau về tín ngưỡng. Tuy nhiên chúng tôi thống nhất với cách định nghĩa về tín ngưỡng trong Điều 2, Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 để triển khai nghiên cứu đề tài: Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.

1.2. Khái niệm hoạt động tín ngưỡng

Theo quy định tại khoản 2, điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo thì: “*Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng, tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội*”.

Theo định nghĩa trên, hoạt động tín ngưỡng rất rộng, bao hàm rất nhiều nội dung. Cụ thể là:

Thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng

Thờ có ý bao hàm một hành động biểu hiện sự sùng kính một đấng siêu nhiên như thần thánh, tổ tiên, đồng thời cũng có nghĩa là cách ứng xử với bề trên cho phải đạo như thờ cha mẹ, thờ thần hay một người có ơn với mình. “Thờ” trong thờ cúng tổ tiên là yếu tố thuộc ý thức về tổ tiên, là tâm linh, tình cảm của con cháu hướng về cội nguồn. Thờ tổ tiên là thể hiện sự thành kính, biết ơn và tưởng nhớ đến tổ tiên, thể hiện niềm tin vào sự bảo hộ che chở của tổ tiên.

Cúng là yếu tố mang tính lễ nghi, là dâng lễ vật cho tổ tiên, những người đã khuất, là sự thực hành một loại động tác (cúng, vái, lạy...) của người được

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



quyền thờ cúng. Đó là hoạt động dưới dạng hành lễ và được quy định bởi quan niệm, phong tục, tập quán của mỗi cộng đồng dân tộc.

“*Thờ cúng*” là hoạt động có ý thức của con người, là tổng thể phức hợp những yếu tố: ý thức về tổ tiên, biểu tượng về tổ tiên và lễ nghi thờ cúng tổ tiên trong không gian thờ cúng.

Thờ và cúng là hai yếu tố có tác động qua lại và tạo nên chỉnh thể riêng biệt – đó là sự phụng thờ tổ tiên. Sự “thờ”, “tôn thờ” là nội dung, còn hoạt động “cúng” là hình thức biểu đạt của nội dung thờ cúng. Ý thức tôn thờ, thành kính, biết ơn, tưởng nhớ, hi vọng sự trợ giúp của tổ tiên là nội dung cốt lõi, là cái chủ yếu để sự thờ phụng thành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Nếu không có “thờ” mà chỉ có “cúng” thì tự bản thân tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không có phần thiêng, không có sự hấp dẫn nội tại và dễ thành nhạt nhẽo, vô vị, mai một. Sự “cúng”, tuy chỉ là hình thức biểu đạt, song nó tôn vẻ linh thiêng, huyền bí, mờ ảo, tạo nên sức hấp dẫn, nó chính là hương vị, màu sắc, chất keo dính thỏa mãn niềm tin tôn giáo, đáp ứng nhu cầu của chủ thể thờ cúng.

Tổ tiên: Là những người đã qua đời trong một dòng họ. Với tác giả Trần Đăng Sinh thì: “*Tổ tiên là khái niệm dùng để chỉ những người có cùng huyết thống nhưng đã mất như cụ, kị, ông bà, cha mẹ... những người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng, có ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất và tinh thần tới thế hệ con cháu*” [4, tr.25]. Còn tổ tiên trong xã hội nguyên thủy là tổ tiên tô tem giáo của thị tộc.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tô tem giáo ra đời khá sớm. Ở thời kỳ thị tộc mẫu hệ, tổ tiên tô tem là những vật trong thiên nhiên được thần thánh hóa hoặc là các vị thần. Thời kỳ thị tộc phụ hệ, tổ tiên lại là những người đứng đầu thị tộc đầy quyền uy, khi mất họ trở thành thần che chở cho gia đình thị tộc.

Tổ tiên trong xã hội có giai cấp được thể hiện đầy đủ hơn. Họ thường là những người giữ địa vị chủ gia đình, gia tộc nhưng đã mất, có quyền thừa kế và di chúc tài sản được luật pháp và xã hội thừa nhận. Trong quá trình phát triển của lịch sử khái niệm tổ tiên cũng có sự biến đổi phát triển. Nó không còn chỉ bó hẹp trong phạm vi huyết thống gia đình, họ tộc... mà đã mở rộng ra phạm vi cộng đồng, xã hội.

Thờ cúng tổ tiên: Thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng mà thông qua nghi lễ thờ cúng nhằm xác lập “mối liên hệ” giữa người sống với người chết, giữa người ở thế giới hiện tại và thế giới tâm linh.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Biểu tượng: Theo từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học do Hoàng Phê (chủ biên) biểu tượng có hai nghĩa: (1) "hình ảnh tượng trưng" (2) "hình thức của nhận thức cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc khi tác động của sự vật vào giác quan ta đã chấm dứt" [13, tr.60].

Linh thiêng: Là cảm xúc tinh thần mang tính tâm linh, tôn giáo do con người (cả vô thức và hữu thức) trải nghiệm cảm giác trong giao tiếp với thế giới huyền bí thông qua đức tin và hoặc nghi lễ [13, tr.4].

Biểu tượng linh thiêng: Là khái niệm chỉ sự vật, hiện tượng, lực lượng siêu nhiên, vô hình, hư ảo có ý nghĩa tượng trưng, trừu tượng và giá trị thiêng liêng cao cả đối với cộng đồng, xã hội ở một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử nhất định.

Hoạt động thờ cúng biểu tượng linh thiêng: Là một khái niệm rất rộng xuất phát quan niệm vạn vật hữu linh, mọi sự vật, hiện tượng đều có "linh hồn" hay sự "linh thiêng" từ các yếu tố tự nhiên (*mặt trời, mặt trăng, nước, mưa, gió, sấm, chớp...*); các linh vật, linh thú, động vật (*chim hạc, long, ly, quy, phượng, hổ, voi, ngựa, chó, rắn, giao long, long mã...*); các sinh thực khí nam nữ (*biểu tượng linga – yoni (người Chăm Pa)*), đến các vật chi bảo, nghi trượng, đồ thờ tự tế khí trong các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hay cộng đồng dân tộc.

Tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng.
Tưởng niệm: Là một hoạt động trang trọng nhằm tưởng nhớ đến người đã mất với lòng tôn kính và biết ơn. *Tôn vinh:* Là hoạt động đề cao con người, chủ thể, sự vật, hiện tượng lên vị trí, danh hiệu cao quý vì được ngưỡng mộ hoặc vì có năng lực, phẩm chất đặc biệt.

Người có công với đất nước, với cộng đồng: Là những người có công tạo dựng, giữ gìn cuộc sống của cộng đồng mà khi sống được tôn sùng, kính nể, khi mất được tưởng nhớ, thờ phụng trong các không gian tín ngưỡng, tôn giáo.

Các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội. Lễ là sự thực hiện các phép tắc, khuôn mẫu, là hình thức thể hiện việc tổ chức giao tế xã hội (*ví dụ: các cử chỉ, ngôn ngữ trong giao tiếp, cách ứng xử trong cuộc sống đời thường; các hình thức cúng bái, tế lễ, cầu nguyện*). Lễ là hệ thống phong tục quy tắc và văn hóa quy định cách thức con người ứng xử phù hợp với các mối quan hệ xã hội xung quanh mình. Nghi được hiểu thông thường là lễ tiết, hình thức, cung cách, dáng điệu, dung mạo,

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
 đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



phong thái (ví dụ: uy nghi, lễ nghi, nghi thức). Ngoài ra theo cổ ngữ là phép tắc, khuôn mẫu, mẫu mực (ví dụ nghi quỹ, chi nghi đã), là tiêu chuẩn, dụng cụ đo lường (ví dụ: *Nghi khí*), là vật trang trí, đồ cúng (ví dụ: *nghi trượng, nghi hạ*). Lễ nghi theo nghĩa rộng lễ nghi hành vi, thái độ, tín ngưỡng, văn hóa, ngôn ngữ, phong cách của con người và xã hội. Trong nghĩa hẹp thì lễ nghi là nghi thức, phương thức và trình tự tiến hành một cuộc lễ, một sinh hoạt văn hóa tâm linh mang tính tín ngưỡng thờ phụng của một tín ngưỡng, tôn giáo. Lễ nghi dân gian là nghi thức, phương thức và trình tự tiến hành một cuộc lễ, một sinh hoạt văn hóa tâm linh mang đậm sắc thái văn hóa vùng miền, dân tộc.

1.3. Một số loại hình tín ngưỡng

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc (54 dân tộc) với hệ thống tín ngưỡng vô cùng phong phú, trong đó phần lớn các loại hình tín ngưỡng ra đời từ xa xưa (thậm chí có những loại hình tín ngưỡng ra đời trong thời kỳ khi chưa có chữ viết, chủ yếu dựa trên truyền thuyết, truyền khẩu dân gian), các tài liệu lưu trữ về chúng có nhiều dị bản và dị khảo, không thống nhất. Chính vì vậy mà hiện nay, chưa có sự thống kê một cách có hệ thống và đầy đủ về các loại hình tín ngưỡng ở Việt Nam. Có nhiều cách phân chia các loại hình tín ngưỡng tùy theo quan điểm và cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu khác nhau. Đa phần cách phân chia hiện nay là dựa trên tiêu chí cơ bản là đặc trưng của nó. Cách phân loại được xem là đã tập hợp tương đối đầy đủ các loại hình tín ngưỡng của người Việt và cho thấy đặc trưng riêng biệt của chúng đó là: 1) Nhóm *tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên*, bao gồm: tô tem giáo/ tín ngưỡng thờ vật tổ, tín ngưỡng thờ gia tộc/ thờ tổ tiên; tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng/ Thần làng; tín ngưỡng thờ vua Hùng. 2) Nhóm tín ngưỡng liên quan đến “*vòng đời người*”, bao gồm: cầu sinh đẻ, cúng bà mụ, đặt tên (Khai Tâm); cầu sức khỏe; vị thành niên; trưởng thành; cầu an; cưới hỏi (Lễ hỏi, Lễ hôn ước); mừng thọ; tang ma, bỏ mả (của một số tộc người ở Tây Nguyên). 3) nhóm *tín ngưỡng nghề nghiệp*, bao gồm: tín ngưỡng nghề nông; tín ngưỡng phồn thực; tín ngưỡng thờ thánh sư/tổ nghề; tín ngưỡng thờ thần tài; tín ngưỡng thờ ngư thần (nghề biển),...4) nhóm *tín ngưỡng thờ Thần, Thánh* bao gồm: Thổ Công, Thổ Địa, Tản Viên Sơn Thần, Thủy thần, Táo quân, Thánh Gióng, Thánh Trần, Thánh Mẫu...

Tuy nhiên, liên quan đến đề tài này, chúng tôi phân các loại hình tín ngưỡng để nghiên cứu theo ba nhóm sau: Nhóm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên; nhóm tín ngưỡng thờ thần, thánh và nhóm tín ngưỡng khác.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



1.3.1. Nhóm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

1.3.1.1. Thờ cúng tổ tiên ở gia đình dòng họ

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở nước ta, tuy giản dị nhưng rất sâu đậm. Bàn thờ tổ tiên thường đặt ở nơi tôn nghiêm như gian giữa nhà, được trang trí, bày đặt rất trang trọng. Bàn thờ là không gian thiêng, nơi kiêng kỵ và cung kính nhất trong gia đình. Ngay từ khi mới xây dựng ngôi nhà, người ta thường chú ý dành một không gian ở trọng tâm để đặt bàn thờ, giương thờ hoặc hương án (gồm bát nhang, bài vị, lư hương và những đồ cúng khác), người ta coi đó là nơi linh hồn của ông bà, thường xuyên lui tới. Con cháu để hương tàn, khói lạnh là có lỗi với ông bà, tổ tiên. Tiếp theo khi con cháu phát triển qua nhiều đời, để cho hậu thế không quên nguồn gốc, người ta lập các chi họ, viết gia phả, tộc phả, xây nhà thờ họ. Đối tượng thờ cúng tổ tiên là những người ruột thịt cùng huyết thống đã có công sinh thành và nuôi dưỡng con cháu. Việc thờ cúng tổ tiên trước kia thường duy trì sau năm đời, nhưng đối với thủy tổ của một dòng họ hoặc quốc Tổ như Hùng Vương thì con cháu và hậu sinh nhiều đời hương khói phụng thờ mãi mãi.

1.3.1.2. Thờ cúng tổ tiên của cả nước

Ở Việt Nam có ba cộng đồng vốn từ xa xưa đã có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau: gia đình, làng xã, đất nước. Trong tâm thức của người Việt, khó mà tách biệt cô lập với giữa gia đình, làng xã và đất nước, “nước mất thì nhà tan”, “trả thù nhà” gắn liền với “đền nợ nước”. Phan Bội Châu trong Quốc sử khảo có viết: “Nước là cái nhà to, nhà là cái nhà nhỏ”. Vì vậy, tổ tiên gia đình, làng xã và đất nước không tách rời nhau. Trong gia đình có ông bà tổ tiên, làng xã có thành hoàng, phạm vi quốc gia có ông vua (thiên tử) trở thành thần hộ mệnh của ba cộng đồng.

Đã từ lâu và qua nhiều thế kỷ, người Việt Nam dù ở những vùng đất khác nhau (kể cả những người xa quê hương đất nước) vẫn luôn hướng về vùng đất tổ. Mọi người coi đó là quê hương xứ sở của các cộng đồng. Mọi người không tiếc tiền của, chẳng ngại xa xôi vất vả đã hành hương về đền Hùng để thắp nén nhang tưởng nhớ tổ tiên của mình. Hàng năm lễ hội đền Hùng trở thành quốc lễ, lễ hội của cả dân tộc. Ý thức hướng về cội nguồn dân tộc, về tổ tiên của người Việt đã được hình thành từ lâu. Năm 1470, Lê Thánh Tông cho lập ngọc phả Hùng Vương “vị thánh ngàn đời của đất nước” Việt cổ, để làm nền tảng cho uy quyền của các vương triều trên đất Việt sau này. Từ đó, Hùng Vương từ vị thần địa phương đã trở thành tổ tiên của đất nước.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



1.3.2. Nhóm tín ngưỡng thờ Thần, Thánh

1.3.2.1. Tín ngưỡng thờ các nhân vật lịch sử có công dựng nước, giữ nước

Thờ thần là tín ngưỡng phổ biến của các dân tộc trên thế giới, nhưng ở Việt Nam, thờ thần có nét đặc sắc đến tột cùng. Đó là sự liên quan trực tiếp, phản ánh rất sâu đậm về lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bởi vì, đối tượng tôn thờ làm thần rất phong phú, đó là các nhân vật lịch sử, anh hùng có công giữ nước, dựng làng, là linh khí núi sông và thậm chí là người chết bất đắc kỳ tử nên thiêng hóa thân. Nhưng trong các thần đó, số lượng đông hơn và theo thời gian ngày càng đông hơn, đó là các thần khi sống là anh hùng, liệt nữ dựng nước và giữ nước; là bề tôi của triều đình được vua phong thần; là người có công với dân làng được suy tôn và thờ cúng, được vua công nhận hoặc không công nhận.

Như vậy, tín ngưỡng thờ thần ở Việt Nam có đối tượng chủ yếu là thờ anh hùng dân tộc thì đó cũng là nói đến tín ngưỡng thờ thần. Mà sau này, một số trong các thần đó được các địa phương thờ làm thần Thành hoàng, vì vậy trong cuộc sống có những người nhầm lẫn, đồng nhất giữa thờ anh hùng dân tộc với tín ngưỡng thờ Thành hoàng thì cũng không phải là không có lý do.

1.3.2.2. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng

Thành hoàng được phiên âm từ chữ Hán “Thành” là cái Thành còn “Hoàng” là cái Hải bao cái thành. Tức là vị thần coi giữ, bảo trợ cho cái thành. Tục thờ Thành hoàng hay Thần hoàng ở nước ta là do ảnh hưởng từ văn hóa Trung hoa truyền sang từ đời Đường. Sau khi du nhập vào làng xã Việt Nam đã nhanh chóng bám rễ vào trong tâm thức người nông dân Việt, trở nên hết sức đa dạng, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”. Tôn thờ Thành hoàng làng chính là một nhu cầu tâm lý, người dân thờ Thành hoàng làng là để phục vụ cho hiện thực cuộc sống, là chỗ dựa tinh thần không thể thiếu được, là phương tiện, là động lực thúc đẩy sản xuất và ổn định cuộc sống.

Thành hoàng làng có nguồn gốc nhân thần là từ các nhân vật lịch sử; danh nhân văn hóa; người khai phá lập làng; người hiền sĩ có công mở mang dân trí; người chết vào giờ thiêng. Thành hoàng cũng được gọi là phúc thần, tức vị thần ban phúc cho dân làng, thường mỗi làng thờ một Thành hoàng xong cũng có khi một làng thờ đến hai, ba hoặc hai, ba làng thờ một vị. Thành hoàng có thể là nam thần hay nữ thần, tùy sự tích mỗi làng. Đó có thể là một

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



vị thần như Phù Đổng Thiên Vương, thần Trần Hưng Đạo, Yết Kiêu, Dã Tượng,... lại có khi là các yêu thần, tà thần ... với nhiều sự tích lạ lùng, nhiều khi có vẻ vô lý.

Sự thờ phụng trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng là sợi dây liên lạc vô hình, giúp dân làng đoàn kết, nếp sống cộng cảm hoà đồng, đất quê thói được bảo tồn. Vì lẽ đó, các gia đình trong làng, mỗi khi muốn mở hội hoặc tổ chức việc gì đều phải có lễ cúng Thành hoàng để xin phép trước. Dường như sự ngưỡng mộ Thành hoàng của người dân không kém gì sự ngưỡng mộ đối với tổ tiên của họ.

1.3.2.3. Tín ngưỡng thờ thổ công, thần tài

Đây là tín ngưỡng có nguồn gốc từ Trung Hoa nhưng sang Việt Nam đã bị Việt hóa cho phù hợp với môi trường xã hội Việt Nam. Với quan niệm thổ công là một vị thần được thờ trong gia đình, là vị thần trông coi nhà cửa, đất đai cho mỗi gia đình. Quan niệm “đất có thổ công, sông có hà bá”, vào ngày 23 tháng chạp hàng năm, người dân thường duy trì tục cúng cá chép, mũ áo, vàng mã để tiễn Táo quân về trời. Với quan niệm thần công giám sát công việc của gia đình cả năm. Thổ công được nhiều người tin là vị thần quan trọng trong gia đình, trong thờ cúng chỉ xếp sau việc thờ cúng tổ tiên. Trong bài trí bàn thờ, tổ tiên có công sinh thành, dưỡng dục nên được tôn vinh bậc nhất. Bàn thờ tổ tiên thường đặt ở giữa nhà, vị trí trang trọng nhất, bàn thờ thổ công thường ở bên trái, quan trọng thứ hai. Nhưng khi cúng lễ tổ tiên, người ta đều khấn thổ công trước để xin phép cho tổ tiên khi về được vào nhà.

Thần tài thường được người làm nghề thương mại thờ phụng, để cầu tài lộc. Tín ngưỡng này cũng có nguồn gốc từ Trung Hoa, được các thương nhân người Hoa thờ tự khá phổ biến ở Nam bộ, thời gian gần đây với sự phát triển của kinh tế thị trường, tín ngưỡng này phổ biến rộng cả nước. Từ đầu những năm 1990 trở lại đây, việc thờ thần tài phổ biến ở tất cả các cửa hàng, của hiệu của người kinh doanh đủ các nghề, thậm chí ở các gia đình bình thường cũng thờ để cầu tài, cầu lộc.

1.3.3. Nhóm tín ngưỡng khác

1.3.3.1. Tín ngưỡng vòng đời người

Tín ngưỡng vòng đời người xuất hiện cùng với xã hội loài người. Cùng với thời gian những tín ngưỡng và lễ nghi ấy được duy trì, phát triển và hoàn thiện, đồng thời được đánh dấu những chặng đường trưởng thành của mỗi con

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



người như: Những nghi lễ với cuộc sống phôi thai, lễ Đầy cữ, lễ Đầy tháng, lễ Đầy năm, hôn lễ, lên lão, mừng thọ, lễ tang.

1.3.3.2. Tín ngưỡng phồn thực

Tín ngưỡng phồn thực là loại hình tín ngưỡng tôn thờ sự sinh sản, sinh sôi nảy nở để duy trì và phát triển sự sống con người. Đây là một loại hình tín ngưỡng cổ xưa gắn với văn hóa nông nghiệp, cư dân nông nghiệp. Thực chất của tín ngưỡng phồn thực là khát vọng cầu mong sự sinh sôi nảy nở phản ánh nguyện vọng từ xa xưa của con người. Tín ngưỡng phồn thực được hình thành xuất phát từ nhu cầu tồn tại và phát triển của con người. Ngay từ đầu, duy trì và phát triển sự sống đã là những nhu cầu cần thiết của con người. Đối với văn hóa nông nghiệp những nhu cầu nói trên càng có ý nghĩa quan trọng. Để duy trì sự sống, cần cho mùa màng tươi tốt.

Để phát triển sự sống, cần cho con người sinh sôi. Trong mối quan hệ với tự nhiên, con người người tồn tại như một thành phần của tự nhiên, chịu sự chi phối của tự nhiên và đứng trước thiên nhiên bao la vô tận, đặc biệt trước những sức mạnh tự phát của thiên nhiên, con người sùng bái tự nhiên, phụ thuộc vào tự nhiên. Trong hoàn cảnh đó con người xuất hiện khát vọng để chế ngự thiên nhiên. Để khẳng định mình, con người cần sản xuất nhiều lúa gạo để duy trì sự sống và cần tạo ra nhiều thế hệ người để kế tục nòi giống và phát triển. Từ những khát vọng đó mà tín ngưỡng phồn thực xuất hiện.

Các hình thức tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam đều gắn với Văn hóa nông nghiệp và nền văn minh lúa nước, gắn với trí tuệ bình dân, dù sản xuất ra cây gì, con gì hay chính bản thân con người đều được quy về yếu tố sinh sản, sinh năm đẻ bảy. Trâu bò, lợn, gà đẻ, lúa đẻ, đất và nước đều đẻ.... Tất cả đều có một ước vọng chung là gia tăng về số lượng. Ngay cả trong truyền thuyết Bà Âu Cơ không phải đẻ một người con mà là một trăm người con, để rồi 50 người con lên rừng và 50 người con xuống biển lập nghiệp.

Tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam không những thờ sinh thực khí mà còn thờ cả hành vi giao phối. Hơn thế nữa còn chú trọng tôn thờ hành vi giao phối. Hành vi giao phối trong tín ngưỡng phồn thực Việt Nam không chỉ của con người mà còn là của cả loài vật, chim trời, cá nước,... và đều có những giá trị biểu đạt tâm linh, khát vọng sinh tồn. Trong tương quan giữa số lượng và chất lượng, giữa cái chung và cái cụ thể, tín ngưỡng phồn thực ở Việt Nam thường thiên về số lượng và cái chung. Chính vì vậy mà hành vi giao phối

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



được nhìn nhận tôn thờ thiêng liêng và là đối tượng tôn thờ chính yếu trong tín ngưỡng phồn thực của các dân tộc.

1.4. Vai trò của tín ngưỡng trong đời sống xã hội

1.4.1. Vai trò cố kết cộng đồng

Trong hoạt động tín ngưỡng, con người có những hoạt động thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng với tự nhiên và con người được tái sinh bằng sự tái hòa nhập cộng đồng. Những quan hệ tương như đã cũ được đổi mới trong những sinh hoạt tín ngưỡng, nó xóa đi sự xa lạ, lạnh lùng, trơ mòn bởi cái thường nhật lặp đi lặp lại trong quan hệ giữa con người với nhau. Bởi vậy, nhiều cung bậc tình cảm, như tình làng xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè, nhờ vào không khí hoạt động tín ngưỡng, cũng có thêm sắc thái mới. Nhờ vậy, dường như mỗi con người đều tự cảm thấy mình đang được trở về với chính mình đích thực là con người giữa cộng đồng xã hội.

Khi cộng đồng cùng sinh hoạt tín ngưỡng, người tham gia sẽ được trải nghiệm một không gian văn hóa vừa thân quen, vừa mới mẻ. Cảm nhận đó sẽ mang lại cho người tham gia những tình cảm mới, một sự cân bằng sinh thái và tâm lý quan trọng giúp cho họ hoàn thiện hơn nữa những phẩm chất tốt đẹp của con người. Đối với những vị khách từ nơi xa về tham dự, thì đây là dịp tốt để họ tiếp cận với vùng văn hóa mới, thay đổi không gian văn hóa và thực hành giao lưu văn hóa. Hoạt động tín ngưỡng không chỉ là dịp để con người truyền đạt tình cảm đạo lý và khát vọng cho nhau mà còn là dịp để con người giao hòa với quá khứ và hiện tại, qua đó con người củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính của mình đối với tạo hóa và tổ tiên cội nguồn của mình.

1.4.2. Vai trò an ủi tinh thần

Con người trong thế giới đời thường luôn bị sức ép của những sức mạnh tự nhiên cũng như xã hội và cũng thường không tìm được lời giải thích chính xác về nguyên nhân của những bất bình đẳng xã hội và những biện pháp khắc phục nó. Khi đến với tín ngưỡng, tôn giáo thì niềm tin về thế giới thần linh của các loại hình tín ngưỡng đã giúp con người nguôi ngoai đi những khổ đau của thế giới hiện tại và ủ ấp một hy vọng sáng láng hơn ở “thế giới bên kia”. Đó là cách giải thích hư ảo về nguồn gốc của khổ đau, sự thưởng phạt công minh đối với hành vi của mỗi người ngay trong đời sống trần thế và khả năng

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



đến được cõi hạnh phúc, vĩnh hằng thông qua một quy tắc sống an phận, chịu đựng, hướng thiện, tu tâm dưỡng tính, những phương thức để đạt mục đích cuối cùng như tín ngưỡng, tôn giáo đã chỉ ra đó là chức năng đền bù hư ảo. Tuy nhiên, chức năng ấy lại có tác dụng hiện thực, bởi nhờ có nó mà con người trong những lúc khổ đau, tuyệt vọng nhất vẫn được an ủi.

Với những quan niệm về niềm tin vào đấng siêu nhiên đó của tín ngưỡng, tôn giáo, con người đã được hướng tới niềm tin và sự an ủi, động viên, một sự nâng đỡ tinh thần nhất định. Quả thực trong những lúc khó khăn, bất lực của con người trước một tình huống nào đó, con người luôn khát khao, mơ ước sự cứu rỗi, sự trợ giúp nào đó từ một sức mạnh siêu phàm mà họ vẫn xem là có khả năng giúp đỡ mình. Họ không tìm thấy lực lượng đó trên trần thế, nên hướng đến đấng siêu nhiên ở thế giới bên kia. Họ tìm thấy ở đó một sự đền bù cho sự trống rỗng, bất lực trong hiện thực. Dù đó là sự đền bù hư ảo đi nữa, nó cũng ít nhiều giúp con người có niềm tin để có thể vượt qua những khổ đau nơi trần thế. Nhờ vậy, sự khổ ải trần thế trở nên nhẹ nhàng hơn. Trong cuộc sống, họ có được một niềm tin, một hy vọng và niềm tin ấy, hy vọng ấy đã có sức cổ vũ khôn lường. Rất có thể nhờ vậy, người ta có đủ dũng khí vượt qua trở lực để tồn tại và phát triển. Khi đó, đối với họ, niềm tin vào lực lượng siêu nhiên đã được “kiểm chứng”, sự hiện hữu của lực lượng siêu nhiên dường như đã được khẳng định. Nhờ vậy, niềm tin của con người được củng cố để bù đắp những khoảng trống mà con người gặp phải trong đời sống thực tiễn đầy cam go.

1.4.3. Vai trò thúc đẩy sự hướng thiện

Cùng với tôn giáo, tín ngưỡng đã tạo nên hệ thống những chuẩn mực giá trị đạo đức không nhỏ, những chuẩn mực ấy không chỉ duy trì trong quá trình thực hiện các nghi thức mà còn điều chỉnh cả hành vi của con người trong đời sống thường nhật. Qua những điều cấm kỵ, răn dạy tín ngưỡng, tôn giáo đã tham gia vào quá trình điều chỉnh hành vi của mỗi con người cả trong gia đình cũng như ngoài xã hội và làm cho con người sống tốt hơn, hài hòa với cộng đồng.

Thông qua việc thực hiện các hoạt động tín ngưỡng, chúng ta có thể thấy ở tín ngưỡng có không ít các “nhân tố hợp lý” nhất định. Như trên đã đề cập, tuy không hình thành một hệ chuẩn mang tính hệ thống và tương đối hoàn chỉnh như những tôn giáo chính thống, tín ngưỡng mang trong mình một số quy ước, một số quy phạm về cách ứng xử đòi hỏi chủ thể tin vào đối tượng

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



tin đó phải có hành động tương hợp. Những quan niệm đó biến thành động cơ chi phối hành vi của chủ thể tin theo. Nhờ đó mà con người được định hướng tới các hành vi nhân văn, cao cả, tốt đẹp. Chẳng hạn, khi người ta tin rằng “đất có thổ công, sông có hà bá” thì trong cuộc sống của mình, con người sẽ biết hướng tới tôn ti trật tự, biết tôn trọng người có chức việc trong thôn, xóm, bản, làng,... nói rộng ra, trong phạm vi quốc gia, phải biết tôn trọng chủ quyền dân tộc, chính quyền địa phương, luật pháp quốc gia.

1.4.4. Vai trò nâng cao trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng

Tín ngưỡng có khả năng liên kết những người cùng niềm tin. Họ có chung một niềm tin cùng bị ràng buộc bởi giáo lý, giáo luật cùng thực hiện một số nghi thức và những điểm tương đồng khác. Sự liên kết giữa các cộng đồng cùng tín ngưỡng khá chặt chẽ và lâu bền. Tuy nhiên, đôi khi cũng bị lợi dụng để phục vụ cho mục đích nào đó. Vì vậy, bên cạnh chức năng liên kết, tín ngưỡng cũng có khả năng bị phân ly vì sự khác biệt.

Chức năng này là kết quả hiện thực hóa vai trò “liên kết tinh thần” giữa những người có cùng một niềm tin nói chung, có cùng một tín ngưỡng dân gian nói riêng. Con người là một sinh vật xã hội, sự liên kết luôn là đòi hỏi của một xã hội (kể cả ở tầm cỡ tổng quát nhất như một dân làng, một chòm xóm, một gia đình) để có được một sức mạnh cần thiết cho đời sống của cộng đồng. Chức năng liên kết giữa tín ngưỡng dân gian được quyết định bởi sự thống nhất giữa những người có cùng một loại đối tượng tin. Nói cách khác, những người có cùng đức tin vào lực lượng siêu nhiên do chính nhân dân tạo ra bao giờ cũng liên kết với nhau nhờ niềm tin vào lực lượng siêu nhiên đó. Thực tế cho thấy một khi có cùng đối tượng tin, người ta có thể liên kết với nhau đôi khi rất chặt trên nhiều phương diện ngay cả khi không cùng ý thức chính trị, thậm chí đối lập nhau trên phương diện chính trị.

Tính vững chắc của sự cố kết trên cơ sở có tín ngưỡng dân gian bắt nguồn từ chỗ bản thân tín ngưỡng đã là sức mạnh cố kết tinh thần mạnh mẽ. Sự cố kết ấy tăng lên nhờ sự thiêng liêng của thánh thần, được phát huy và thử thách qua cuộc chiến đấu giữa đức tin và cuộc sống thực mà không ít trường hợp, đức tin mang lại cho họ sự an ủi rất đáng kể.

Trong cuộc sống thường nhật, sự liên kết giữa những con người nhờ tín ngưỡng dân gian có thể có ý nghĩa tích cực tạo nên sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn to lớn mà họ gặp phải; song nó cũng có thể gây ra

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



những hậu quả khôn lường khi tín ngưỡng đó phát triển “quá đà”, chuyển thành mê tín dị đoan.

Các tín ngưỡng bao giờ cũng có một hệ chuẩn quan niệm bất thành văn đòi hỏi người có niềm tin vào cái đó phải thực hiện. Trên ý nghĩa nhất định, đó là những chuẩn mực sống, ứng xử của nền đạo đức địa phương tương ứng. Những chuẩn mực của tín ngưỡng không những có giá trị giáo dục to lớn đối với người có đức tin, mà trong nhiều trường hợp, còn là những đòi hỏi, những chuẩn mực chung của toàn xã hội.

Trong không ít trường hợp, tín ngưỡng không chỉ sản sinh ra các quan niệm đạo đức, mà còn có khả năng điều hành việc thực hiện những chuẩn mực đạo đức đó. Nếu các chuẩn mực đạo đức đòi hỏi mỗi công dân tự nguyện thực hiện và dư luận xã hội đóng vai trò khuyến khích hoặc trừng phạt đối với những vi phạm, thì tín ngưỡng lại thực hiện sự trừng phạt đó mang tính thần bí. Sự vi phạm những răn dạy về đạo đức của đối tượng tin sẽ bị trừng phạt của thánh thần, của thượng đế tối cao, của luật đền bù nhân quả. Chẳng kém gì tâm lý sợ hãi khi bị xã hội lên án, nỗi lo sợ bị đối tượng tin trừng phạt đôi khi còn có ý nghĩa to lớn hơn nhiều. Do vậy, tín ngưỡng có vai trò không nhỏ trong việc điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, đòi hỏi ở họ phải thực hiện nghĩa vụ đạo đức. Nhờ thế, con người sống với nhau tốt hơn, cuộc sống của cộng đồng nhờ thế cũng đẹp hơn.

1.4.5. Vai trò giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam

Với chức năng cơ bản là điểm tựa tinh thần cho con người khi gặp những vấn đề bế tắc trong cuộc sống, tín ngưỡng là hạt nhân của đời sống văn hóa cộng đồng. Tín ngưỡng nói chung, thực hành tín ngưỡng nói riêng vẫn phát huy những tác dụng nhất định của nó với cá nhân, cộng đồng trong xã hội, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam với tư cách một bộ phận cấu thành của văn hóa, một mặt tạo ra sự phong phú cho văn hóa, mặt khác, góp phần lưu giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Trong các loại hình tín ngưỡng, tín ngưỡng phồn thực thuộc loại có liên quan tới quan niệm về việc bảo đảm tính kế tục lịch sử theo nghĩa đen. Đó là việc đề cao sản xuất ra chính con người đời sau tiếp nối, kế thừa, bảo lưu. Tín ngưỡng thành hoàng, thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc tiêu biểu cho loại “tính kế tục lịch sử” theo nghĩa bóng. Đó là những giá trị phi vật chất để cùng

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



các giá trị vật chất tạo ra sự kế thừa lịch sử mà chỉ trong xã hội phát triển đến mức độ nhất định mới có được.

Tín ngưỡng góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam với tư cách một bộ phận cấu thành của văn hóa, một mặt tạo ra sự phong phú cho văn hóa, mặt khác, góp phần lưu giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, hạn chế, ngăn chặn văn hóa ngoại lai. Tín ngưỡng là cơ sở hình thành, phát triển tôn giáo nhưng ngược lại, tín ngưỡng là rào cản hạn chế sự phát triển, xâm nhập của tôn giáo vào cộng đồng dân cư, nhất là các tà đạo.

Tựu trung lại, “tín ngưỡng của người Việt Nam chỉ nhằm cho cuộc sống hiện tại, hiện hữu nơi trần thế của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Người Việt theo tín ngưỡng thường không nhằm để hướng tới và vì cuộc sống ở thế giới bên kia” (như thiên đường hay niết bàn). Từ những vai trò chủ yếu trên của tín ngưỡng trong đời sống cộng đồng người Việt, mục đích chính mà tín ngưỡng hướng tới là mong có được sức khỏe, hạnh phúc, sung túc, an vui; gia đình hòa thuận, xã hội thanh bình, con cháu đầy đàn, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, quốc thái dân an.

2. Một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng

2.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng

Hoạt động quản lý xuất hiện từ lâu và bao gồm nhiều loại, trong đó quản lý xã hội là một dạng quản lý đặc biệt. Quản lý xã hội được đặt ra từ khi lao động của con người bắt đầu được xã hội hóa. Quản lý xã hội là sự tác động có ý thức để chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người phù hợp với ý chí của chủ thể quản lý và qui luật khách quan. Quản lý xã hội do nhiều chủ thể tiến hành. Khi Nhà nước xuất hiện, những công việc quản lý xã hội quan trọng nhất do Nhà nước đảm nhiệm.

Quản lý nhà nước hiện nay được hiểu theo hai nghĩa:

Nghĩa rộng: Quản lý nhà nước là dạng quản lý xã hội của Nhà nước, sử dụng quyền lực Nhà nước để điều chỉnh các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người do tất cả các cơ quan Nhà nước (Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp) tiến hành để thực hiện các chức năng của Nhà nước đối với xã hội.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



Nghĩa hẹp: Quản lý nhà nước là dạng quản lý xã hội mang quyền lực Nhà nước với chức năng chấp hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật của các cơ quan trong hệ thống hành pháp (Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp).

Từ những quan niệm trên, ta có thể đưa ra khái niệm về quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng theo hai nghĩa như sau:

Nghĩa rộng: Là quá trình dùng quyền lực nhà nước (quyền Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp) của các cơ quan Nhà nước theo qui định của pháp luật để tác động, điều chỉnh, hướng các hoạt động tín ngưỡng diễn ra phù hợp với pháp luật, đạt được mục tiêu cụ thể của chủ thể quản lý.

Nghĩa hẹp: Là một dạng quản lý xã hội mang tính chất nhà nước, chức năng nhiệm vụ của nhà nước, là quá trình chấp hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật của các cơ quan trong hệ thống hành pháp để điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng diễn ra theo qui định của pháp luật.

2.2. Yêu cầu khách quan, mục tiêu, nguyên tắc và nội dung của quản lý nhà nước về tín ngưỡng

2.2.1. Yêu cầu khách quan

Quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng nói riêng là công việc bình thường của mọi nhà nước, trong đó có Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng có một số quan điểm cho rằng, hoạt động tín ngưỡng là hoạt động mang tính nội bộ của cơ sở tín ngưỡng, nhà nước không cần phải quản lý, nếu có sự quản lý của nhà nước thì tự do tín ngưỡng sẽ không còn. Nhưng thực tế hiện nay cho thấy, ở đâu có hoạt động tín ngưỡng thì ở đó có sự quản lý của nhà nước để đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Yêu cầu của quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng không chỉ xuất phát từ ý chí của nhà nước mà còn xuất phát từ thực tế khách quan của sự hình thành, tồn tại, phát triển và những ảnh hưởng của tín ngưỡng trong lịch sử, hiện tại và tương lai. cũng giống như tôn giáo, tín ngưỡng bao giờ cũng có tính hai mặt, mặt tốt, mặt tích cực và mặt tiêu cực, bất cập. Hơn nữa, tín ngưỡng luôn biến động, phản ánh sự biến đổi của lịch sử nhân loại. Tín ngưỡng hình thành và phát triển từ những tiền đề kinh tế-xã hội. Khi những

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



nguồn gốc làm phát sinh tín ngưỡng chưa được giải quyết, tín ngưỡng vẫn còn tồn tại và sẽ còn tồn tại rất lâu dài. Từ thực tế khách quan này, một mặt nhà nước cần tăng cường quản lý các hoạt động tín ngưỡng để tín ngưỡng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật nhằm tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, phát huy tốt các chân giá trị tâm linh, văn hóa và đạo đức của tín ngưỡng trong đời sống xã hội; mặt khác là để khắc phục những tiêu cực, lệch lạc và các hoạt động lệch chuẩn đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội.

Trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, tín ngưỡng tác động, ảnh hưởng khá sâu sắc đến nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tín ngưỡng có vai trò không nhỏ trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng; thúc đẩy sự hướng thiện, an ủi tinh thần, cố kết cộng đồng. Thực tiễn đời sống tín ngưỡng ở Việt Nam những năm gần đây cho thấy tín ngưỡng cũng mang không ít những hạn chế, tiêu cực, thậm chí không ít hoạt động tín ngưỡng phản văn hóa, mang yếu tố mê tín, dị đoan, phục vụ mục đích trục lợi, gây thiệt hại về tiền của, sức khỏe con người và gây mất trật tự an ninh, xã hội tại cơ sở.... Điều đó đặt ra không ít các vấn đề mà xã hội và các cấp quản lý phải quan tâm.

Để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, phát huy những mặt tích cực, hạn chế những tiêu cực trong tín ngưỡng, nhà nước cần tăng cường công tác quản lý, để các hoạt động tín ngưỡng diễn ra phù hợp với ý chí của nhà nước, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội và nhu cầu tâm linh tinh thần của quần chúng. Quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng ở Lạng Sơn vì vậy cũng nằm trong sự cần thiết tất yếu nói trên.

2.2.2. Mục tiêu quản lý

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng phải bảo đảm được quyền tự do tín ngưỡng của công dân, bảo đảm cho các hoạt động tín ngưỡng được diễn ra bình thường theo đúng qui định của pháp luật Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của con người đã được Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị của Liên Hợp quốc ghi nhận. Trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, coi đó là một trong những quyền cơ bản của công dân. Năm 1945, chỉ một ngày sau khi đọc “*Tuyên ngôn độc lập*” ở Quảng trường Ba Đình, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Chủ tịch đã phát biểu: “Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do Lương Giáo đoàn kết”. Ngày nay, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật”.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng phải phát huy được những mặt tích cực, khắc phục được những hạn chế, tiêu cực của tín ngưỡng đối với sự phát triển của xã hội. Phát huy và khơi dậy được những yếu tố tích cực của tín ngưỡng, như tính hướng thiện, từ bi, bác ái trong các mối quan hệ của xã hội. Tạo điều kiện cho cơ sở tín ngưỡng tham gia cùng nhà nước giải quyết những vấn đề của xã hội như: Hoạt động từ thiện, cứu trợ nhân đạo, xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế. Bên cạnh đó, chúng ta phải tăng cường cảnh giác đề phòng những âm mưu lợi dụng tín ngưỡng để gây mất trật tự an toàn xã hội, trục lợi hoặc buôn thần bán thánh.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng phải thực hiện được mục tiêu đoàn kết đồng bào có tín ngưỡng và đồng bào không có tín ngưỡng, tạo ra sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là truyền thống quý báu và bài học quan trọng, là tiền đề của mọi thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc trước kia và công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước hiện nay. Trong công tác tín ngưỡng, mục tiêu đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa những người có tín ngưỡng với những người không có tín ngưỡng là vấn đề quan trọng, nhất là khi tín ngưỡng bị lợi dụng làm xáo trộn và gây mất ổn định xã hội.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng phải đảm bảo sự tăng cường vai trò của nhà nước trong việc điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng. Trong thực tế, các cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận của xã hội, do vậy phải đặt dưới sự quản lý của nhà nước. Hoạt động tín ngưỡng phải tuân thủ những qui định của nhà nước. Những hoạt động tín ngưỡng trái pháp luật, nằm ngoài khuôn khổ pháp luật của nhà nước đều phải bị xử lý theo qui định của pháp luật. Thực hiện tốt được những điều trên, một mặt vai trò quản lý của nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng được tăng cường, mặt khác đưa các hoạt động tín ngưỡng tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

2.2.3. Nguyên tắc quản lý

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Từ mục tiêu quản lý nói trên, quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc đảm bảo cho mọi công dân được bình đẳng trước Hiến pháp và pháp luật. Đây là nguyên tắc của thể chế dân chủ, có tính phổ quát ở nhiều quốc gia. Nhà nước ta là nhà nước dân chủ, đến nay Hiến pháp Việt Nam đã được bổ sung nhiều lần với những quy định rõ ràng về các quyền con người được Hiến pháp bảo vệ trên tất cả các mặt dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hiến pháp năm 2013, tại Điều 24, Chương II quy định: "1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật". Vì vậy, mọi người, không phân biệt giới tính, quốc gia và lứa tuổi đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ và đều bình đẳng trước pháp luật, được hưởng mọi quyền lợi, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân. Đây là nguyên tắc đồng thời cũng là nội dung quan trọng của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Nguyên tắc đảm bảo tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người là một nguyên tắc căn bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay (theo tinh thần của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo mới). Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của con người và đã xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử hình thành, phát triển của xã hội loài người. Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng. Tuy nhiên mức độ của niềm tin ở mỗi con người, mỗi cộng đồng người, mỗi giai đoạn lịch sử là khác nhau. Niềm tin tín ngưỡng khó áp đặt cũng không dễ tước đoạt, nó tồn tại như nhu cầu khách quan của đời sống hiện thực. Vì vậy, tự do tín ngưỡng cũng có nghĩa là con người được tự nguyện hướng tới một lực lượng siêu nhiên, đồng thời cũng có quyền khước từ hoặc loại bỏ niềm tin đã có. Tự do tín ngưỡng cũng có nghĩa là không chấp nhận sự độc tôn hoặc tham vọng thôn tính của tôn giáo này đối với tôn giáo khác, càng không thể áp đặt hoặc gạt bỏ thông qua quyền lực chính trị. Tuy nhiên, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không phải là vô giới hạn, vì quyền của người này, cộng đồng này khi vượt qua giới hạn nào đó có thể vi phạm vào quyền chính đáng

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



của những người khác, cộng đồng khác. Tự do theo nghĩa chân chính của nó là tự do của người này, cộng đồng này không vi phạm đến tự do của người khác và cộng đồng khác. Chính vì vậy, nhà nước có trách nhiệm quản lý và điều chỉnh các hoạt động của các cá nhân, các tổ chức hoạt động tín ngưỡng sao cho những hoạt động ấy diễn ra trong khuôn khổ của pháp luật, không ảnh hưởng đến xã hội.

Nguyên tắc về tính thống nhất giữa sinh hoạt tín ngưỡng và bảo tồn giá trị văn hóa. Hoạt động tín ngưỡng bao giờ cũng thể hiện qua sinh hoạt vật chất của con người và nó bao gồm các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Tín ngưỡng được vật chất hóa trong đời sống xã hội thể hiện qua lễ nghi. Các cơ sở tín ngưỡng là nơi giữ gìn văn hóa vật thể và phi vật thể. Những công trình kiến trúc, những tác phẩm hội họa, điêu khắc, những bản nhạc, bài hát văn, y phục đa sắc màu... thực hiện các nghi thức tín ngưỡng đều thể hiện nét văn hóa. Sự tồn tại của tín ngưỡng cũng có nghĩa là sự bảo lưu văn hóa. Vì vậy, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc không thể không quan tâm đến sinh hoạt tín ngưỡng mà nhân dân ta lưu giữ qua nhiều đời nay.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị văn hóa đích thực không thiếu những hiện tượng phản văn hóa có trong tín ngưỡng, những hủ tục cũ trở dậy, mê tín dị đoan gia tăng, thương mại hóa trong hoạt động tín ngưỡng... những hiện tượng ấy trà trộn, thâm thấu vào sinh hoạt tín ngưỡng làm vẩn đục bầu không khí sinh hoạt tín ngưỡng lành mạnh, làm lệch chuẩn hoạt động tín ngưỡng. Vì vậy, Nhà nước quản lý hoạt động tín ngưỡng làm sao để vừa giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời loại bỏ dần những hiện tượng phản văn hóa trong sinh hoạt tín ngưỡng.

2.2.4. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng

- (1) Xây dựng chính sách, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng.
- (2) Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng.
- (3) Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng.
- (4) Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng.
- (5) Nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



(6) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng.

(7) Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng.

Tiểu kết Chương 1

Trong Chương 1, tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng. Những nội dung lý luận như: Khái niệm tín ngưỡng, hoạt động tín ngưỡng, quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng; những vấn đề liên quan như: Các loại hình tín ngưỡng, vai trò của tín ngưỡng trong đời sống xã hội, yêu cầu khách quan, mục tiêu, nguyên tắc nội dung của quản lý nhà nước về tín ngưỡng.

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng làm cơ sở đánh giá đúng thực trạng và đề xuất được những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ở chương sau.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

1. Đặc điểm, tình hình các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Qua thống kê, đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 811 cơ sở tín ngưỡng, trong đó: Đình: 268 cơ sở; Đền: 69 cơ sở; Miếu: 354 cơ sở; Điện thờ: 45 cơ sở, am: 01 cơ sở; nghề: 27 cơ sở; phủ: 01 cơ sở; nhà thờ họ: 10 cơ sở; chùa: 36 cơ sở. Theo mức độ xếp hạng di tích: Cấp quốc gia đặc biệt: 04 cơ sở; cấp quốc gia: 12 cơ sở; cấp tỉnh: 40 cơ sở và đưa vào danh mục kiểm kê: 112 cơ sở. Trong 811 cơ sở tín ngưỡng có 35 cơ sở thờ tự có tên là chùa nhưng không phải là cơ sở tôn giáo. Việc tồn tại cơ sở tín ngưỡng có tên là chùa là do yếu tố lịch sử để phù hợp với văn hóa bản địa và xu hướng “dân gian hóa chùa” ở Lạng Sơn. Mọi hoạt động tại chùa đều do cộng đồng cư dân quản lý, bảo vệ, tổ chức thực hiện hoạt động tín ngưỡng và duy trì từ thể hệ này sang thế hệ khác.

Căn cứ mức độ xếp hạng, phân loại quản lý, loại hình và địa bàn phân bố có thể khái quát đặc điểm, tình hình thực trạng các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh như sau:

1.1. Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý

Số lượng các cơ sở tín ngưỡng được nằm trong danh mục kiểm kê di tích được phê duyệt và công bố còn tương đối thấp. Trong số 811 cơ sở tín ngưỡng đến nay mới chỉ có 168 cơ sở tín ngưỡng, chiếm 20,7 % nằm trong danh mục kiểm kê (trong đó có 55 cơ sở tín ngưỡng là di tích được xếp hạng các cấp, chiếm 6,8% (gồm 40 cơ sở cấp tỉnh, 11 cơ sở cấp quốc gia; 04 cơ sở quốc gia đặc biệt¹; 113 cơ sở trong danh mục kiểm kê, chiếm 13,9%)²; 643 cơ sở chưa xếp hạng đưa vào danh mục kiểm kê di tích, chiếm 79,3%³.

¹ Trong tổng số 55 cơ sở tín ngưỡng xếp hạng có 14 cơ sở là đình, 10 cơ sở là chùa, 30 cơ sở là đền, 01 cơ sở là nhà thờ họ.

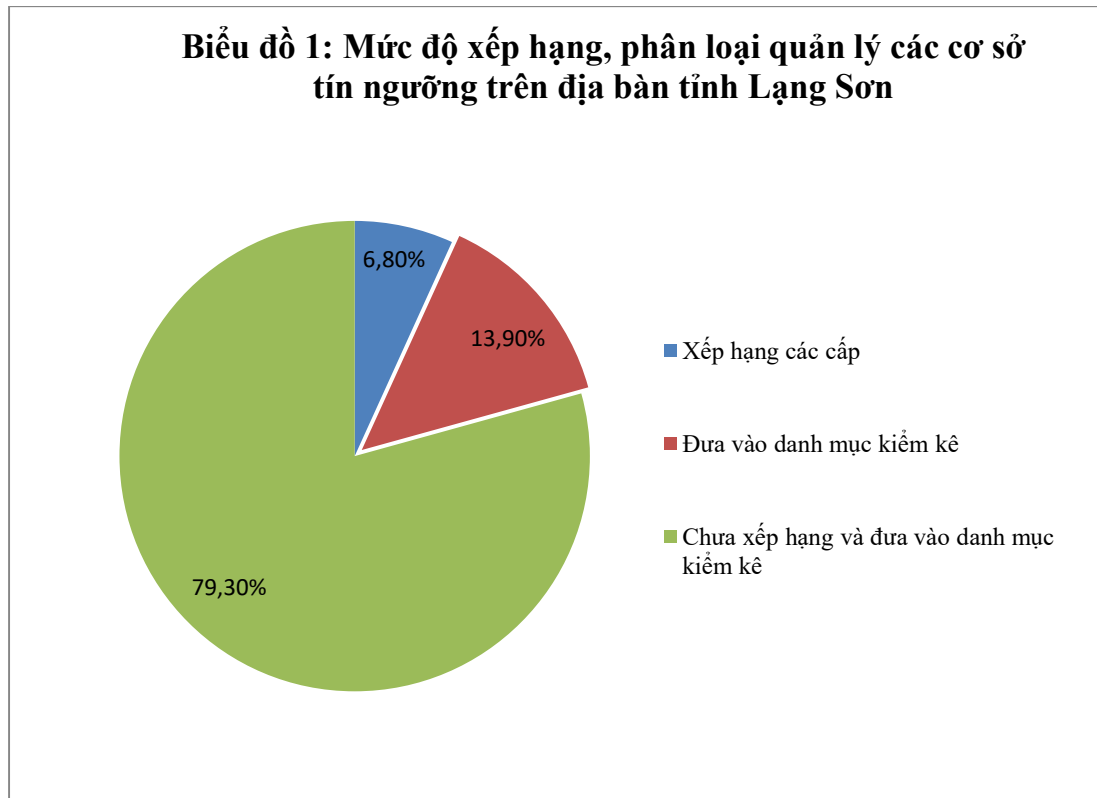
² Trong tổng số 55 cơ sở tín ngưỡng xếp hạng có 04 cơ sở nằm trong quần thể khu di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt là: Đình Nông Lục - khu di tích khởi nghĩa Bắc Sơn; đền Quý Môn, đền Quán Nàng, chùa Làng Trung - Khu di tích lịch sử Chi Lăng, huyện Chi Lăng.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Biểu đồ 1: Mức độ xếp hạng, phân loại quản lý các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn



1.2. Về loại hình

Nhìn chung, các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh khá phong phú, đa dạng và hội tụ đầy đủ các loại hình trong đó tập trung nhiều nhất lần lượt là các loại hình: Miếu, đình, đền, ít nhất lần lượt là các loại hình phủ, am, nhà thờ họ, chùa. Cụ thể là: Miếu 354 cơ sở (chiếm 43,65%), đình 268 cơ sở (chiếm 33,04%), đền 69 cơ sở (chiếm 8,51%), điện thờ tư nhân 45 cơ sở (chiếm 5,55%), chùa 35 cơ sở (chiếm 4,44%), nghề 27 cơ sở (chiếm 3,33%); nhà thờ họ 10 cơ sở (chiếm 1,23%), phủ 01 cơ sở (0,12%), am 01 cơ sở (chiếm 0,12%). Với những loại hình cơ sở tín ngưỡng như trên đối tượng thờ cúng tại các cơ sở tín ngưỡng chủ yếu là Thổ công, Thổ địa, Thành hoàng, Mẫu, những danh nhân, anh hùng dân tộc, người có công, đặc biệt là việc phối thờ theo lối "Tiền thánh, hậu Phật", "Tiền Phật hậu Thánh" và các hình

² Toàn tỉnh có 335 di tích, khu di tích nằm trong danh mục kiểm kê di tích đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố (theo Quyết định số 73/QĐ – UBND ngày 10/01/2019).

- Các cơ sở tín ngưỡng nằm trong danh mục kiểm kê di tích đã được phê duyệt và công bố là đối tượng do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, quản lý theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các quy định liên quan khác.

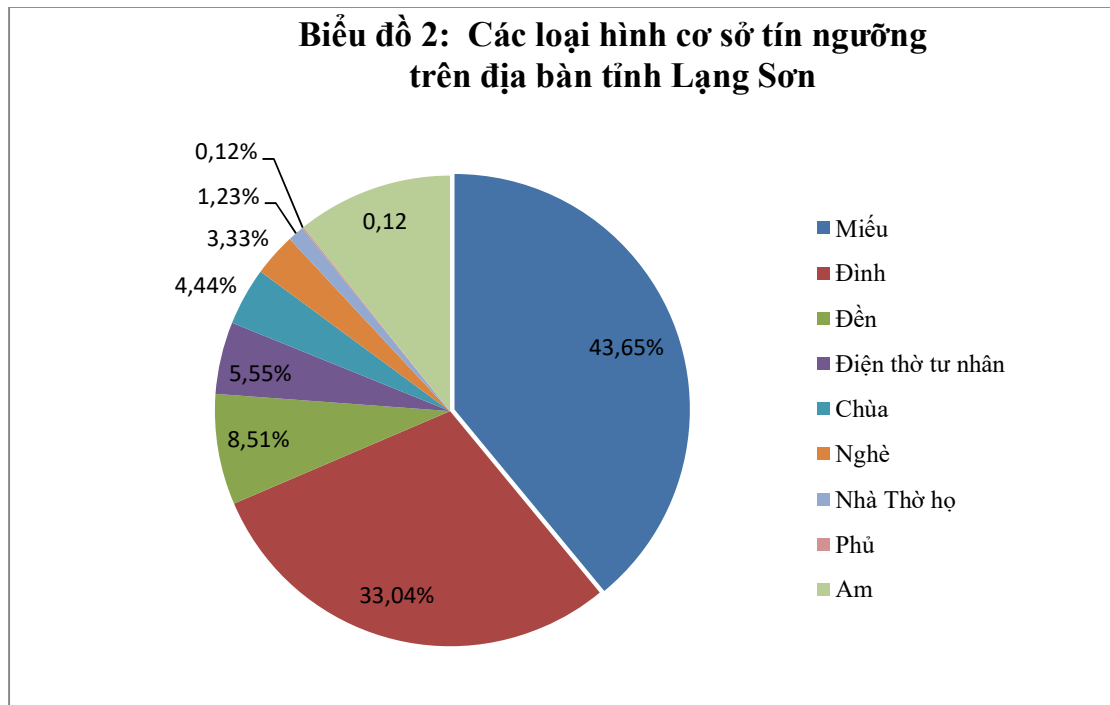
³ Các cơ sở không nằm trong danh mục kiểm kê di tích là đối tượng do ngành Nội vụ tham mưu, quản lý theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định liên quan khác.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



thức phối thờ khác. Quy mô, diện tích các cơ sở tín ngưỡng còn nhỏ, đơn lẻ, kiến trúc cơ bản theo lối chữ nhất (一), chữ Nhị (二), chữ đĩnh (丁), chữ công (工); loại công trình chủ yếu là cấp IV, thiết kế, trang trí, tạo hình điêu khắc không cầu kỳ, thường theo lối tường hồi bít đốc; vật liệu xây dựng đơn giản, cơ bản là vật liệu tại chỗ; phương thức bài trí nội ngoại thất không đồng nhất, thiếu tính thẩm mỹ, sự hài hòa với không gian cảnh quan và yếu tố gốc cấu thành cơ sở tín ngưỡng. Các công trình tín ngưỡng quy mô lớn, theo lối kiến trúc khép kín tổng thể như: Chữ Tam (三), chữ môn (門), nội công ngoại quốc (國)... còn ít.



1.3. Về địa bàn phân bố

Các cơ sở tín ngưỡng phân bố ở hầu hết các huyện, thành phố trong tỉnh, trong đó tập trung nhiều nhất ở các huyện Hữu Lũng, Cao Lộc và thành phố Lạng Sơn, ít nhất ở huyện Văn Lãng, Tràng Định và Bắc Sơn. Số liệu khảo sát trên địa bàn từng huyện, thành phố như sau:

1.3.1. Thành phố Lạng Sơn

Có 102 cơ sở, chiếm 12,58% tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 15 cơ sở được xếp hạng các cấp, gồm xếp hạng cấp tỉnh (06 đền), xếp hạng cấp quốc gia 9 (06 đền, 3 chùa); 04 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 01 đình, 02 đền, 01

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



miếu); 83 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 04 đình, 05 đền, 67 miếu, 01 phủ, 01 nhà thờ họ, 05 điện thờ tư nhân).

Về loại hình: Có 05 đình, 19 đền, 68 miếu, 03 chùa, 01 phủ, 01 nhà thờ họ, 05 điện thờ tư nhân.

1.3.2. Huyện Cao Lộc

Có 143 cơ sở, chiếm 17,63 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 06 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (gồm 03 đình, 02 đền, 01 chùa); 02 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 01 đình, 01 đền); 135 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 9 đình, 01 đền, 125 miếu).

Về loại hình: Có 13 đình, 04 đền, 125 miếu, 01 chùa.

1.3.3. Huyện Bình Gia

Có 85 cơ sở chiếm 10,48 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 01 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (01 đền), 04 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (04 đình), 80 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 65 đình, 14 miếu, 01 điện thờ tư nhân).

Về loại hình: Có 69 đình, 01 đền, 14 miếu, 01 điện thờ tư nhân.

1.3.4. Huyện Văn Quan

Có 69 cơ sở chiếm 8,51 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 0 cơ sở xếp hạng, 09 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 08 đình, 01 nhà thờ họ), 60 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 37 đình, 2 đền, 06 chùa, 15 miếu).

Về loại hình: Có 45 đình, 02 đền, 06 chùa, 15 miếu; 01 nhà thờ họ

1.3.5. Huyện Bắc Sơn

Có 35 cơ sở chiếm 4,32% tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 06 cơ sở xếp hạng các cấp (gồm 05 đình cấp tỉnh, 01 đình cấp quốc gia đặc biệt), 07 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 04 đình, 02 nghề, 01 chùa), 22 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 15 đình, 01 đền, 04 miếu, 01 chùa, 01 nghề).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Về loại hình: Có 25 đình, 01 đền, 04 miếu, 02 chùa, 03 nghề.

1.3.6. Huyện Hữu Lũng

Có 164 cơ sở chiếm 20,22 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 9 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (08 đền, 01 chùa), 61 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 42 đình, 11 đền, 07 chùa, 01 nghề), 94 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 12 đình, 07 đền, 18 miếu, 01 am, 21 nghề, 02 nhà thờ họ, 33 điện thờ tư nhân).

Về loại hình: Có 54 đình, 26 đền, miếu 18, 01 am, 22 nghề, 08 chùa, 02 nhà thờ họ, 33 điện thờ tư nhân.

1.3.7. Huyện Chi Lăng

Có 69 cơ sở, chiếm 8,51 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 06 cơ sở xếp hạng các cấp, gồm cấp tỉnh (01 đền) cấp quốc gia (02 chùa), cấp quốc gia đặc biệt (02 đền, 01 chùa), 11 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 04 đình, 06 đền, 01 chùa), 52 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (16 đình, 01 đền, 22 miếu, 7 chùa, 02 nghề, 02 nhà thờ họ, 02 điện thờ tư nhân).

Về loại hình: Có 20 đình, 10 đền, 22 miếu, 11 chùa, 02 nghề, 02 nhà thờ họ, 02 điện thờ tư nhân.

1.3.8. Huyện Tràng Định

Có 30 cơ sở chiếm 3,7% tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 03 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (gồm 02 đền, 01 nhà thờ họ), 04 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 02 đình, 01 đền, 01 chùa), 20 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 03 đình, 15 miếu, 02 nhà thờ họ).

Về loại hình: Có 05 đình, 03 đền, 15 miếu, 01 chùa, 03 nhà thờ họ.

1.3.9. Huyện Văn Lãng

Có 22 cơ sở chiếm 2,71 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 03 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (02 đền, 01 chùa), 04 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (03 đình, 01 chùa), 15 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (04 đình, 10 miếu, 01 nhà thờ họ).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Về loại hình: Có 07 đình, 02 đền, 10 miếu, 02 chùa, 01 nhà thờ họ.

1.3.10. Huyện Lộc Bình

Có 59 cơ sở chiếm 7,27 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 04 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (03 đình, 01 chùa), 04 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (03 đình, 01 chùa), 51 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 11 đình, 01 đền, 39 miếu).

Về loại hình: Có 17 đình, 01 đền, 02 chùa, 39 miếu.

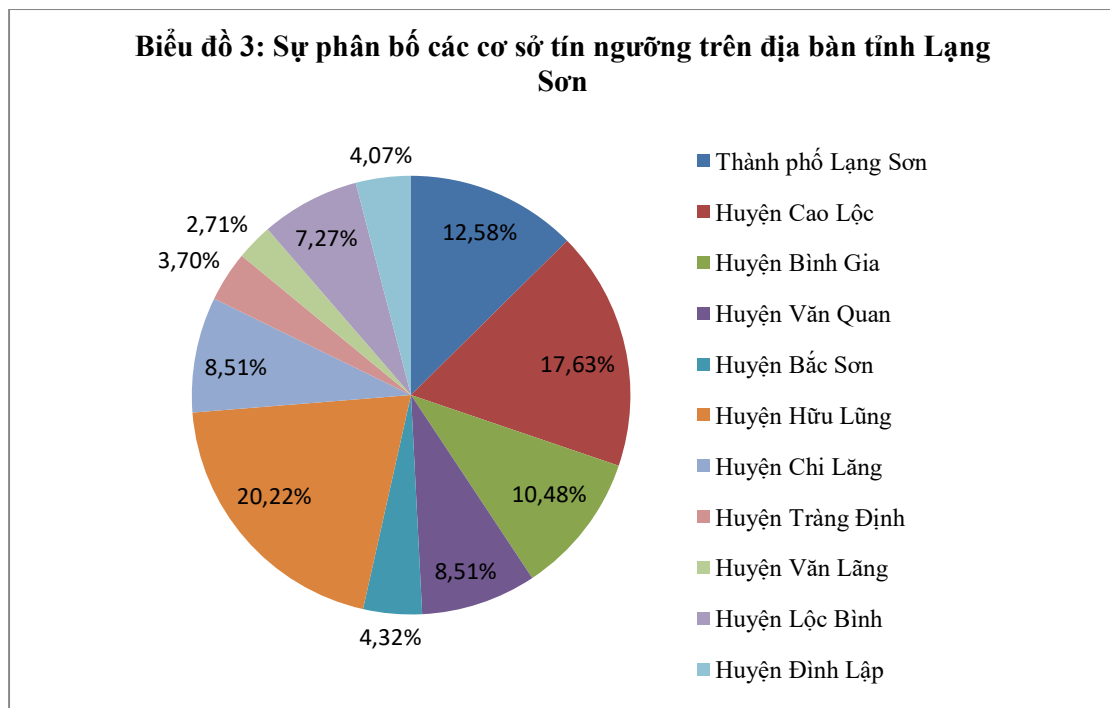
1.3.11. Huyện Đình Lập

Có 33 cơ sở chiếm 4,07 % tổng số cơ sở tín ngưỡng toàn tỉnh. Trong đó:

Về mức độ xếp hạng, phân loại quản lý: Có 02 cơ sở xếp hạng cấp tỉnh (02 đình), 03 cơ sở trong danh mục kiểm kê di tích (03 đình), 28 cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê di tích (gồm 03 đình, 24 miếu, 01 điện thờ tư nhân).

Về loại hình: Có 08 đình, 24 miếu, 01 điện thờ tư nhân.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo)



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



2. Thực trạng hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

2.1. Việc thành lập, tổ chức hoạt động của Ban quản lý, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 131 cơ sở tín ngưỡng có người đại diện, ban quản lý (*trong đó cơ sở xếp hạng 42; cơ sở đưa vào danh mục kiểm kê 45; cơ sở chưa xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê 44*). Về cơ bản các cơ sở thành lập ban quản lý, cử người đại diện đa phần là các cơ sở đã xếp hạng và nằm trong danh mục kiểm kê (*87/131 cơ sở chiếm 66,4%*). Về cơ bản việc thành lập ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh được quan tâm, triển khai thực hiện theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật di sản văn hóa, Quy chế bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo. Kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá 100 phiếu điều tra xã hội đối với cán bộ, công chức cho thấy có 46/100 cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý hoặc công nhận người đại diện (*chiếm 46%*); 21/100 cơ sở (*chiếm 21%*) thôn bản, khối phố cử người làm thủ nhang; 10/100 cơ sở (*chiếm 10%*) do cá nhân kế thừa tiếp nối, truyền thống dòng họ, gia đình quản lý; 2/100 (*chiếm 2%*) cơ sở do cá nhân có công xây dựng, tôn tạo tự quản lý; 12/10 (*chiếm 12%*) cơ sở do tùy theo tình hình cụ thể của từng cơ sở có hình thức quản lý phù hợp, còn lại là hình thức khác. Đối với 102 người dân, du khách cho thấy: Có 62/102 (*chiếm 60,9%*) cho biết Ủy ban nhân dân xã căn cứ tiêu chí quy định, tổ chức bầu cử, lấy ý kiến của nhân dân sau đó mới ban hành quyết định thành lập hoặc công nhận; 10/102 (*chiếm 9,8%*) tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề xuất và được chính quyền quyết định thành lập, công nhận; 4/102 (*chiếm 3,9%*) các tổ chức, cá nhân gia đình có công xây dựng tự quản lý; 3/102 (*chiếm 2,9%*) do chỉ định; 14/102 (*chiếm 13,7%*) không nắm được hình thức và 9/102 (*chiếm 8,8%*) hình thức khác.

Hầu hết các cơ sở tín ngưỡng khi thành lập Ban quản lý, cử người đại diện đều triển khai thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục theo quy định từ việc tổ chức bầu, cử đến việc ban hành quyết định công nhận đối với các tổ chức, cá nhân hội tụ đủ các tiêu chí theo quy định như: Là công dân Việt Nam thường trú tại địa phương, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



trong cộng đồng dân cư; am hiểu lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy di tích tại cơ sở... và các nội dung liên quan khác.

Việc thành lập Ban quản lý, cử người đại diện đã giúp cho việc tổ chức hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng ngày càng hiệu quả, cơ bản tuân thủ, thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và di sản văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được việc thành lập, tổ chức hoạt động của Ban quản lý, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng vẫn còn một số tồn tại hạn chế sau:

Một là: Số lượng các cơ sở tín ngưỡng thành lập Ban quản lý hoặc cử người đại diện còn thấp, mới chỉ có 131/801 cơ sở, đạt 16,3% (*không tính 10 cơ sở là nhà thờ họ theo quy định*), thiếu những chủ thể để chịu trách nhiệm trước pháp luật nên việc quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Hai là: Sự thiếu đồng bộ, thống nhất giữa Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Luật di sản văn hóa trong việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gây khó khăn cho địa phương, cơ sở trong việc triển khai thực hiện⁴. Cũng như sự thiếu đồng bộ, thống nhất giữa việc thành lập Ban quản lý, cử người đại diện đối với cơ sở tín ngưỡng chưa nằm trong danh mục kiểm kê di tích với những cơ sở tín ngưỡng đã xếp hạng di tích hoặc nằm trong danh mục kiểm kê được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt về thành phần, số lượng, cơ cấu tổ chức hoạt động đến quy mô, chủ thể, thẩm quyền ban hành quyết định thành lập, công nhận. Điều này đã gây khó khăn cho các huyện, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện, đặc biệt là những địa phương có nhiều cơ sở tín ngưỡng phải thành lập Ban quản lý cấp huyện, cấp xã.

⁴ Khoản 4, Điều 11, chương II Luật tín ngưỡng tôn giáo quy định "*Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa*". Tuy nhiên, Luật di sản chưa quy định nội dung này mà tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở điều kiện thực tế địa phương và định hướng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại công văn số 2946/BVHTTDL-DSVH, ngày 27/8/2014 về việc kiện toàn bộ máy quản lý di tích để quy định trong quy chế quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Ban hành kèm theo quyết định số 63/2017/QĐ – UBND, ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Về mô hình, chủ thể quyết định công nhận: Nếu như trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo chỉ quy định chung chung hoặc tập trung vào từng cơ sở tín ngưỡng cụ thể trên địa bàn xã và chủ thể công nhận là Ủy ban nhân dân xã trên cơ sở kết quả bầu cử tại địa phương theo quy định. Thì hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện việc Luật di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại Điều 6, Điều 7, chương II Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2017/QĐ-UBND, ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*) đã phân rõ hơn làm 03 mô hình (*cấp huyện, cấp xã và cơ sở tín ngưỡng đơn lẻ*), tương ứng với đó là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thành lập, công nhận Ban quản lý cấp huyện, cấp xã và các cơ sở tín ngưỡng xếp hạng quốc gia đặc biệt, quốc gia; Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập công nhận Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng cấp tỉnh, trong danh mục kiểm kê được phê duyệt. Ban quản lý các cấp căn cứ tình hình điều kiện thực tế để xem xét thành lập bộ phận thường trực, có nhiệm vụ giúp việc cho Ban quản lý tổ chức các hoạt động nghi lễ, hành chính, an ninh, trật tự, vệ sinh... và các hoạt động khác.

Về thành phần, số lượng: Nếu như trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo chỉ quy định một cách chung chung, chưa thể hiện rõ số lượng, thành phần, cơ cấu. Thì hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại Điều 6, chương II Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2017/QĐ-UBND, ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*) đã cụ thể hơn về thành phần, số lượng, cơ cấu ban quản lý. Theo đó về thành phần tùy theo mô hình (*cấp huyện, cấp xã và cơ sở tín ngưỡng đơn lẻ*) cơ cấu số lượng thành phần có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nhưng về cơ bản có 2 nhóm thành phần chính là: Thành phần chỉ định và thành phần thông qua bầu cử⁵.

⁵ *Đối với ban quản lý cấp huyện:* Thành phần chủ yếu là thành phần chỉ định Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện là Trưởng ban, lãnh đạo Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện là Phó trưởng ban; lãnh đạo các phòng, ban, tổ chức đoàn thể cùng cấp, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã có di tích là thành viên. Thành phần cụ thể, số lượng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban quản lý cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Ba là: Thiếu những hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn; về thành phần hồ sơ, mẫu văn bản và các vấn đề liên quan trong việc thành lập, kiện toàn ban quản lý, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng.

Bốn là: Việc tổ chức, điều hành hoạt động của ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng vẫn còn những hạn chế yếu kém nhất định. Thiếu những người nắm bắt, hiểu rõ các quy định của nhà nước về di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; am hiểu thực hành các hoạt động tín ngưỡng dẫn đến việc thực hành, hoạt động tín ngưỡng còn chưa đúng quy định, chưa phù hợp, hài hòa với tính chất, loại hình cơ sở tín ngưỡng; việc đưa rước, bài trí tượng, đồ thờ trái quy định vào cơ sở tín ngưỡng vẫn còn xảy ra.

Kết quả qua phân tích, tổng hợp số liệu của 400 phiếu điều tra đối với (100 cán bộ công chức văn hóa; 98 Ban quản lý/người đại diện cơ sở tín ngưỡng; 100 thầy cúng, thanh đồng; 102 người dân, du khách) có đến 270/400 (chiếm 67,5%) ý kiến cho rằng cần bổ sung thêm những người am hiểu thực hành hoạt động tín ngưỡng; 39/400 (chiếm 9,75%) ý kiến cho rằng cần tăng số lượng thành viên... và các ý kiến khác, cụ thể là:

STT	Hình thức điều chỉnh, bổ sung	Đối tượng điều tra				Tổng số lượng, tỷ lệ	
		Cán bộ, công chức	Người đại diện/BQL	Thanh đồng, thầy cúng	Người dân, du khách	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tăng thêm số lượng thành viên	7	7	12	13	39/400	9,75%
2	Giảm số lượng thành viên	1	3	2	2	8/400	2%
3	Giảm thành viên ở các tổ chức, đoàn thể, tăng ở cộng đồng dân cư	5	2	5	6	18/400	4,5%

Đối với cấp xã và cơ sở tín ngưỡng đơn lẻ: Thành viên chỉ định: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là Trưởng ban. Thành viên thông qua bầu cử gồm: Đại diện các tổ chức đoàn thể, chính quyền, Nhân dân, người cao tuổi, người có uy tín, người am hiểu trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy di tích tại cơ sở; thủ nhang, thủ từ (người thường xuyên trông nom di tích) và các cá nhân liên quan khác.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



STT	Hình thức điều chỉnh, bổ sung	Đối tượng điều tra				Tổng số lượng, tỷ lệ	
		Cán bộ, công chức	Người đại diện/BQL	Thanh đồng, thầy cúng	Người dân, du khách	Số lượng	Tỷ lệ (%)
4	Bỏ quy định thành viên chỉ định	4	4	2	2	12/400	3%
5	Bổ sung thêm những người am hiểu thực hành hoạt động tín ngưỡng	76	58	66	70	270/400	67,5%
6	Khác	7	26	13	7	53/400	13,25%
Tổng		100	100	100	100	198	100%

2.2. Tổ chức hoạt động, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai, thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, thực hành nghi lễ, lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng theo quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan. Việc triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo đã góp phần quan trọng trong việc đưa các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng đi vào nề nếp, đảm bảo tốt về thuần phong mỹ tục, không có hoạt động tiêu cực, phản cảm.

Qua khảo sát thực tế và phân tích tổng hợp 198 phiếu điều tra xã hội đối với người đại diện/Ban quản lý, thanh đồng, thầy cúng và cho thấy các cơ sở tín ngưỡng đã tổ chức nhiều hoạt động, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức để đáp ứng nhu cầu tham quan, chiêm bái, hành lễ của nhân dân và du khách trong và ngoài tỉnh. Từ việc hướng dẫn khách hành lễ, dâng hương, dâng hoa, cầu nguyện; tổ chức tế nam, tế nữ, rước kiệu, thắp hương ngày rằm, mừng một, các lễ tiết trong năm; dâng sao giải hạn, cầu siêu các danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc; đến việc thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ (hầu đồng) gắn với việc tổ chức các hoạt động giao lưu, trình diễn nghệ thuật diễn xướng châu văn tại các cơ sở tín ngưỡng nhân các ngày lễ trọng, những sự kiện văn hóa tiêu biểu tại địa phương nói chung và từng cơ sở tín ngưỡng nói riêng, tiêu biểu

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



là ở: Đền Bắc Lệ, đền Quan Giám Sát (*huyện Hữu Lũng*), đền Cửa Đông, đền Kỳ Cùng - đền Tả Phủ (*thành phố Lạng Sơn*), đền Mẫu Đồng Đăng (*huyện Cao Lộc*)... và các cơ sở tín ngưỡng khác.

Các Lễ hội truyền thống, lễ hội tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành, chính quyền địa phương từ tỉnh đến cơ sở tổ chức thông suốt và hiệu quả, đảm bảo đúng với văn hóa truyền thống. Phần lễ đảm bảo trang nghiêm, thành kính. Phần hội diễn ra sôi nổi, lành mạnh với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao đặc sắc cùng nhiều trò chơi truyền thống phong phú, độc đáo như: Múa sư tử, múa võ dân tộc, tung còn, đánh yến, đi cà kheo, đánh cờ, kéo co, các trò diễn sĩ - nông - công - thương, thi hát dân ca... kết hợp với các hoạt động văn hoá, thể thao hiện đại như: Biểu diễn văn nghệ quần chúng, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... Đối với các lễ hội có tổ chức rước kiệu, Ban Tổ chức lễ hội đã xây dựng kịch bản, lộ trình đoàn rước chi tiết, cụ thể, bảo đảm đúng nghi lễ, quán triệt các thành phần tham dự đoàn thực hiện theo sự bố trí, sắp xếp của ban tổ chức và theo lộ trình đã quy định, bảo đảm an ninh trật tự, tạo được không khí vui tươi, phấn khởi trong ngày hội, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương tham gia, hưởng ứng. Các hoạt động diễn ra vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm, góp phần nâng cao giá trị của lễ hội, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; thu hút đông đảo nhân dân, du khách thập phương đến với tỉnh, tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho cộng đồng các dân tộc Xứ Lạng trong dịp Tết Nguyên đán và đón xuân mới hằng năm.

Nhìn chung, hoạt động tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, lễ hội tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong thời gian qua được các cơ sở tín ngưỡng đăng ký, thông báo với chính quyền địa phương và tổ chức theo đúng quy định pháp luật, không để xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự tại địa phương. Các lễ hội tổ chức lần đầu, lễ hội được khôi phục hoặc lễ hội định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, cách thức tổ chức, nội dung, thời gian, địa điểm so với truyền thống triển khai các quy trình, thủ tục, hồ sơ đăng ký đối với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Từ năm 2016 đến nay có 03 lễ hội được đăng ký phục dựng⁶.

⁶ Gồm lễ hội đền Bắc Lệ xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng năm 2018; Lễ hội thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, Lễ hội đình Háng Sláp, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Cùng với các hoạt động trên, Ban Tổ chức lễ hội các cấp đã chú trọng xây dựng chương trình, kịch bản lễ hội để hướng các hoạt động thực hiện đúng quy định hiện hành. Kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa việc lợi dụng tổ chức các hoạt động tín ngưỡng để trục lợi cá nhân, hoạt động mê tín dị đoan, hiện tượng “mua thần bán thánh”, truyền đạo trái pháp luật... nhằm đảm bảo cho người dân có đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, văn minh. Tại các địa phương, quần chúng nhân dân tổ chức lễ hội theo định kỳ và trở thành thông lệ hàng năm (*hầu hết các cơ sở tín ngưỡng đều đăng ký chương trình hoạt động với chính quyền địa phương*). Đây là dịp để nhân dân khơi lại truyền thống uống nước nhớ nguồn, bày tỏ lòng thành kính, biết ơn với những người đã có công khai phá đất đai, dựng làng, lập bản; cầu mong các vị thần che chở, ban phúc cho dân làng được an khang, thịnh vượng, mùa màng bội thu. Phần lớn công tác tổ chức lễ hội đều do ban quản lý - chủ yếu là người cao tuổi, những người có uy tín, được kính trọng tại địa phương đứng ra tổ chức nên được đông đảo quần chúng nhân dân tín nhiệm và chấp hành nghiêm túc, không để xảy ra trường hợp tiêu cực nào ảnh hưởng đến việc thực hành nghi lễ tại lễ hội⁷.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được hoạt động, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

Một là, Sự thiếu đồng bộ, thống nhất trong văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về tên gọi, chủ thể nhận thẩm định hồ sơ đăng ký, thông báo hoạt động lễ hội gây khăn trong thực thi áp dụng tại địa phương⁸.

⁷ Trong 02 năm gần đây 2020, 2021 do ảnh hưởng, tác động của đại dịch covid – 19 nên quy mô, nội dung, hình thức ở hầu hết các lễ hội trên địa bàn đã được điều chỉnh, giảm hết các hoạt động hội, chỉ duy trì, tổ chức thực hiện phần nghi lễ với hình thức đơn giản, gọn nhẹ nhất. Thậm chí có nhiều lễ hội đã tạm dừng tổ chức.

⁸ *Về tên gọi:* Hiện nay giữa Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 110/2018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý và tổ chức lễ hội chưa có sự đồng nhất (Luật tín ngưỡng gọi là "lễ hội tín ngưỡng" và được giải thích tại Điều 2 là "*Hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng*"; Nghị định 110 có nhiều lễ hội khác nhau như: Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề, lễ hội có nguồn gốc nước ngoài. Trong đó Lễ hội truyền thống - một loại hình khá tương đồng với lễ hội tín ngưỡng, được giải thích trong Khoản 1, Điều 3 của Nghị định như sau: "*Lễ hội truyền thống (bao gồm cả lễ hội tại các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội dân gian) là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân*".

Về việc đăng ký, thông báo lễ hội tổ chức lễ hội lần đầu, lễ hội được khôi phục hoặc lễ hội định kỳ nhưng có thay đổi: Điều 13, Luật tín ngưỡng quy định chủ thể làm văn bản

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Hai là, Chế độ thông tin, báo cáo của các cơ sở tín ngưỡng và việc nắm bắt tình hình một số cơ quan, đơn vị cơ sở còn chưa kịp thời.

Ba là, Tình trạng xây dựng, coi nới trái pháp luật điện thờ tư nhân, đưa rước tượng thờ trái phép vào cơ sở thờ tự; tự ý bài trí tượng pháp, tổ chức các hoạt động tín ngưỡng trái với lịch sử, nguồn gốc, tính chất, loại hình cơ sở tín ngưỡng và các quy định hiện hành vẫn còn diễn ra nhưng chưa có chế tài xử lý cụ thể.

Ngoài ra, trong những năm gần đây xuất hiện hiện tượng một số tổ chức, cá nhân tuyên truyền, vận động, lôi kéo các cơ sở tín ngưỡng bỏ tiền, kinh phí để được phong, hoặc tự phong các danh hiệu không đúng thẩm quyền. Hiện trạng một số tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các thanh đồng thiếu hiểu biết lợi dụng tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ, Then... được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tổ chức các hoạt động, phô trương, hình thức, biến tướng, trá hình, trái với thuần phong, mỹ tục và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Hiện tượng làm mới và biến đổi các nghi thức, nghi lễ truyền thống của các lễ hội, hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn vì mục đích kinh doanh, thương mại hóa đã bắt đầu xuất hiện và được biến tướng dưới nhiều hình thức khác nhau gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội và đời sống tâm linh của nhân dân.

2.3. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đức, dâng cúng, tài trợ tại cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội

Trong những năm qua, căn cứ các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Hướng dẫn số 622/HDLN/STC-SVHTTDL, ngày 03/6/2014 của Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quản lý tài chính, quỹ công

đăng ký là người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng và cấp có thẩm quyền nhận, thẩm định, trả lời là Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ. Thì điều 7 và điểm a khoản 2, điểm a, khoản 3 điều 9 Nghị định 110 quy định chủ thể có trách nhiệm làm văn bản đăng ký là Ban tổ chức lễ hội và cấp có thẩm quyền nhận văn bản có sự phân cấp rõ ràng (*gửi lên UBND cấp huyện đối với lễ hội cấp huyện; gửi lên UBND cấp tỉnh đối với lễ hội cấp tỉnh*) và tại điều 10, 12, 13 Nghị định 110 cũng quy định rõ hơn về thành phần hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ, thời hạn thẩm định và trả lời đối với tương ứng với từng quy mô lễ hội tuy nhiên có sự khác biệt so với Luật tín ngưỡng, tôn giáo (*đó là thời hạn nộp hồ sơ ít nhất trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày và thời gian thẩm định, trả lời là 20 ngày*).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



đức các đền, chùa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Công tác tiếp nhận, quản lý tài chính, tài sản công đức tại các cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh cơ bản được triển khai thực hiện theo hướng dẫn. Từ việc tiếp nhận, quản lý sử dụng hòm công đức, in ấn, phát hành phiếu ghi công đức; việc kiểm kê, tổng hợp tài chính, tài sản công đức; nội dung chi, tỷ lệ chi nguồn thu công đức đến chế độ thông tin, báo cáo, công khai nguồn, thu chi công đức tại các cơ sở tín ngưỡng, hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh.

Theo kết quả tổng hợp, đánh giá số liệu báo cáo của 51 cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn 11 huyện, thành phố của tỉnh trong giai đoạn từ năm 2014 - 2018 đã thu được 130.550, 305 triệu đồng tiền công đức. Trong đó năm 2014 là 22.637,445 triệu đồng; năm 2015: là 23.266,843 triệu đồng; năm 2016 là 26.393,969 triệu đồng; năm 2017 là 27.665,196 triệu đồng; năm 2018 là 30.586,852 triệu đồng. Tổng số tiền chi trong giai đoạn 2014 - 2018 là 126.230,19 triệu đồng.

Trong đó, số kinh phí chi tính theo từng năm là:

Năm 2014: Chi 24.955,228 triệu đồng (*trong đó chi cho Ban quản lý 3.497,19 triệu đồng; chi thường xuyên 6.963,889 triệu đồng; chi tu bổ, tôn tạo, từ thiện, phúc lợi xã hội 14.400,599 triệu đồng, chi khác 93,55 triệu đồng*).

Năm 2015: Chi 27.965,29 6 triệu đồng (*trong đó chi cho Ban quản lý 4.075,127 triệu đồng; chi thường xuyên 6.358,428 triệu đồng; chi tu bổ, tôn tạo, từ thiện, phúc lợi xã hội 17.485,441 triệu đồng, chi khác 46,3 triệu đồng*).

Năm 2016: Chi 20.853,312 triệu đồng (*trong đó chi cho Ban quản lý 3.949,639 triệu đồng; chi thường xuyên 8.280,922 triệu đồng; chi tu bổ, tôn tạo, từ thiện, phúc lợi xã hội 7.872,591 triệu đồng, chi khác 750,16 triệu đồng*).

Năm 2017: Chi 25.420,076 triệu đồng (*trong đó chi cho Ban quản lý 3.955,713 triệu đồng; chi thường xuyên 8.206,657 triệu đồng; chi tu bổ, tôn tạo, từ thiện, phúc lợi xã hội 12.840,706 triệu đồng, chi khác 417 triệu đồng*).

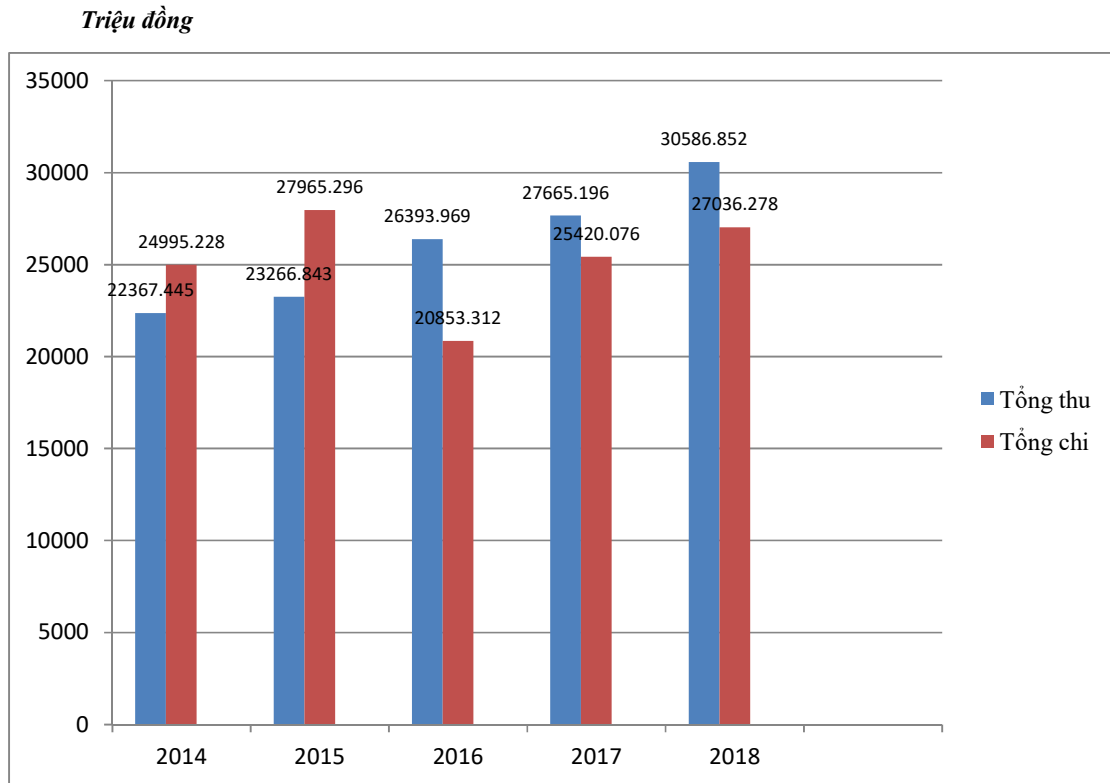
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Năm 2018: Chi 27.036,278 triệu đồng (trong đó chi cho Ban quản lý 4.630,92 triệu đồng; chi thường xuyên 8.896,167 triệu đồng; chi tu bổ, tôn tạo, từ thiện, phúc lợi xã hội 13.426,191 triệu đồng, chi khác 83 triệu đồng)

Biểu đồ 4: Tổng hợp số liệu thu, chi tiền công đức tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2014 – 2018



Số kinh phí chi tính theo nội dung trong cả giai đoạn 2014 - 2018 là:

Chi cho Ban quản lý: 20.108,589 triệu đồng (chiếm 16 % tổng số chi)

Chi hoạt động thường xuyên 38.706, 063 triệu đồng (chiếm 30,7 % tổng số chi)

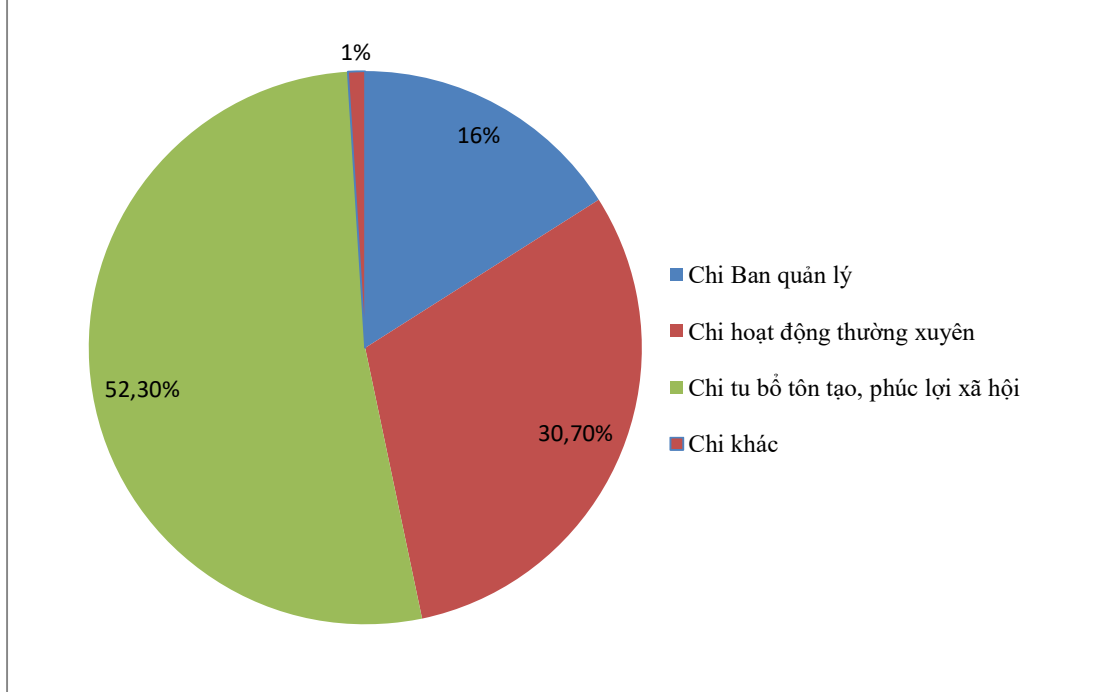
Chi tu bổ tôn tạo, hoạt động từ thiện, phúc lợi xã hội là: 66.025,528 triệu đồng (chiếm 52,3% tổng số chi)

Chi khác : 1.390,01 triệu đồng (chiếm 01% tổng số chi)

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
 “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
 đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Biểu đồ 5: Tỷ lệ bình quân nội dung chi tiền công đức tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2018



Qua báo cáo của địa phương, cơ sở, khảo sát thực tế và phân tích tổng hợp 200 phiếu điều tra xã hội đối với thanh đồng, thầy cúng, người dân, du khách; cho thấy về cơ bản việc tiếp nhận, quản lý sử dụng tài chính, tài sản công đức, dâng cúng, tài trợ tại cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội đã có những chuyển biến tích cực. Ở hầu hết các cơ sở tín ngưỡng các ban quản lý, ban tổ chức lễ hội đã bố trí lực lượng thu gom tiền lễ, giọt dầu kịp thời, việc sắp xếp hòm công đức, đặt tiền lễ hợp lý, đúng quy định. Nguồn thu công đức tại một số cơ sở tín ngưỡng đã được quản lý, sử dụng tương đối hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu các hoạt động thường xuyên tại cơ sở tín ngưỡng như: Lễ nghi, khánh tiết, hương hoa, phẩm vật, đèn nhang, điện nước, an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, tuyên truyền, vật tư, văn phòng phẩm, thông tin, liên lạc, sơ kết, tổng kết, tổ chức lễ hội; hoạt động tu bổ, tôn tạo, phục hồi cơ sở tín ngưỡng; hoạt động của ban quản lý. Đặc biệt một số cơ sở tín ngưỡng đã phát huy việc khai thác, sử dụng tiền công đức trong các hoạt động phúc lợi xã hội, từ thiện nhân đạo, phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được việc tiếp nhận, quản lý sử dụng tài chính, tài sản công đức, dâng cúng, tài trợ tại cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế như:

Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo:

Hệ văn bản của các bộ, ngành trung ương còn chung chung, chưa rõ ràng gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện ở cơ sở. Hiệu lực, hiệu quả của văn bản hướng dẫn ở địa phương chưa cao, chưa đủ hành lang, cơ sở pháp lý để đề ra các quy tắc xử sự để giải quyết những vấn đề phức tạp liên quan đến tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài chính, nguồn thu tài chính tại các cơ sở tín ngưỡng. Một số nội dung chưa rõ ràng, cụ thể, chưa quy định rõ các nguyên tắc tiếp nhận, các hình thức, phương thức công đức (*tiền, hiện vật, sức lao động, trí tuệ...*); quy định về nội dung chi, tỷ lệ chi còn chưa phù hợp, chưa phân loại xác định rõ thứ tự ưu tiên trong việc sử dụng nguồn thu; quy định về công tác thu, chi, quyết toán kinh phí cho một số nội dung chưa đảm bảo sự chủ động, linh hoạt, chưa quy định rõ quyền, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc tiếp nhận nguồn thu tài chính, công đức, cũng như các chế tài xử lý các hành vi vi phạm... dẫn đến hiện tượng "thỏa hiệp", "lợi ích nhóm" gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Về thực tế áp dụng:

Một số tổ chức, cá nhân chưa thực hiện, hoặc thực hiện trái quy định, hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý sử dụng tài chính, tài sản công đức, dâng cúng, tài trợ tại cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội. Tại một số cơ sở tín ngưỡng chưa có hướng dẫn cụ thể cho du khách trong việc đặt tiền công đức, hoặc đặt hòm công đức quá số lượng khuyến cáo, để xảy ra hiện tượng đặt tiền giọt dầu tràn lan, không đúng nơi quy định gây phản cảm và thiếu mỹ quan, làm mất đi tính tôn nghiêm và ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan cơ sở thờ tự.

Nội dung thực hiện các mức thu, chi tài chính theo hướng dẫn và trong thực tế còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, còn nhiều khoảng cách giữa nội dung quy định trong hướng dẫn và tình hình, điều kiện thực tế ở cơ sở (*phù hợp với thực tế thì trái với hướng dẫn và ngược lại*) gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý vi phạm. Tỷ lệ chi, nội dung chi nguồn thu công

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



đức tại một số cơ sở tín ngưỡng còn chưa đúng quy định, không đúng mục đích yêu cầu, việc sử dụng nguồn thu dành cho các hoạt động từ thiện, nhân đạo, phúc lợi xã hội còn hạn chế. Nội dung các mức, tỷ lệ thu, chi chưa theo kịp xu hướng phát triển của thực tế nảy sinh những vấn đề phức tạp trong công tác quản lý, sử dụng nguồn tài chính, tài sản công đức tại các cơ sở.

Công tác thanh kiểm tra, giám sát, chế độ thông tin, báo cáo chưa được thực hiện theo quy định, số liệu thống kê chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ, còn nhiều bất cập. Việc công khai tài chính còn chưa thực sự minh bạch, rõ ràng. Việc in ấn, phát hành, ghi phiếu công đức, sổ theo dõi tiền công đức, việc quản lý nguồn công đức ở một số cơ sở chưa được chặt chẽ, chưa đưa ra các biện pháp cụ thể, đặc biệt là áp dụng khoa học công nghệ trong việc giám sát, đảm bảo sự công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, quản lý sử dụng tiền công đức, tiền dịch vụ... và nhiều vấn đề liên quan khác.

Qua báo cáo của địa phương, cơ sở, khảo sát thực tế và phân tích tổng hợp phiếu điều tra xã hội đối với 98 người đại diện/ban quản lý cơ sở tín ngưỡng về những khó khăn vướng mắc của cơ sở tín ngưỡng, Ủy ban nhân dân cấp xã việc thực hiện báo cáo thu chi tài chính cho thấy có 48/98 ý kiến cho rằng còn gặp khó khăn vướng mắc gồm: 12/98 (*chiếm 12,2%*) ý kiến do không có hoặc thiếu người có chuyên môn kế toán; 12/98 (*chiếm 12,2%*) ý kiến do không có văn bản hướng dẫn cụ thể hoặc văn bản hướng dẫn chưa cụ thể, rõ ràng, khó thực hiện; 11/98 (*chiếm 11,2%*) ý kiến khó khăn do các mức, tỷ lệ chi nhỏ lẻ, phức tạp, khó phân tách, tổng hợp; 2/98 (*chiếm 2%*) ý kiến do việc tổng hợp thông tin số liệu do thiếu kiểm đếm, ghi sổ định kỳ, còn lại là khó khăn khác.

2.4. Việc quản lý, sử dụng đất; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, di dời công trình tín ngưỡng

Việc quản lý, sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng

Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh trong những năm qua được các cấp các, ngành, địa phương quan tâm, chú trọng, triển khai thực hiện thông qua việc ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; tổ chức các hội nghị tập huấn chuyên đề hướng dẫn quy trình, thủ tục việc thu hồi, giao đất và cấp giấy chứng nhận

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



quyền sử dụng đất cho cho đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã và Ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh những năm gần đây chính quyền địa phương, ban quản lý, người đại diện được giao quản lý cơ sở tín ngưỡng đều quan tâm, đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị chức năng, triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng đất tại các cơ sở tín ngưỡng, đặc biệt là các cơ sở tín ngưỡng đã xếp hạng thông qua hoạt động quy hoạch, khoanh vùng bảo vệ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả, qua việc tổng hợp, rà soát sơ bộ đến nay, trên địa bàn tỉnh có 02 cơ sở tín ngưỡng được quy hoạch với tổng diện tích là 181.024,5m²; 41 cơ sở tín ngưỡng được khoanh vùng bảo vệ với tổng diện tích là 157.631,59m²; 33 cơ sở tín ngưỡng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 53.425,22m²⁹. Việc giao đất, cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tín ngưỡng đã giúp cho công tác quản lý đất đai được chặt chẽ, đảm bảo hành lang, cơ sở pháp lý, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng cho các cơ sở tín ngưỡng, tạo điều kiện cho các cơ sở được thực hiện các quyền lợi, đồng thời giải quyết vướng mắc trong việc xác định nguồn gốc sử dụng đất do lịch sử để lại.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý sử dụng đất như: Số lượng các cơ sở tín ngưỡng được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thấp, chưa đáp ứng chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra. Tình trạng vi phạm, xâm hại, lấn chiếm mặt bằng, không gian, cảnh quan tại các cơ sở tín ngưỡng vẫn còn diễn ra với nhiều hình thức khác nhau (*cời nói, xây dựng công trình, nhà ở, dựng lều, quán buôn bán...*) gây khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng.

Nguyên nhân của những hiện trạng trên là do sự thiếu quan tâm trong công tác quản lý, khoanh vùng bảo vệ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số cơ sở tín ngưỡng và chính quyền cơ sở trong những năm trước đây. Việc bổ sung, xây dựng phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tín

⁹ Ngoài các nội dung trên Sở Xây dựng đã và đang tham mưu xây dựng Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn . Trong đó dự kiến quy hoạch 7/46 cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo như sau: chùa Núi 44.100 m²; đền Quán Năng 19.261 m² (KV1), đình Làng Trung 1673 m² (KV1), đền Quý Môn 3.748m² (KV1), chùa Hang 77.744m² (KV1), Chùa Làng Trung 4310 (KV1), đền Hồ Lai 46.268 m².

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ngưỡng theo từng thời kỳ, giai đoạn trong tổng thể quy hoạch chung của tỉnh, ngành, lĩnh vực, địa phương đảm bảo việc khai thác, sử dụng lâu dài chưa được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm rà soát, bổ sung đầy đủ, kịp thời. Nguồn kinh phí lập hồ sơ và triển khai các quy trình, thủ tục liên quan còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc xác định quy mô, diện tích, ranh giới của cơ sở tín ngưỡng; thống nhất tổ chức, cá nhân đứng tên đại diện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn nảy sinh nhiều khó khăn, vướng mắc từ yếu tố lịch sử để lại (*thiếu hồ sơ, hồ sơ chưa đầy đủ, rõ ràng...*) và những vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện trong thực tế.

Việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, di dời công trình tín ngưỡng

Theo thống kê sơ bộ, trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn tỉnh có 60 lượt cơ sở tín ngưỡng được xây mới, cải tạo, nâng cấp với tổng kinh phí là 134.393,321 triệu đồng (*trong đó ngân sách nhà nước là: 52.903 triệu đồng, chiếm 39,4%; xã hội hóa là: 81.490,321 triệu đồng, chiếm 60,6%*). Theo đó số kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng theo từng năm cụ thể như sau:

Năm 2016: 38.668,078 triệu đồng (*Nhà nước 37.500 triệu đồng chiếm 97%, xã hội hóa 1.168, 078 triệu đồng, chiếm 3%*)

Năm 2017: 3.648,749 triệu đồng (*Nhà nước 553 triệu đồng, chiếm 15,2%; xã hội hóa 3.095,749 triệu đồng, chiếm 84,8%*)

Năm 2018: 30.578,986 triệu đồng (*Nhà nước 2.950 triệu đồng, chiếm 9,6%; xã hội hóa 27.628,986 triệu đồng, chiếm 90,4%*).

Năm 2019: 11.892,642 triệu đồng (*xã hội hóa 11.892,642 triệu đồng, chiếm 100%*)

Năm 2020: 49.604,866 triệu đồng (*Nhà nước 11.000 triệu đồng, chiếm 24 %; xã hội hóa 37.704,866 triệu đồng, chiếm 76 %*)

(Chi tiết theo Phụ lục 2 kèm theo)

Trong quá trình thực hiện, các cơ sở tín ngưỡng là di tích xếp hạng các cấp được đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi từ nguồn ngân sách nhà nước cơ bản thực hiện theo đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục trong quản lý đầu tư, xây dựng theo Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo. Các cơ sở tu bổ, tôn tạo từ nguồn xã hội hóa cơ bản được triển khai thực hiện nghiêm túc theo

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



các quy trình, quy định của nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít di tích khi tôn tạo, sửa chữa chưa tuân thủ theo trình tự, thủ tục của pháp luật gây khó khăn cho công tác quản lý của cơ quan chức năng, thậm chí có một số cơ sở còn có những hành vi biến tướng "cải gia vi tự", sử dụng sai mục đích công trình theo quy định, tiêu biểu như: “Đền Tài Lộc” (huyện Văn Lãng), “đền Bà chúa Then” (huyện Bình Gia), “đền liệt sĩ” (xã Thanh Lò, huyện Cao Lộc)... Nhiều cơ sở tín ngưỡng đã hư hỏng xuống cấp, thậm chí là phế tích nhưng chưa có nguồn kinh phí bảo quản, tu bổ, phục hồi¹⁰. Công tác xã hội hóa tuy đã có những chuyển biến, khởi sắc nhất định nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

2.5. Việc bảo vệ, giữ gìn trật tự, cảnh quan, môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa, phát huy giá trị của cơ sở tín ngưỡng, hoạt động lễ hội gắn với phát triển du lịch

2.5.1. Việc bảo vệ, giữ gìn trật tự, cảnh quan, môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tại các cơ sở tín ngưỡng

Hầu hết Ban quản lý, người đại diện các cơ sở tín ngưỡng đã cơ bản thực hiện đúng quy định, hướng dẫn trong việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng từ việc lắp đặt hệ thống biển báo, chỉ dẫn, sơ đồ, nội quy, bảng tóm tắt giới thiệu lịch sử, giá trị của di tích, cơ sở tín ngưỡng; sắp xếp hợp lý nơi để đồ lễ, sắp lễ, dâng lễ, thắp hương; bố trí đầy đủ các thiết bị phòng chống cháy, nổ, nơi chứa rác thải, nhà vệ sinh; quy hoạch sắp xếp hệ thống hàng quán, dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông đảm bảo khoa học, hợp lý... đến việc tuyên truyền hướng dẫn du khách chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy quy định của Ban quản lý, của pháp luật trong việc thực hiện thực hiện nếp sống văn minh.

Qua khảo sát thực tế và phân tích tổng hợp 400 phiếu điều tra xã hội cho thấy về cơ bản các cơ sở tín ngưỡng không còn hiện tượng thắp hương tràn lan trong nội tự, việc thả, ném, cài, giắt tiền lên tượng; các hoạt động mê tín, dị đoan, mua bán ấn phẩm văn hóa chưa được phép lưu hành và các tệ nạn xã hội đã được chấn chỉnh kịp thời và có chuyển biến nhất định. Các hoạt động dịch vụ, việc công khai niêm yết giá, giảm thiểu việc tăng giá tùy tiện và thương mại hoá lễ hội cơ bản được quản lý tốt. Công tác an ninh trật tự, an toàn giao thông được đảm bảo. Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm, chú trọng, từng

¹⁰ Theo thống kê hiện nay có 66 cơ sở tín ngưỡng là phế tích

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



bước được cải thiện, cơ bản đảm bảo đáp ứng theo các quy định hiện hành. Các hoạt động trên không chỉ từng bước hình thành không gian văn hóa lành mạnh, an toàn, giữ gìn vệ sinh, an ninh trật tự, bảo vệ cảnh quan, môi trường; đảm bảo tính tôn nghiêm, sự trang trọng của cơ sở tín ngưỡng mà còn góp phần tôn vinh, đề cao các giá trị văn hoá truyền thống và thuần phong mỹ tục dân tộc, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, đáp ứng nhu cầu giao lưu, hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh đó ở một số cơ sở tín ngưỡng còn tình trạng đổi tiền lẻ hưởng chênh lệch, nạn ăn xin, ăn mày, hiện trạng ùn tắc giao thông, lấn chiếm không gian, mở hàng quán, dịch vụ, cúng khấn thuê... Không ít hoạt động tín ngưỡng bị bóp méo, biến dạng, phản văn hóa, phục vụ mục đích trục lợi, gây thiệt hại về tiền của, sức khỏe con người và gây mất trật tự an ninh, xã hội tại cơ sở; số lượng đồ hàng mã sử dụng trong mỗi cuộc lễ lớn gây nên tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, cũng như tổn kém về tiền bạc của người dân; hiện trạng cài đặt tiền vào tượng, đồ thờ làm xấu biểu tượng quốc gia và hình ảnh lãnh tụ dân tộc; nhiều cuộc lễ tại một số cơ sở thờ tự thờ Mẫu có mức chi phí cao, dùng tiền mệnh giá lớn để tán lộc gây nên tâm lý ganh đua thiếu tích cực trong con nhang, đệ tử thậm chí vượt ra ngoài cộng đồng, làm mất đi tính trong sáng trong văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Do nguồn lợi khổng lồ trong hoạt động tín ngưỡng đem lại, nhiều đối tượng đã lợi dụng sinh hoạt tín ngưỡng để đồn thổi, thổi phồng khả năng của bản thân để thu hút người tin theo; một số cá nhân lấy danh nghĩa làm công đức, tự đầu tư xây dựng, tôn tạo và nâng cấp cơ sở thờ tự bị xuống cấp, bị bỏ hoang để biến thành của cá nhân và gia đình quản lý, nhằm mục đích kinh doanh cơ sở thờ tự. Nguồn thu trong sinh hoạt và hoạt động tại cơ sở thờ tự tín ngưỡng là rất lớn, nhưng không được quản lý đúng theo quy định của Nhà nước để tái đầu tư vào cộng đồng.

2.5.2. Việc phát huy giá trị của cơ sở tín ngưỡng, hoạt động lễ hội gắn với phát triển du lịch

Đến nay, trong tổng số 47 điểm điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra quyết định công nhận, đã có 17 điểm là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hoặc liên quan đến với hoạt tín ngưỡng là: Động Tam Thanh - Chùa Tam Thanh, Động Nhị Thanh - Chùa Tam Giáo, Chùa Thành; Đền Kỳ Cùng, Đền

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Tả Phủ, Đền Cửa Đông, Đền Cửa Tây, Đền Cửa Nam, Đền Cửa Bắc, chùa Tiên – Giếng Tiên (*thành phố Lạng Sơn*); Đền Mẫu Đồng Đăng; Chùa Bắc Nga (*huyện Cao Lộc*); Đền Quỷ Môn (*khu di tích lịch sử Chi Lăng, huyện Chi Lăng*); Chùa Tà Lài (*huyện Văn Lãng*); Đền Bắc Lệ, Đền Quan Giám Sát (*huyện Hữu Lũng*), Khu Linh địa cổ (*huyện Lộc Bình*); 03 điểm là khu di tích lưu niệm danh nhân là: Di tích lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ (*huyện Văn Lãng*); Di tích lưu niệm đồng chí Lương Văn Tri (*huyện Văn Quan*); Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (*huyện Tràng Định*).

Ngoài ra có nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo tuy chưa được công nhận là điểm du lịch nhưng cũng đã và đang thu hút được đông đảo du khách tới tham quan, chiêm bái, hành lễ thu hút đông đảo nhân dân và du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái, hành lễ như: đền Châu Lục, đền Đèo Kéng (*huyện Hữu Lũng*), đền Châu Năm, đền Châu Mười (*huyện Chi Lăng*), chùa Tân Thanh, chùa Tà Lài¹¹ (*huyện Văn Lãng*)... và các cơ sở tín ngưỡng khác.

Nhìn chung, hoạt động du lịch tâm linh và sản phẩm du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay chủ yếu bao gồm các nhóm hoạt động sau:

Thứ nhất, hành hương đến các điểm du lịch tâm linh, di tích, cơ sở tín ngưỡng để thực hiện các hoạt động tâm linh thuần túy như: Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ, cầu an, giải hạn, cầu danh, cầu tài, cầu lộc cầu sức khỏe... và các lễ tiết định kỳ trong năm. Kết hợp với tham quan, văn cảnh, thưởng ngoạn không gian cảnh quan và không gian kiến trúc, điêu khắc gắn với điểm tâm linh; tìm hiểu những giá trị di sản văn hóa gắn với điểm tâm linh. Các hoạt động này chủ yếu diễn ra tại một số hệ thống các di tích, cơ sở tín ngưỡng như: Đền Bắc Lệ, đền Quan Giám Sát, đền Châu Năm, đền Châu Lục, đền Cửa Đông, đền Kỳ Cùng, đền Mẫu Đồng Đăng, chùa Bắc Nga... và một số cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo khác.

Thứ hai, hành hương đến các khu lưu niệm, khu di tích tưởng niệm tôn vinh các danh nhân, anh hùng dân tộc như: Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri... hoặc hoài niệm về quá khứ, thăm lại chiến trường xưa, tri ân tưởng nhớ các anh hùng, liệt sỹ...

¹¹ Hay còn gọi là chùa Thanh Hương

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Kết quả phân tích tổng hợp 102 phiếu điều tra xã hội cho đối tượng nhân dân và du khách chi thấy: có 69/102 (*chiếm 67,6%*) người đến cơ sở tín ngưỡng để dâng lễ cầu cúng thuần túy trong các này lễ trọng (*thượng nguyên, vào hè, ra hè, tất niên...*); 22/102 (*chiếm 21,6%*) người là lồng ghép việc du lịch với hoạt động chiêm bái, hành lễ; 8/102 (*chiếm 7,8 %*) người thực hiện cuộc lễ, dâng sao giải hạn... còn lại là hoạt động khác.

Cùng với các cơ sở tín ngưỡng, các lễ hội dân gian truyền thống trên địa bàn tỉnh cũng là một trong những loại hình thu hút, hấp dẫn nhân dân và du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan trải nghiệm lễ hội và các phong tục, tập quán địa phương. Qua thống kê hiện nay tỉnh Lạng Sơn có 395 lễ hội¹² (*gồm có 313 lễ hội truyền thống diễn ra thường xuyên¹³ và 82 lễ hội đã mai một, không còn tồn tại*), trong đó có 05 lễ hội được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là: Lễ hội Nà Nhèm (*xã Trán Yên, huyện Bắc Sơn*), Lễ hội Bùng Kham (*xã Đại Đồng¹⁴, huyện Tràng Định*), Lễ hội Phài Lừa (*xã Hồng Phong, huyện Văn Lãng*), Lễ hội Trò Ngô (*xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng*) và lễ hội Kỳ Cùng – Tả Phủ (*thành phố Lạng Sơn*).

Qua khảo sát thực tế cho thấy trong những năm qua khách du lịch tâm linh đến Lạng Sơn chiếm một tỷ trọng khá lớn, đạt trung bình khoảng 1,3 - 1,5 triệu lượt người/năm, chiếm khoảng 55% tổng số khách du lịch đến Lạng Sơn và xu hướng tăng dần theo từng năm. Thông thường khách đi du lịch hầu như kết hợp với mục đích tâm linh với du lịch sinh thái, văn hoá cộng đồng, lễ hội, tham quan, mua sắm hoặc mục đích tâm linh được lồng ghép trong nhiều hoạt động khác. Lượng khách tới thăm các điểm di tích tâm linh ở Lạng Sơn hàng năm tương đối ổn định, song còn mang tính chất mùa vụ, đa phần chỉ diễn ra vào thời điểm lễ hội mùa xuân, hoặc xuân thu nhị kỳ (*đầu năm đi lễ cuối năm đi trả lễ*).

Nhận thức rõ vai trò, giá trị của các cơ sở tín ngưỡng và lễ hội dân gian truyền thống trong phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch tâm linh hoạt động khai thác, sử dụng cơ sở tín ngưỡng trong phát triển du lịch ngày càng được

¹² Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011 - 2015 và thống kê của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đến tháng 9/2017.

¹³ Có 27 lễ hội được tổ chức gắn với di tích đã xếp hạng, 286 lễ hội tổ chức gắn với di tích chưa xếp hạng và không gắn với di tích.

¹⁴ Đang thực hiện quy trình sáp nhập và Thị trấn Thất Khê

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở quan tâm, chú trọng và có những chuyển biến tích cực, thông qua nhiều hoạt động như: Triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học về du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh; xây dựng Đề án phát triển sản phẩm du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh; đầu tư tu bổ, tôn tạo cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; xây dựng các tuyến du lịch gắn liền với các cơ sở tín ngưỡng, điểm du lịch tâm linh; tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương; tăng cường đẩy mạnh việc tổ chức các chương trình sự kiện văn hóa, du lịch nhân dịp các ngày lễ lớn của tỉnh, đất nước tại các cơ sở tín ngưỡng... Các hoạt động trên bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu tham quan, hưởng thụ, nghiên cứu và học tập của nhân dân trong và ngoài tỉnh, đem lại nguồn thu ngân sách đáng kể và giải quyết việc làm, sinh kế cho nhân dân địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được việc phát huy giá trị của cơ sở tín ngưỡng, hoạt động lễ hội gắn với phát triển du lịch vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như:

Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, bố cục mặt bằng không gian tại các cơ sở tín ngưỡng nói riêng, hạ tầng du lịch nói chung phát triển chậm, thiếu đồng bộ, thiếu những công trình quy mô lớn, chưa hình thành được các điểm, khu mang tính hoàn chỉnh là hạt nhân, điểm nhấn, tạo bước đột phá cho du lịch tâm linh của tỉnh... nên hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách và mặt bằng, xu thế phát triển chung của xã hội.

Công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hội, hiệp hội, các tổ chức cá nhân trong lĩnh vực du lịch; giữa các cấp các ngành, địa phương chưa quan tâm, chú trọng, còn mang tính hình thức. Thiếu cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, huy động, khuyến khích các tập đoàn, các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân có tiềm lực lớn thực hiện các dự án, đầu tư, xây dựng, khai thác vào các khu du lịch nói chung, các khu du lịch tâm linh, xây dựng, phát triển, các loại hình, sản phẩm du lịch tâm linh nói riêng.

Thiếu định hướng, quy hoạch hệ thống và quy hoạch tổng thể cho di tích nói chung và từng điểm, khu di tích gắn với du lịch tâm linh, cũng như đề án bảo tồn, phát triển các loại hình di sản văn hoá phi vật thể gắn với đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, đặc biệt là các di sản

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Hệ thống các điểm, tour, tuyến, sản phẩm du lịch chưa được xây dựng, hình thành một cách rõ ràng, thiếu tính liên kết giữa các điểm du lịch ở các địa phương trong và ngoài tỉnh để tạo sự khép kín, đồng bộ. Hoạt động, sản phẩm du lịch tâm linh còn thiếu định hướng mang tính tự phát, mùa vụ, chưa phong phú, đa dạng, mới chỉ dừng lại ở việc hành hương, chiêm bái, tham quan các điểm đến mà chưa tạo được những trải nghiệm văn hóa thật sự để lưu giữ, kéo dài thời gian dừng lưu trú, dừng chân, mang lại sự thỏa mãn về mặt văn hoá, tinh thần và góp phần nâng cao chất lượng nhu cầu tham quan, chiêm bái, hành lễ, trải nghiệm cho du khách.

- Đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch và tại các điểm di tích, cơ sở tín ngưỡng chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu, thiếu chuyên nghiệp. Thành viên một số ban quản lý di tích, cơ sở tín ngưỡng chưa nắm rõ nội dung, giá trị di tích, các quy định của pháp luật... nên hiệu quả công tác quản lý, điều hành, bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch còn chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có.

Công tác quảng bá, xúc tiến, phát triển thị trường chưa được đầu tư tương xứng, nguồn lực còn hạn chế. Hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch còn thực hiện theo kế hoạch ngắn hạn, dàn trải, cơ chế thiếu linh hoạt, phối hợp công tư chưa hiệu quả.

3. Thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

3.1. Xây dựng chính sách, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng

Trên cơ sở Luật tín ngưỡng tôn giáo, Luật di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành các văn bản nhằm thể chế hóa và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo như: Quy chế quản lý hoạt động đền, chùa và các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*ban hành kèm theo Quyết định số 31/2005/QĐ-UBND ngày 08/11/2005 của UBND tỉnh Lạng Sơn*); Quy

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích (*ban hành kèm theo Quyết định số 63/2017/QĐ-UBND, ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*) trong đó có lồng ghép nội dung quy định, hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tín ngưỡng tại các di tích trên địa bàn; Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND, ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*). Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 73/QĐ-UBND, ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di tích.

Ngoài ra, trên cơ sở hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của trung ương, tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Hướng dẫn số 979/HD-SVHTTDL, ngày 16/8/2013 về việc thực hiện một số nội dung trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Sở Tài chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Hướng dẫn liên ngành số 622/HDLN-STC-SVHTTDL, ngày 03/6/2014 Hướng dẫn quản lý tài chính quỹ công đức các đền chùa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Các hoạt động trên đã góp phần cụ thể hóa hơn nữa Luật tín ngưỡng, tôn giáo để cấp ủy chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để đảm bảo sự đồng bộ thống nhất chung, tránh chồng chéo. Đồng thời tăng cường, đẩy mạnh, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đặc biệt là chính quyền cơ sở trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được việc rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn để cụ thể hóa hơn nữa Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo còn chưa kịp thời, chậm thích ứng nên hiệu quả chưa cao, vẫn còn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn.

3.2. Xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng

Trong những năm qua việc quan tâm, củng cố, kiện toàn, tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm, triển khai thực hiện theo quy định.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



Ở cấp tỉnh: Căn cứ Nghị định 24/2014/NĐ-CP, ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định 107/2020/NĐ - CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP, ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Thông tư số 05/2021/TT-BNV, ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các văn bản liên quan khác Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ¹⁵. Theo đó, hiện nay Sở Nội

¹⁵ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi điểm b, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND, ngày 02/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc sửa đổi điều 4 Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



vụ có 01 phòng tín ngưỡng và tôn giáo¹⁶ tham mưu quản lý nhà nước về tôn giáo, các hoạt động tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng chưa xếp hạng hoặc nằm trong danh mục kiểm kê di tích. Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch có 01 phòng (Quản lý Văn hóa và Gia đình)¹⁷ tham mưu quản lý nhà nước về lễ hội tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của tỉnh; có 01 đơn vị sự nghiệp (Bảo tàng tỉnh) trong đó có 01 lãnh đạo phụ trách; 01 phòng nghiệp vụ (nghiệp vụ di tích gồm 5 cán bộ, viên chức) thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về di tích nói chung, hướng dẫn thực hiện việc tổ chức lễ hội truyền thống, lễ hội tín ngưỡng và các di tích đã xếp hạng hoặc nằm trong danh mục kiểm kê di tích của tỉnh.

Ở cấp huyện (10 huyện, 01 thành phố): Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ - CP, ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; Nghị định 108/NĐ - CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ - CP, ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; Thông tư số 05/2021/TT-BNV, ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hiện nay, Phòng Nội vụ có 01 lãnh đạo phòng phụ trách và 01 chuyên viên thực hiện theo dõi công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Phòng Văn hóa và Thông tin có 01 lãnh đạo phòng phụ trách và 01 chuyên viên thực hiện tham mưu quản lý nhà nước về lễ hội tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương.

Ở cấp xã (gồm 200 xã, phường, thị trấn): Trước năm 2020 thực hiện Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ

¹⁶ Gồm 01 trưởng phòng, 02 chuyên viên, 01 cán sự

¹⁷ Phòng được hình thành trên cơ sở sáp nhập 3 phòng: Quản lý văn hóa, quản lý di sản văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình. Phòng có 9 cán bộ, công chức, gồm 1 trưởng phòng, 2 phó trưởng phòng và 6 chuyên viên, trong đó có 03 cán bộ, công chức phụ trách quản lý nhà nước về di sản văn hóa (trong đó có lễ hội và các cơ sở tín ngưỡng là di tích đã xếp hạng hoặc trong danh mục kiểm kê di tích)

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn ngoài 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách; có 01 công chức (Văn phòng - Thống kê) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Văn phòng, thống kê, tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Từ năm 2020 đến nay thực hiện Thông tư số 13/2019/TT - BNV, ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Hiện nay ngoài 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách, có 01 công chức (văn hóa - xã hội) tham mưu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, gia đình, trẻ em và thanh niên theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, để công tác chỉ đạo điều hành giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo tỉnh Lạng Sơn thành lập Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh do 01 đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ kiêm Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội là Phó Trưởng ban, các thành viên là Lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan, Phó Bí thư Thường trực các huyện uỷ, thành uỷ; cơ quan thường trực là Ban Dân vận Tỉnh uỷ Lạng Sơn. Ở cấp huyện có 8/11 huyện, thành phố thành lập Ban chỉ đạo công tác tôn giáo theo mô hình trên là: Bắc Sơn, Tràng Định, Văn Lãng, Lộc Bình, Cao Lộc, Chi Lăng, Văn Quan và thành phố Lạng Sơn.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách về lĩnh vực tín ngưỡng, cơ bản đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, yêu cầu công tác trong tình hình mới; thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng. Tuy nhiên, trong thực tiễn xuất hiện một số bất cập sau:

Một là, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng trên địa bàn, đặc biệt là ở cấp huyện, xã còn thiếu, đa phần chưa hoặc ít được đào tạo đúng chuyên ngành về tín ngưỡng, kiêm nhiệm nhiều việc lại thường xuyên biến động do quá trình sắp xếp, tổ chức vì vậy thiếu tính liên tục, kế

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



thừa và kinh nghiệm quản lý, kỹ năng tác nghiệp thực tiễn. Do vậy còn thiếu sâu sát trong nắm bắt tình hình cơ sở, lúng túng trong việc dự báo, xử lý tình huống nên gặp nhiều khó khăn hạn chế trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cơ sở.

Hai là, quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng là lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm trong khi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, chưa bao quát hết những phát sinh trong thực tiễn nên cần sự huy động sức mạnh của các cấp, các ngành trong giải quyết các vấn đề phức tạp như: đất đai, xây dựng công trình tín ngưỡng, quản lý, hướng dẫn tổ chức hoạt động tín ngưỡng...Tuy nhiên, do sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương chưa được quan tâm đúng mức, việc tham mưu, phối hợp xử lý các vấn đề liên quan còn thiếu đồng bộ, chặt chẽ nên hiệu quả chưa cao.

3.3. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng

Thực hiện Quyết định số 306/QĐ-TTg, ngày 08/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND, ngày 08/4/2017 tổ chức triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Trên cơ sở quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và không tiếp nhận tại Bộ phận một cửa các cấp, tiếp nhận qua công dịch vụ công công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc phê duyệt Danh mục thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn. Qua đó, góp phần

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt hơn và thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng khi thực hiện thủ tục hành chính.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong lĩnh vực tín ngưỡng các cơ quan chuyên môn từ tỉnh đến cơ sở đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức cá nhân liên quan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng như: Tiếp nhận đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung; thông báo tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ; đăng ký tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi; thông báo về khoản thu, mục đích sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng, bảo quản, tu bổ, phục hồi, xây dựng, cải tạo các công trình tín ngưỡng, xét duyệt hồ sơ kê khai, đăng ký lập tờ trình trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho cơ sở tín ngưỡng; xem xét giải quyết các nhu cầu hoạt động tín ngưỡng cho các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật theo thẩm quyền; quản lý thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn để kịp thời ngăn chặn, phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở... và các công việc liên quan khác đảm bảo tính kịp thời đầy đủ trong việc tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng.

Nhìn chung, công tác tín ngưỡng, tôn giáo đã được các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo luôn được quán triệt triển khai kịp thời. Các hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của một bộ phận tầng lớp nhân dân. Nhiều lễ hội tín ngưỡng, lễ hội truyền thống đã hút thu đông đảo quần chúng nhân trong và ngoài tỉnh tham dự, góp phần không nhỏ vào hoạt động quảng bá du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định. Ở nhiều một số địa bàn, khu vực do chưa nắm chắc chính sách pháp luật về tín

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ngưỡng, tôn giáo nên còn e ngại, chưa kiên quyết đấu tranh với các hành vi sai trái, giải quyết các công việc cụ thể thiếu chuẩn mực, khi thì cứng nhắc, khi thì né tránh, ngại va chạm, sợ trách nhiệm nên xử lý thiếu dứt điểm ở cơ sở, còn thoái thác, đùn đẩy lẫn nhau thậm chí “khoán trắng” lên cơ quan chuyên môn cấp trên làm sự việc kéo dài, nảy sinh những vấn đề khó khăn phức tạp hơn dẫn đến hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng còn hạn chế.

3.4. Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng

Xác định tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tín ngưỡng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng. Từ năm 2016 đến nay, định kỳ hàng năm Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức 7 đợt cho cán bộ, công chức chức sắc, chức việc tham dự hội nghị triển khai luật tín ngưỡng, tôn giáo, cập nhật thông tin, tình hình về công tác tín ngưỡng, tôn giáo do Ban tôn giáo Chính phủ tổ chức tại các tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Đà Lạt, Lâm Đồng, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Nội. Tổ chức 20 hội nghị, khóa tập huấn tuyên truyền, phổ biến giáo dục, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 1.800 lượt chức sắc, chức việc, cán bộ phụ trách công tác tín ngưỡng tôn giáo các cấp. Thực hiện Niêm yết công khai danh mục các hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở cơ quan. Đồng thời lồng ghép tuyên truyền, phổ biến, giáo dục trong các đợt sinh hoạt chính trị, qua các buổi kiểm tra, làm việc trực tiếp với ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng... và các hình thức phù hợp khác.

Đặc biệt, trong một số hội nghị tuyên truyền, phổ biến các cơ quan, đơn vị liên quan đã quan tâm, chú trọng mời đội ngũ các chuyên gia, các báo cáo viên có trình độ chuyên sâu về lý luận, thành thạo về chuyên môn, phong phú về kỹ năng, kinh nghiệm, nhạy bén, linh hoạt về khả năng thực tiễn trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo đến từ Trường Nghiệp vụ công tác tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ; Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng (thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)... và các sở, ngành, đoàn thể tỉnh để tuyên truyền, quán triệt quy định của pháp luật và trao đổi, thảo luận, định hướng tác nghiệp xử lý một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Hiện nay thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; Thông tư số 15/2019/TT-BTTTT ngày 05/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch số 114/KH-UBND, ngày 30/6/2020 thực hiện Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với 4 nội dung cơ bản như: Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; Xây dựng chủ đề, biên soạn tài liệu phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở về dân tộc, tôn giáo; Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao sở, ngành các ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã và đang triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu.

Trên cơ sở những nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo các cán bộ, công chức phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp; các chức sắc, chức việc; thành viên các ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng và các tổ chức, cá nhân liên quan đã từng bước nắm và hiểu rõ hơn chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước từ đó có ý thức chấp hành và thực hiện các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần giữ vững an ninh, chính trị tại địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

Một là, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật còn thiếu đồng bộ và toàn diện, chưa có cơ chế phối hợp, thông tin đa chiều và sự chỉ đạo, hiệp đồng thống nhất, có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức, chưa triển khai thường xuyên, liên tục, chưa cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch và chương trình cụ thể nên chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi thực tế.

Hai là, các hình thức tuyên truyền phổ biến chưa đa dạng, linh hoạt vẫn còn dập khuôn, mang nặng tính hình thức mà thiếu sự điều chỉnh cần thiết gắn với đặc thù của từng vùng và từng dân tộc. Chưa khai thác tốt

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



truyền thống văn hóa, đặc điểm tâm lý của đồng bào dân tộc trong các hoạt động truyền truyền.

Ba là, đội ngũ báo cáo viên có trình độ chuyên sâu về lý luận, thành thạo về chuyên môn, phong phú về kỹ năng, kinh nghiệm, nhạy bén, linh hoạt về khả năng thực tiễn còn ít. Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều việc chưa nhận thức được rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như tầm quan trọng của công tác tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới, vì vậy việc tuyên truyền, vận động các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo còn thiếu cụ thể, cứng nhắc, linh hoạt, chậm đổi mới nên hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sự lan tỏa rõ nét trong nhận thức, hành động của toàn xã hội.

Bốn là, việc xây dựng chủ đề, biên soạn, phát hành tư liệu, ấn phẩm tuyên truyền, hỏi – đáp pháp luật chưa được quan tâm đúng mức; việc ứng dụng khoa học công nghệ, các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở còn chưa kịp thời, hiệu quả.

3.5. Nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng

3.5.1. Nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng

Trong những năm qua việc nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh được các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan quan tâm triển khai thực hiện thông qua nhiều nội dung hình thức khác nhau từ việc triển khai thực hiện các dự án nghiên cứu bảo tồn; việc biên tập, phát hành, xuất bản các tư liệu, ấn phẩm, sách chuyên khảo; việc triển khai thực hiện các đề tài khoa học cấp tỉnh; việc lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; đến việc tổ chức hội thảo khoa học...và các hoạt động liên quan khác. Kết quả:

- Từ năm 1998 đến nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện 16 dự án nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội, tập quán xã hội và tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở các dự án nghiên cứu trên kết hợp với các công trình nghiên cứu chuyên đề của các nhà khoa học, các nhà

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ngiên cứu lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng trong và ngoài tỉnh đã tiến hành tổng hợp, biên tập, phát hành trên gần 20 tư liệu, ấn phẩm, sách chuyên khảo về lễ hội, tập quán xã hội và tín ngưỡng... và nhiều tư liệu, ấn phẩm khác của các nhà nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết theo biểu 3A, 3B kèm theo)

- Từ năm 2012 đến 2015 đã tổ chức thực hiện và hoàn thành 02 đề tài: "Nghiên cứu, bảo tồn phát huy giá trị tín ngưỡng dân gian trong các di tích lịch sử văn hóa trên vùng cao núi Mẫu Sơn" (*do cử nhân Bé Cao Chuyển, Phó trưởng Ban quản lý khu du lịch Mẫu Sơn làm chủ nhiệm*); "Nghiên cứu giải pháp phát triển du lịch văn hóa tâm linh tại một số địa bàn của tỉnh Lạng Sơn" (*do cử nhân Trần Thị Bích Hạnh - Phó giám đốc Trung tâm xúc tiến du lịch làm chủ nhiệm*).

- Từ năm 2015 đến nay đã phối hợp với các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân liên quan lập 01 hồ sơ Then Tày, Nùng, Thái Việt Nam đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại; lập 08 hồ sơ khoa học đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Trong đó có 06 hồ sơ liên quan đến loại hình lễ hội, tập quán xã hội và tín ngưỡng như: Then Tày, Nùng Lạng Sơn, Lễ hội Búng Kham xã Đại Đồng huyện Tràng Định, Lễ hội đền Kỳ Cùng - Tả Phủ thành phố Lạng Sơn, Lễ hội Ná Nhèm, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn (năm 2015); Lễ hội Trò Ngô, xã Yên Thịnh huyện Hữu Lũng (năm 2016), Lễ hội Phài Lừa, xã Hồng Phong, huyện Bình Gia (năm 2017).

Bên cạnh đó, Sở Nội vụ đã tham gia 03 hội thảo khoa học về công tác tín ngưỡng, tôn giáo do Ban Tôn giáo chính phủ tổ chức trong năm 2018, 2019 tại các tỉnh Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Hà Giang. Các sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức cá nhân liên quan tham gia các hội thảo khoa học về công tác tín ngưỡng, tôn giáo do Ban tôn giáo chính phủ tổ chức; xây dựng, triển khai được 04 hội nghị - hội thảo khoa học và xuất bản thành kỷ yếu để tập hợp các bài viết, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng trong và ngoài tỉnh như: Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Ná Nhèm hiện tại và tương lai (năm 2016); Hội thảo khoa học “Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy đặc trưng văn hóa Xứ Lạng”;

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Hội thảo khoa học nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị di tích đền Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (năm 2018); Hội thảo khoa học di tích danh thắng Nhị Tam Thanh, Núi Tô Thị, Thành Nhà Mạc "Di sản văn hóa và tiềm năng du lịch" (năm 2019)... và các hội thảo liên quan khác.

Thông qua các hoạt động trên đã góp phần tập hợp các ý kiến, ý tưởng, những luận cứ khoa học, những bài học thực tiễn sinh động... nhằm nhận diện và xác định một cách đồng bộ các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật; những mặt đã đạt được, tồn tại hạn chế của các lễ hội, tập quán xã hội và tín ngưỡng, cũng như hoạt động nghiên cứu nói riêng, quản lý trong lĩnh vực tín ngưỡng trên địa bàn nói chung làm cơ sở, tiền đề, căn cứ khoa học, pháp lý phục vụ hiệu quả công tác quản lý trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được việc nghiên cứu trong lĩnh vực tín ngưỡng tuy đã được triển khai thực hiện vẫn chưa được trọn vẹn, đầy đủ, đồng bộ, khoa học và có hệ thống; còn thiếu những công trình khoa học mang tính chuyên sâu, chuyên biệt về từng cơ sở tín ngưỡng, hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng nói chung (*sự kiện, nhân vật lịch sử, thần tích, thần sắc, đối tượng thờ tự; nguồn gốc, niên đại, hình thành cơ sở thờ tự, hệ thống bài trí tượng pháp...*); các hoạt động tín ngưỡng nói chung... và nhiều vấn đề liên quan khác gây khó khăn trong quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng cũng như nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của nhân dân trong và ngoài tỉnh.

3.5.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng

Từ năm 2016, đặc biệt là từ khi thực hiện Quyết định số 174/QĐ - TTg, ngày 09/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng cán bộ công tác làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017 - 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND, ngày 15/5/2017 về việc thực hiện Quyết định số 174/QĐ - TTg, ngày 09/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Trên cơ sở nội dung kế hoạch, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao Sở từ năm 2016 đến nay Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Trường Nghiệp vụ công tác tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ; Viện nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



và các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cử 81 lượt cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp tham dự các lớp bồi dưỡng của Ban Tôn giáo Chính phủ; tổ chức được 16 lớp cho 1.564 lượt cán bộ, công chức, viên chức theo dõi, phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh; các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Huyện ủy, Thành ủy và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh¹⁸.

Tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp đã được cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; một số hình thức tín ngưỡng ở Việt Nam; tình hình, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương, đặc biệt là ở cấp xã...và các nội dung liên quan khác. Qua đó đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, kiến thức kỹ năng, kinh nghiệm tác nghiệp trong thực tiễn, khả năng tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để nâng cao vai trò, chất lượng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và cơ quan, đơn vị về công tác tín ngưỡng, tôn giáo để đảm bảo ổn định tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

3.6. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của địa phương, đơn vị các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã chủ động xây dựng, triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên theo từng năm và đột xuất khi có các tình huống phát sinh trên địa bàn.

Từ năm 2016 đến nay Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành 16 cuộc thanh tra, kiểm tra (01 thanh tra, 15 kiểm tra) đối với trên 70 lượt di tích - lễ hội, cơ sở tín ngưỡng về các hoạt động quản lý, tổ chức lễ hội, việc áp dụng bộ tiêu chí về bảo vệ môi

¹⁸ Trong số 15 lớp bồi dưỡng: Năm 2016 có 02 lớp, năm 2017 có 04 lớp, năm 2018 có 04 lớp, năm 2019 có 03 lớp, năm 2020 có 01 lớp;

Trong đó cấp tỉnh 83 cán bộ, công chức, cấp huyện có 162 lượt cán bộ, công chức; cấp xã có 892 lượt cán bộ, công chức; cán bộ hội phụ nữ có 427 lượt cán bộ, hội viên.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



trường; việc xây dựng cơ sở thờ tự trái phép, việc quản lý sử dụng nguồn thu, chi công đức, thực hiện nếp sống văn minh; việc đổi tiền lẻ, tiền mệnh giá nhỏ... tại di tích, cơ sở thờ tự, lễ hội trên địa bàn tỉnh. Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp thực hiện 01 cuộc Thanh tra, 05 cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại 04 đơn vị cấp huyện, 04 đơn vị cấp xã. Đồng thời hướng các huyện, thành phố triển khai thực hiện công tác kiểm tra trên địa bàn quản lý theo chức năng, thẩm quyền.

Qua đó đã kịp thời phát hiện, xử lý, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm về tín ngưỡng, tôn giáo và các lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu các tổ chức, cá nhân vi phạm chủ động khắc phục hậu quả nhằm khôi phục lại không gian cảnh quan của di tích, bảo vệ an ninh trật tự và nếp sống văn minh, văn hóa tín ngưỡng tại di tích và cơ sở thờ tự.

3.7. Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng

Trong xu thế hội nhập mở cửa hiện nay, quan hệ đối ngoại tín ngưỡng, tôn giáo đã có những đóng góp đáng kể vào công tác đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại nhân dân, góp phần giúp bạn bè quốc tế hiểu rõ đời sống tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam, chính sách nhất quán tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Với quan điểm đó, trong những năm qua trên cơ sở những quy định pháp luật hiện hành tỉnh Lạng Sơn đã quan tâm, chú trọng, đến các tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài thực hiện hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu, trải nghiệm lễ hội, tập quán xã hội và tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc tại địa phương và ngược lại.

Tuy nhiên, về mặt chính thống trong thực tế, hoạt động này còn ít phát sinh ở Lạng Sơn. Từ năm 2016 đến nay chỉ có 02 đợt tổ chức cá nhân ở nước ngoài đặt vấn đề phối hợp trong hoạt động nghiên cứu văn hóa tín ngưỡng tại một số di tích trên địa bàn tỉnh. Cụ thể là:

Năm 2016: Nghiên cứu sinh người Nhật Bản YOSHIKAWA KAZUKI (Nghiên cứu sinh tiến sĩ thuộc Đại học Quốc gia Osaka, Nhật Bản đang nghiên cứu, học tập tại Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển - Đại học Quốc gia Hà Nội) cùng đoàn cán bộ của phòng Hành chính - Đối Ngoại Viện Việt Nam

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



học và Khoa học phát triển đã liên hệ và thực hiện các quy trình, thủ tục liên quan với tình đề nghiên cứu, khảo sát về tín ngưỡng tại một số di tích trên địa bàn các huyện Văn Quan, Cao Lộc và thành phố Lạng Sơn.

Năm 2017: Giáo sư Holm David Leopold (người Úc) cùng Đoàn cán bộ của Trung tâm Nghiên cứu, Phát triển các Dân tộc thiểu số Miền núi và Lưu vực Sông Hồng liên hệ và thực hiện các quy trình, thủ tục liên quan với tình đề nghiên cứu về ngôn ngữ và chữ viết của Pựt, Then, Mo và các loại hình Sli, Lượn trong tiếng Tày, Nùng của người Nùng Cháo, Nùng Phàn Slinh tại tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài các hoạt động chính thống trên, các hoạt động này chủ yếu diễn ra tự phát trong dân thông qua các mối quan hệ thầy trò, đồng nghiệp và sự giao lưu qua lại hành nghề của các thầy cúng (Mo, Then, Tào, Pựt...) khu vực biên giới Lạng Sơn – Việt Nam và Quảng Tây – Trung Quốc đã góp phần hình thành nên đặc điểm chung trong đời sống sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người Tày, Nùng ở khu vực cư trú này. Chẳng hạn như cả hai bên sẽ cùng có chung hệ thống thần linh, chung hệ thống các nghi lễ và các phong tục tập quán liên quan, v.v... mà qua đó có thể tìm hiểu về đời sống tâm linh, mối quan hệ thân thuộc và đặc điểm tộc người cũng như phong tục tập quán của họ. Đây là một vấn đề nghiên cứu mà chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ thêm.

Tiểu kết Chương 2

Các hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh khá đa dạng và phong phú, diễn ra theo thông lệ, phù hợp với thuần phong mỹ tục, văn hóa truyền thống của dân tộc, thể hiện tình cảm, mối quan hệ của cộng đồng dân cư; các hoạt động tín ngưỡng đăng ký với chính quyền cơ sở theo đúng quy định pháp luật, không để xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự trên địa bàn.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng được các cấp chính quyền nghiêm túc triển khai, thực hiện. Các cơ sở tín ngưỡng thực hiện hoạt động tín ngưỡng, thực hành nghi lễ, lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng đảm bảo quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan. Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo đã góp phần quan trọng trong việc đưa các

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng đi vào nề nếp, đảm bảo tốt về thuần phong mỹ tục, không có hoạt động tiêu cực, phản cảm.

Quản lý nhà nước về tín ngưỡng ngày càng được thể chế hóa, nhất là sau khi có Luật tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo. Chính quyền các cấp triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đồng bộ, kịp thời. Hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng ngày càng đi vào nề nếp, hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng cao, đảm bảo cơ bản nhu cầu tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định hiện hành.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn ngày càng được củng cố, kiện toàn. Đội ngũ cán bộ chuyên trách bước đầu được quan tâm đầu tư đào tạo, quy hoạch, nâng cao nhận thức, kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo, cũng như kỹ năng tác nghiệp trong thực tiễn.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong hoạt động tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và văn bản pháp luật trong quản lý các hoạt động tín ngưỡng

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt cơ chế, chính sách; đổi mới và nâng cao chất lượng thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tri thức pháp luật, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, điều hành, tổ chức và thực hành tín ngưỡng trong và ngoài tỉnh.

Tham mưu cho tỉnh chỉ đạo các sở, ngành đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố định kỳ hàng năm, giai đoạn tiến hành tổng hợp, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và hệ thống văn bản quy phạm về: văn hóa, y tế, tài chính, xây dựng, tài nguyên - môi trường, an ninh trật tự... và các vấn đề liên quan khác nhằm:

- Kiến nghị, đề xuất với Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương xem xét sửa đổi, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Luật di sản văn hóa...và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác thông qua việc nghiên cứu và thể chế hóa quan điểm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Chính trị (khóa XII) về công tác tôn giáo trong tình hình mới và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế, loại bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã hết hiệu lực, không còn phù hợp theo thẩm quyền hướng tới mục tiêu tạo lập sự hài hòa, đồng bộ, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng từ trung ương đến địa phương, từ tỉnh đến cơ sở, khắc phục sự chông chéo trong việc thực hiện chức năng quản lý giữa cơ quan quản lý văn hóa và cơ quan quản lý tín ngưỡng, tôn giáo.

Tiếp tục đổi mới phát huy vai trò, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động giám sát phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và những tổ chức, cá nhân trực tiếp chịu sự tác động trước, trong, sau quá trình xây dựng, triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, hệ thống văn bản pháp luật về tín ngưỡng và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Khai thác triển khai thực hiện hiệu quả các sản phẩm của Đề tài, đặc biệt là Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021 ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*)¹⁹. Đồng tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nhằm tiếp tục cụ thể hóa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của trung ương làm căn cứ quản lý có hiệu quả hoạt động tín ngưỡng phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng

Phát huy vai trò của Ban chỉ đạo tôn giáo các cấp, cấp ủy chính quyền, cơ quan, đơn vị địa phương trong công tác chỉ đạo, định hướng, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng nhằm tạo sự đồng thuận trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm sự đồng hành của cán

¹⁹Trong quá trình triển khai đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn” khi đánh giá thực trạng hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng đặt ra vấn đề cần sớm ban hành quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động tín ngưỡng. Sở Nội vụ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng.

Quan tâm đầu tư, khai thác hiệu quả nguồn kinh phí nhà nước; tăng cường đẩy mạnh xã hội hóa triển khai các chương trình, dự án, hoạt động liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, về tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng. Trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; duy trì, phát triển nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên; xây dựng hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở; biên tập, phát hành các ấn phẩm tài liệu tuyên truyền về tín ngưỡng...và các hoạt động liên quan khác.

Định kỳ hàng năm, giai đoạn cấp ủy đảng, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở cần tăng cường, đẩy mạnh việc rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm từng bước, xây dựng, hình thành đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nắm vững kiến thức pháp luật; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phương pháp, kỹ năng, kinh nghiệm tác nghiệp ở cơ sở; có uy tín và năng lực công tác, khả năng đối thoại, thuyết phục người nghe và thực sự là cầu nối giữa các tổ chức đảng, chính quyền với nhân dân...để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đồng thời cần tranh thủ và có cơ chế động viên các cán bộ đã nghỉ hưu, người có uy tín để tham gia làm báo cáo viên, tuyên truyền viên và có chính sách thích hợp để sử dụng đội ngũ người biết tiếng dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương, cơ sở kịp thời, thực chất, hiệu quả.

Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng với nội dung đã dạng, có chiều sâu. Căn cứ, tình hình, điều kiện thực tế ở địa phương đơn vị nghiên cứu lựa chọn các hình thức tuyên truyền (*miệng, cổ động trực quan, phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động văn hóa, nghệ thuật...*) cho phù hợp. Trong đó chú trọng các hình thức tuyên truyền tổng hợp gắn với việc nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn; phát huy sức mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



tín ngưỡng. Lồng ghép, kết hợp nội dung, hình thức tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác tín ngưỡng với công tác đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa; hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, xây dựng an ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Quản lý, định hướng việc tăng cường và phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, xuất bản, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia phổ biến giáo dục pháp luật về tín ngưỡng theo đúng quan điểm, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Nâng cao chất lượng biên tập, biên soạn, phát hành các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Kiên quyết ngăn chặn các sản phẩm văn hóa lai căng, độc hại, tài liệu phản động của các thế lực thù địch, các thông tin sai trái, xuyên tạc trên các phương tiện thông tin, đại chúng.

Tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về tín ngưỡng trên trang thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh, chuyên mục phổ biến giáo dục pháp luật của các sở, ngành, địa phương và các ứng dụng trên thiết bị di động; thi tìm hiểu pháp luật, tập huấn pháp luật trực tuyến; gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021” trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước nói chung, công tác tuyên truyền, phổ biến về tín ngưỡng nói riêng để tạo sự đồng bộ, hiệu quả, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót các nội dung trong quá trình triển khai thực hiện.

Phát huy vai trò, ý thức, trách nhiệm của các ban quản lý, thành viên ban quản lý/người đại diện cơ sở tín ngưỡng trong việc thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng; nội quy, quy chế của địa phương, của

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong việc thực hành hoạt động tín ngưỡng, thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa, bảo vệ môi trường tại cơ sở tín ngưỡng. Chú trọng, tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, định hướng hoạt động, thực hành cho những người chuyên hoạt động tín ngưỡng (thanh đồng, thầy cúng, thầy mo, thầy tào...) xem đây là nhiệm vụ đột phá nhằm từng bước xây dựng đội ngũ này vừa trở thành người trực tiếp thực hiện vừa là trung gian, cầu nối lan tỏa tạo sức ảnh hưởng trong nhân dân, thậm chí trở thành các báo cáo viên, tuyên truyền viên các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng ở địa phương, cơ sở.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng

3.1. Quản lý các hoạt động tín ngưỡng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật

Tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng về tín ngưỡng đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng theo quy định của pháp luật; không để chậm trễ kéo dài gây hiểu nhầm, bức xúc đối với những người tin theo tín ngưỡng, đánh giá thực trạng những vấn đề phát sinh của các cơ sở tín ngưỡng cần quan tâm, giải quyết. Đẩy mạnh công tác thông tin đa chiều, tăng cường đối thoại, lắng nghe, đặc biệt là thông tin từ cơ sở để kịp thời nắm thông tin, nắm địa bàn. Qua đó kịp thời phát hiện những vấn đề phát sinh để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền chủ động chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn và có biện pháp chấn chỉnh, xử lý dứt điểm ở cơ sở ngay từ lúc khởi nguồn, tránh để sự việc kéo dài, nảy sinh những vấn đề khó khăn phức tạp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở thờ tự, phối hợp với các ngành chức năng xử lý nghiêm những hành vi trái với thuần phong, mỹ tục, đạo lý của dân tộc... để các hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn được triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Kiện toàn, thành lập, tổ chức hoạt động của Ban quản lý hoặc Người đại diện cơ sở tín ngưỡng

Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục tham mưu cho tỉnh cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Trung

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



ương, của tỉnh về tín ngưỡng, tôn giáo, di sản văn hóa nói chung, việc thành lập Ban quản lý/người đại diện cơ sở tín ngưỡng nói riêng thông qua việc ban hành các quy định, quy chế hướng dẫn việc thành lập Ban quản lý/người đại diện cơ sở tín ngưỡng từ quy mô, quy trình, thủ tục, phương thức đến thành phần, cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ hoạt động... và các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập Ban quản lý/người đại diện cơ sở tín ngưỡng để địa phương, cơ sở có cơ sở, căn cứ triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả phù hợp với đặc điểm tính chất của từng cơ sở tín ngưỡng.

Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan, đặc biệt là ở cơ sở thực hiện hiệu quả công tác phân cấp quản lý cơ sở tín ngưỡng theo quy định. Rà soát xác định rõ hệ thống cơ sở tín ngưỡng nói chung, hệ thống cơ sở tín ngưỡng là di tích nói riêng để xây dựng, thành lập, kiện toàn, công nhận Ban quản lý hoặc người đại diện cơ sở tín ngưỡng theo quy định của Luật di sản văn hóa, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo; phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm, tình hình, điều kiện của từng cơ sở tín ngưỡng theo quy định.

Quan tâm, bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo... cho các thành viên Ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm cho đội ngũ này trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng theo quy định hiện hành.

3.3. Áp dụng Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng

Trên cơ sở kết quả, sản phẩm của đề tài nói chung, Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng tiến hành in ấn, phát hành, chuyển giao cho các cơ quan đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là chính quyền cấp huyện, cấp xã, các ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn để nghiên cứu, tìm hiểu, xem xét áp dụng trong thực tiễn.

Trên cơ sở nội dung, kết cấu, bố cục Quy chế (mẫu) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn, chính quyền cơ sở, Ban quản lý, người đại diện các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo nghiên cứu, xem xét áp dụng toàn bộ Quy chế hoặc lấy Quy chế (mẫu) làm cơ sở, căn cứ tham khảo

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



để xây dựng Quy chế hoạt động của Ban quản lý phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm, tình hình, điều kiện của cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn.

Cùng với việc xây dựng và áp dụng Quy chế (mẫu), định kỳ hàng năm, giai đoạn các Ban quản lý, người đại diện cơ sở tiếp tục nghiên cứu xem xét đánh giá và kiến nghị đề xuất với chính quyền địa phương, cơ quan cấp trên những vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung để có định hướng và giải pháp xử lý phù hợp.

4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý về nhà nước về đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về đất đai, xây dựng, trong đó tập trung tuyên truyền các quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng có liên quan đến tín ngưỡng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng; các thành viên Ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng để nâng cao nhận thức và chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng.

Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng. Rà soát tổng thể việc sử dụng đất có liên quan đến tín ngưỡng, tăng cường, chủ động công tác tuyên truyền vận động và hướng dẫn Ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng đăng ký sử dụng đất cho các cơ sở tín ngưỡng. Chỉ đạo công tác quy hoạch tổng thể cần tính đến quỹ đất dành cho các cơ sở tín ngưỡng (tùy vào từng địa bàn cụ thể); giao rõ trách nhiệm cho các cơ quan chức năng của tỉnh, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, nhất là địa phương, cơ sở phải chịu trách nhiệm về tất cả các lĩnh vực quản lý trên địa bàn theo đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; chủ động giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, các vụ việc vi phạm đất đai, cơ sở thờ tự ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng tồn đọng kéo dài, gây phức tạp tình hình mới dồn đẩy lên cấp trên.

Củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò, trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu Tổ tham mưu, xử lý, giải quyết đất đai tín ngưỡng; xây dựng hướng dẫn quy trình thủ tục hồ sơ giao, cấp đất tín ngưỡng, hồ sơ thủ tục về cấp giấy phép xây dựng về công trình tín ngưỡng; kiến nghị góp ý sửa đổi, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 162/2017/NĐ-

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



CP quy định chi Luật tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng liên quan đến tín ngưỡng; phối hợp tổ chức rà soát, nghiên cứu, đánh giá thực trạng tình hình xây dựng liên quan đến tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước về xây dựng liên quan đến tín ngưỡng để có biện pháp quản lý phù hợp, có hiệu quả theo quy định của pháp luật. Không để tình trạng người dân tự xây dựng các Điện, Phủ tư nhân, các cơ sở thờ tự trái pháp luật.

5. Tăng cường chỉ đạo việc thực hiện nếp sống văn minh, phát huy giá trị văn hóa tại cơ sở tín ngưỡng

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, và quần chúng nhân dân, đặc biệt là những tổ chức cá nhân trực tiếp tham gia công tác quản lý, tổ chức, thực hành hoạt động tín ngưỡng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng nói chung và thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa, bảo vệ môi trường tại cơ sở tín ngưỡng nói riêng. Đặc biệt là Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội; Luật tín ngưỡng tôn giáo, Luật Di sản Văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo như: Nghị định số 103/2009/NĐ - CP, ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV, ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định rõ về nguyên tắc thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo; Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; ... và các văn bản liên quan khác. Quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, kỷ luật lao động, tuyệt đối không đi lễ hội, tham gia hoạt động tín ngưỡng trong giờ hành chính, không dùng xe công và các phương tiện công (hoặc thuê khoán phương tiện) tham gia lễ hội, hoạt động tín ngưỡng trong

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



giờ hành chính (trừ trường hợp thuộc thành phần tham gia do cơ quan, tổ chức tổ chức hoặc được giao thực thi nhiệm vụ).

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên cơ sở phân cấp quản lý và chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện các nội dung công tác quản lý nhà nước đối với tín ngưỡng trên địa bàn, cụ thể theo cơ chế, phương thức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm ở từng địa phương, đảm bảo nguyên tắc nhà nước chỉ đạo, quản lý và điều hành, nhân dân tổ chức thực hiện. Tập trung tuyên truyền, phổ biến những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng để nhân dân giữ gìn, phát huy giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Đấu tranh ngăn chặn những hoạt động tín ngưỡng ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội, an ninh trật tự, xâm hại sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hoạt động mê tín dị đoan, trái với thuần phong mỹ tục.

Ủy ban nhân dân cấp xã ngoài việc thực hiện chức năng là cơ quan trực tiếp quản lý hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng theo phân cấp, quy định hiện hành cần quy hoạch sắp xếp hệ thống hàng quán dịch vụ khoa học, hợp lý, không gây cản trở, ùn tắc giao thông; nơi trông giữ phương tiện giao thông thuận tiện cho du khách tham quan; xây dựng và thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, không gian cảnh quan; hướng dẫn các cơ sở kinh doanh, các tổ chức cá nhân thực hiện niêm yết giá, bán đúng giá, không chèo kéo, tranh giành, đeo bám khách. Có phương án bố trí cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thu gom rác thải hợp lý, thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại cơ sở tín ngưỡng, hoạt động du lịch, lễ hội theo quy định. Nghiêm cấm mua bán, lưu hành các ấn phẩm văn hoá chưa được phép lưu hành, không rõ nguồn gốc; việc lợi dụng việc thực hành tín ngưỡng để hành nghề mê tín dị đoan, tổ chức các hoạt động trái với tính chất, chức năng của cơ sở tín ngưỡng, làm sai lệch hình ảnh/giá trị vốn có của cơ sở tín ngưỡng.

Ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng quan tâm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Xây dựng hệ thống bản biên nội quy, quy định, hướng dẫn nhân dân, du khách tham gia hoạt động văn hóa và thực hành tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng theo quy định. Quản lý, sử dụng tiền có mệnh giá nhỏ hợp lý, đúng

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



mục đích, văn minh, tiết kiệm. Chấn chỉnh việc ném tiền, thả tiền, cài, dặt tiền vào tay tượng phật; để tiền công đức, tiền “giọt dầu”, tiền cầu lộc thiếu mỹ quan ... và các hoạt động khác gây phản cảm, ảnh hưởng tới không gian, cảnh quan, tính tôn nghiêm của cơ sở tín ngưỡng, ảnh hưởng đến giá trị, hình ảnh đồng tiền Việt Nam; không để dịch vụ đổi tiền lẻ hoặc các hình thức kinh doanh đổi tiền lẻ hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng và các khu vực xung quanh.

- Sắp xếp hợp lý nơi sắp lễ, giá để đồ lễ, nơi dâng lễ, đốt hương, hoá sớ. Xem xét, bố trí hợp lý nơi thắp hương đảm bảo an toàn và phòng, chống cháy nổ; không cho du khách đốt vàng mã, đồ mã và hạn chế tối đa việc thắp hương trong nội thất các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, khuyến khích việc ở mỗi cơ sở chỉ đặt một lư hương chung phục vụ người hành lễ.

- Xây dựng phương án quản lý hòm công đức; bố trí lực lượng thu gom kịp thời các loại tiền lẻ, tiền giọt dầu đặt không đúng nơi quy định; sử dụng tiền công đức công khai, minh bạch và đúng mục đích. Không đưa các linh vật ngoại lai, hiện vật lạ không phù hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam vào các cơ sở thờ tự.

Định kỳ hàng năm, giai đoạn triển khai thực hiện tổng kết công tác quản lý, tổ chức hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng theo thang điểm, tiêu chí quy định, tập trung làm rõ những những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm; đề ra giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế và xây dựng các phương án, kế hoạch nhằm quản lý, tổ chức hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng đảm bảo văn minh, văn hóa, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả. Kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác tuyên truyền và thực hiện tốt nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng.

6. củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng các cấp

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đồng thời quản lý chuyên môn thống nhất. Tăng cường cán bộ xã, thôn, xóm, khối phố nơi có cơ sở tín ngưỡng; luân chuyển bố trí cán bộ phù hợp; củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ, chi đoàn, chi hội nơi

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



có cơ sở tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo yếu kém. Xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển đảng viên là người theo tín ngưỡng, tôn giáo; triển khai thực hiện chính sách công tác tín ngưỡng, tôn giáo, chính sách cho cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo ở nơi có cơ sở tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo, chính sách xây dựng, phát huy lực lượng cốt cán trong tín ngưỡng, tôn giáo.

Quan tâm xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của cốt cán trong tín ngưỡng, tôn giáo. Phân công cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, đơn vị, cơ quan và địa phương. Thường xuyên, kiên trì, xây dựng số lượng cốt cán trong tín ngưỡng, tôn giáo hợp lý và hiệu quả. Lựa chọn, công nhận, đào tạo, bồi dưỡng, phát huy cốt cán trong tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời, thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả xây dựng và phát huy cốt cán trong tín ngưỡng, tôn giáo nhằm mục tiêu củng cố, kiện toàn bộ máy làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo ổn định, tinh gọn, hiệu lực hiệu quả, hoàn thành các nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp. Để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo bảo đảm dài hạn, khoa học thì cần đánh giá năng lực, trình độ của đội ngũ. Từ đó, phân loại theo trình độ để có kế hoạch bồi dưỡng đúng đối tượng. Kế hoạch mỗi lớp bồi dưỡng cần xác định bồi dưỡng theo trình tự đối tượng dự học ở các cấp, trên cơ sở xác định mục đích, yêu cầu của từng khóa học. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở, những người trực tiếp giải quyết vấn đề liên quan tín ngưỡng, tôn giáo ở cơ sở. Bên cạnh đào tạo, bồi dưỡng, cần tổ chức tuyển chọn những cán bộ, công chức ưu tú làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo hoặc tuyển chọn những sinh viên khá, giỏi mới ra trường để đào tạo thành những người có kiến thức chuyên sâu, trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

7. Tăng cường sự phối hợp trong công tác tín ngưỡng

Ngoài việc căn cứ quy định chức năng nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định của pháp luật có liên quan đối với cấp, cơ quan chức năng cụ thể, cần xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan cấp tỉnh có liên quan và UBND cấp huyện; quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan cấp huyện và UBND cấp xã trong việc giải quyết các

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



nhu cầu hoạt động tín ngưỡng và liên quan đến tín ngưỡng như đất đai, xây dựng, an ninh trật tự... dựa trên tinh thần phát huy vai trò, trách nhiệm, phối hợp nhuần nhuyễn và đồng thuận cao.

Trên cơ sở Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021 ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*) các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức cá nhân liên quan chủ động, nêu cao tinh thần, trách nhiệm để tham mưu trình cấp có thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết những vấn đề chung, cũng như những sự vụ phát sinh riêng trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị địa phương. Đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình xử lý, thời gian, phương án xử lý, chủ thể và đối tượng xử lý... tránh tình trạng đùn đẩy, né tránh. Đồng thời phải phối hợp một cách nhuần nhuyễn và đồng thuận cao trong thực hiện nhiệm vụ, quan tâm tham vấn ý kiến của cơ quan chuyên môn, nhưng người có kinh nghiệm và uy tín trong cộng đồng trong việc tham mưu, chỉ đạo, xử lý các tình huống phát sinh, nhất là khi xử lý các vụ việc khó khăn, phức tạp.

Thường xuyên tổng kết, đánh giá, biểu dương, khen thưởng hoặc phê bình, kiểm điểm và xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân không hoặc chưa thực hiện hết trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cá nhân theo quy định của pháp luật.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng

Tăng cường đẩy mạnh công tác thanh tra chuyên ngành, liên ngành (*Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên - Môi trường, Phòng cháy - chữa cháy...*) gắn với giải quyết hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời, chính xác, hợp pháp, hợp lý các khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về tín ngưỡng nhằm: kiểm tra, giám sát đánh giá, kiểm chứng hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý, tình hình thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật, quyết định, chỉ thị, mệnh lệnh của cơ quan cấp trên đối với cơ quan cấp dưới và việc thực hiện chính sách, pháp luật của đối tượng thuộc quyền quản lý; nắm bắt tình hình hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn... và các nội dung liên quan khác. Qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



lý dứt điểm các vi phạm trong việc quản lý, tổ chức, điều hành, thực hành hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng. Đặc biệt là các hoạt động, hiện tượng tín ngưỡng mới nổi hiện nay như: Xây dựng các cơ sở thờ thờ tự, điện/phủ thờ tư nhân trái với quy định, thực hiện các hoạt động tín ngưỡng trái với tính chất, chức năng của cơ sở thờ tự; hiện tượng cúng dường online, bỏ tiền, kinh phí để được phong, hoặc tự phong các danh hiệu không đúng thẩm quyền; làm mới và biến đổi các nghi thức, nghi lễ truyền thống của các lễ hội, hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn vì mục đích kinh doanh, thương mại hóa. Hiện trạng một số tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các thanh đồng thiếu hiểu biết lợi dụng tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ, Then... được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tổ chức các hoạt động, phô trương, biến tướng, trá hình, trái với thuần phong, mỹ tục và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Trên cơ sở đó, tuyên truyền, vận động và giải thích các quy định hiện hành của nhà nước về tín ngưỡng và các vấn đề liên quan. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân vi phạm chủ động khắc phục hậu quả nhằm hướng các hoạt động tín ngưỡng thực hiện theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, thuần phong, mỹ tục dân tộc; đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tâm linh của nhân dân, bảo lưu giá trị văn hóa đạo đức truyền thống và bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương.

Tiểu kết Chương 3

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và văn bản pháp luật trong quản lý các hoạt động tín ngưỡng; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng; nâng cao hiệu quả công tác quản lý về nhà nước về đất đai, xây dựng liên quan đến tín ngưỡng; tăng cường chỉ đạo việc thực hiện nếp sống văn minh, phát huy giá trị văn hóa tại cơ sở tín ngưỡng; củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng các cấp; tăng cường sự phối hợp trong công tác tín ngưỡng, công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng là những giải pháp căn bản giúp nâng cao

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Trên cơ sở những giải pháp mang tính tổng thể là cơ sở để các cơ quan chức năng tham mưu giải quyết những vấn đề phát sinh về tín ngưỡng tại địa bàn và lĩnh vực, ngành quản lý. Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động tâm linh gắn với đời sống tinh thần của con người; các hoạt động tín ngưỡng đa dạng, phong phú, tồn tại với nhiều hình thái khác nhau và rất nhạy cảm nên việc giải quyết những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng đòi hỏi phải sử dụng tổng hợp các giải pháp, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các biện pháp để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng tại cơ sở thờ tự.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM QUY CHẾ (MẪU) HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG

1. Mục đích, yêu cầu thực nghiệm

1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm là một phương pháp nghiên cứu sử dụng bằng chứng có thể kiểm chứng để đi đến kết quả nghiên cứu; là một phương pháp thu thập thông tin được thực hiện bởi những quan sát trong điều kiện gây biến đổi đối tượng khảo sát và môi trường xung quanh đối tượng khảo sát một cách có chủ định. Đây là một phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học thường được áp dụng phổ biến không chỉ trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật, y học mà cả trong khoa học xã hội và các lĩnh vực nghiên cứu khác. So với phương pháp phỏng vấn, quan sát việc sử dụng phương pháp thực nghiệm có một ý nghĩa rất quan trọng. Nếu phương pháp quan sát chỉ tìm hiểu, phát hiện những cái đã có thì phương pháp thực nghiệm lại chủ động tạo ra những hiện tượng, quá trình, cấu trúc và cơ chế mới để đo lường xác suất thực nghiệm liên quan đối tượng, vấn đề nghiên cứu. Qua đó, cho phép tác động lên đối tượng nghiên cứu một cách chủ động; can thiệp một cách có ý thức vào quá trình diễn biến tự nhiên để hướng quá trình diễn ra theo mong muốn của nhà nghiên cứu.

Với mục tiêu đó, qua hơn 01 năm triển khai thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học “*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*”. Để tiến tới việc hoàn thiện kết quả và sản phẩm nghiên cứu của đề tài, cùng với việc xây dựng và hoàn thiện 05 chuyên đề²⁰, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài đã xây dựng, hoàn thiện dự thảo “*Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng*” với 4 chương, 15 điều, tập trung vào 08 nhóm nội dung chủ yếu gồm: (1) Bầu ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; (2)

²⁰ Gồm: (1). Cơ sở lý luận về tín ngưỡng; (2). Đánh giá thực trạng hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; (3). Tăng cường phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng; (4). Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo các cấp; (5). Hoàn thiện cơ chế chính sách và văn bản pháp luật trong quản lý hoạt động tín ngưỡng.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*”



Quản lý lễ hội của cơ sở tín ngưỡng; (3) Xây dựng, tu bổ các hạng mục thuộc cơ sở tín ngưỡng; (4) Đăng ký hoạt động tín ngưỡng; (5) Quản lý, sử dụng tiền công đức; (6) Đảm bảo các hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng; (7) Đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở tín ngưỡng; (8) Đảm bảo môi trường, phòng chống cháy nổ tại cơ sở tín ngưỡng.

Để đảm bảo tính khách quan, khoa học về những điểm mới, các ưu nhược điểm và những đóng góp khoa học của kết quả đã nghiên cứu, tính chính xác và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài đã phối hợp với chính quyền cơ sở, Ban quản lý một số cơ sở tín ngưỡng ở cơ sở (*đình, đền, chùa*) áp dụng thực nghiệm Quy chế (mẫu) của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng nhằm:

Thứ nhất, khảo sát, điền dã, nắm bắt thêm thực trạng hoạt động; tình hình thực thi, áp dụng pháp luật của các Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trên từng mặt, lĩnh vực cụ thể.

Thứ hai, thu thập, tổng hợp và khảo sát ý kiến của chính quyền cơ sở, Ban quản lý về bố cục, nội dung của Quy chế (mẫu) và đánh giá tác động, mức độ phù hợp của Quy chế (mẫu) trong việc áp dụng, thực thi ở cơ sở đối với từng mô hình, loại hình cơ sở tín ngưỡng.

Thứ ba, kiểm nghiệm, đánh giá những mặt đã đạt được, những mặt còn tồn tại, hạn chế; những nội dung còn chống chéo, chung chung hoặc chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể để có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời, hiệu quả.

1.2. Yêu cầu thực nghiệm

Tổ chức thực hiện theo đúng quy trình, đối tượng, thời gian, tiến độ, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

Không tiến hành thực nghiệm một cách tràn lan, cơ sở tín ngưỡng được lựa chọn thực nghiệm phải tiêu biểu, phổ biến để việc đánh giá kết quả vừa mang tính bao quát chung, vừa đi sâu nắm bắt được thực tình hình, thực trạng hoạt động của từng loại hình cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn.

Chỉ tiến hành thực nghiệm khi có đầy đủ các luận cứ về mục đích, yêu cầu, điều kiện (*cơ sở lý luận, thực tiễn, giả thuyết khoa học, đối tượng tác động, địa bàn thực nghiệm, lực lượng tham gia và các điều kiện cần thiết*

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



phục vụ cho việc thực nghiệm); các bước, hình thức thực nghiệm, việc xử lý kết quả, phân tích lý luận và khái quát hóa để đưa ra các nhận định cụ thể về đối tượng, vấn đề trọng tâm, cốt lõi theo mục tiêu đã đề ra.

2. Thời gian, địa bàn và thành phần tham gia thực nghiệm

2.1. Thời gian, địa bàn thực nghiệm

01 tháng từ tháng 01/8/2021 đến 31/8/2021 tại 05 cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn 03/11 huyện, thành phố. Cụ thể là:

- *Thành phố Lạng Sơn (02 cơ sở)* gồm: Chùa Tiên (phường Chi Lăng)²¹; đền Kỳ Cùng (phường Vĩnh Trại);

- *Huyện Cao Lộc (02 cơ sở)* gồm: chùa Bắc Nga (xã Gia Cát); đền Mẫu Đồng Đăng (Thị trấn Đồng Đăng);

- *Huyện Hữu Lũng (01 cơ sở)*: đền Bắc Lệ (xã Tân Thành).

2.2. Thành phần tham gia thực nghiệm

2.2.1. *Nhóm nghiên cứu thực hiện Đề tài*: Gồm 6 thành viên theo Hợp đồng số 254/HĐ-SNV, ngày 31/12/2020 của Sở Nội vụ về việc thực hiện công việc nghiên cứu, cụ thể gồm:

(1) Ông Nguyễn Khắc Phương - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ nhiệm đề tài;

(2) Ông Lăng Văn Thiết, Trưởng phòng Tín ngưỡng và Tôn giáo, Sở Nội vụ, thư ký đề tài;

(3) Ông Đỗ Trí Tú, Chuyên viên phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thành viên thực hiện chính;

(4) Ông Trần Văn Ba, Chánh Văn phòng Sở Nội vụ, thành viên thực hiện chính;

(5) Ông Lý Quốc Tuân, Chuyên viên phòng Tín ngưỡng và Tôn giáo, Sở Nội vụ, thành viên thực hiện chính;

(6) Bà Lương Thị Liễu, Cán sự phòng Tín ngưỡng và Tôn giáo, Sở Nội vụ, thành viên thực hiện chính.

2.2.2. Phòng Nội vụ các huyện, thành phố

²¹ Do dịch bệnh covid 19 nên đã chuyển địa bàn thực nghiệm từ chùa Tà Lại, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng sang Chùa Tiên, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



- (1) Phòng Nội vụ huyện Cao Lộc;
- (2) Phòng Nội vụ huyện Hữu Lũng;
- (3) Phòng Nội vụ thành phố Lạng Sơn;

2.2.3. Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn.

- (1) Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn;
- (2) Ủy ban nhân dân phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn;
- (3) Ủy ban nhân dân thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc;
- (4) Ủy ban nhân dân xã Gia Cát, huyện Cao Lộc;
- (5) Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng.

2.2.4. Ban quản lý, Bộ phận thường trực giúp việc Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng

- (1) Đền Kỳ Cùng, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn;
- (2) Chùa Tiên, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn;
- (3) Đền Mẫu Đồng Đăng, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc;
- (4) Chùa Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc;
- (5) Đền Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng.

3. Nhiệm vụ và nội dung thực nghiệm

Giới thiệu và thông qua nội dung Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.

Hướng dẫn quy trình, cách thức, nội dung thực hiện áp dụng Quy chế (mẫu) cho chính quyền cơ sở và Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.

Đề nghị chính quyền cơ sở và Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng nghiên cứu áp dụng thực nghiệm Quy chế (mẫu) trong việc quản lý, tổ chức hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng nói chung, hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng nói riêng.

Cập nhật, tổng hợp đánh giá kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu), đối chiếu so sánh và chỉ ra những vấn đề còn tồn đọng giữa lý luận và thực tiễn. Đặc biệt là những khoảng trống, những nội dung chưa đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Luật (*Di sản văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo...*); hệ thống

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (*Nghị định, Thông tư... và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ở Trung ương, địa phương*) với việc thực hiện áp dụng trong thực tiễn hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng; giữa kết quả nghiên cứu đề tài nói chung, Quy chế (mẫu) nói riêng đối với từng quy mô, mô hình quản lý, từng loại hình cơ sở tín ngưỡng cụ thể.

Thu thập thông tin sau thực nghiệm, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu) tại các cơ sở tín ngưỡng tham gia thực nghiệm.

- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) cho phù hợp đảm bảo sự tương thích, hài hòa giữa lý luận và thực tiễn; giữa đặc điểm, tính chất, tình hình, thực trạng của hệ thống cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh nói chung và từng loại hình cơ sở tín ngưỡng nói riêng.

- Kiến nghị, đề xuất với tỉnh, các bộ, ngành trung ương có sự bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

4. Quy trình, cách thức thực nghiệm

4.1. Quy trình

Quy trình thực nghiệm được thực hiện thông qua các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Xây dựng dự thảo Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng;

- Xác định mục tiêu, mục đích, yêu cầu thực nghiệm;

- Xác định thời gian, địa bàn, đối tượng và thành phần tham gia thực nghiệm;

- Xác định nội dung, nhiệm vụ thực nghiệm;

- Xác định quy trình, cách thức thực nghiệm;

- Xác định sản phẩm, hình thức đánh giá kết quả thực nghiệm²²;

- Xây dựng văn bản, kế hoạch triển khai thực nghiệm²³.

²² Yêu cầu sản phẩm đối với việc thực nghiệm Quy chế (mẫu) là Báo cáo đánh giá kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu) tại cơ sở tín ngưỡng

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



Bước 2: Triển khai

- Khảo sát các vấn đề, thực trạng có liên quan đến việc thực nghiệm;
- Triển khai thực nghiệm theo kế hoạch.

*Bước 3: Đánh giá, xử lý kết quả thực nghiệm**Bước 4: Viết báo cáo kết quả thực nghiệm***4.2. Cách thức**

Trên cơ sở các quy trình đã nêu trên, sau khi chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan hoàn thành bước 1 (chuẩn bị) với 7 nhóm nội dung từ việc xây dựng dự thảo Quy chế (mẫu) đến việc xây dựng văn bản, kế hoạch triển khai thực nghiệm. Việc triển khai thực nghiệm Quy chế (mẫu) ở các bước 2, 3 đã được Nhóm nghiên cứu đề tài thực hiện dưới 03 hình thức cơ bản sau:

Một là, chủ nhiệm và các thành viên thực hiện đề tài trực tiếp điền dã, khảo sát, nắm bắt tình hình tại các cơ sở tín ngưỡng.

Hai là, chủ nhiệm và các thành viên thực hiện đề tài tổ chức làm việc (họp, tọa đàm) với đại diện chính quyền địa phương, ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng và các tổ chức cá nhân liên quan để trao đổi, thảo luận về Quy chế (mẫu), việc áp dụng thực nghiệm Quy chế (mẫu) và các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động của cơ sở tín ngưỡng.

Thực hiện công văn số 875/SNV – TN&TG, ngày 22/7/2021 của Sở Nội vụ về việc phối hợp thực hiện Quy (chế mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng. Nhóm nghiên cứu, thực hiện đề tài đã tiến hành 05 cuộc khảo sát và trực tiếp làm việc với Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường và Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng tham gia thực nghiệm. Cụ thể:

- Ngày 06/8/2021: Tại đền Mẫu Đồng Đăng nhóm nghiên cứu đã làm việc với đại diện phòng Nội vụ, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cao Lộc; đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Đồng Đăng và các thành viên Ban quản lý đền Mẫu Đồng Đăng.

²³ Đề triển khai thực nghiệm sau khi hoàn thiện công tác chuẩn bị theo các nội dung tại bước 1, Sở Nội vụ cơ quan chủ trì thực hiện đề tài đã có văn bản số 875/SNV – TN&TG, ngày 22/7/2021 về việc phối hợp thực hiện Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.



- Ngày 12/8/2021: Tại đền Kỳ Cùng nhóm nghiên cứu đã làm việc với đại diện phòng Nội vụ thành phố Lạng Sơn; đại diện Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trại và các thành viên Ban quản lý đền Kỳ Cùng.

- Ngày 13/8/2021: Tại đền Bắc Lệ nhóm nghiên cứu đã làm việc với đại diện phòng Nội vụ huyện Hữu Lũng; đại diện Ủy ban nhân dân xã Tân Thành và các thành viên Ban quản lý đền Bắc Lệ.

- Ngày 21/8/2021: Tại chùa Tiên nhóm nghiên cứu đã làm việc với đại diện phòng Nội vụ thành phố; đại diện Ủy ban nhân dân phường Chi Lăng và các thành viên Ban quản lý chùa Tiên.

- Ngày 23/8/2021: Tại chùa Bắc Nga nhóm nghiên cứu đã làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân xã Gia Cát và các thành viên Ban quản lý chùa Bắc Nga.

Ba là, trung cầu, thu thập ý kiến phản hồi của chính quyền địa phương, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng về mức độ phù hợp của Quy chế (mẫu), những thuận lợi, khó khăn, những kiến đề xuất điều chỉnh, bổ sung Quy chế (mẫu). Sau quá trình áp dụng thực nghiệm ở cơ sở thông qua việc xây dựng báo cáo kết quả thực hiện ở từng địa phương, cơ sở, từng loại hình cơ sở tín ngưỡng. Đồng thời đề nghị tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng báo cáo kết quả thực hiện ở từng địa phương, cơ sở, từng loại hình cơ sở tín ngưỡng.

Cuối cùng, sau quá trình áp dụng thực nghiệm ở cơ sở theo đúng mục đích, yêu cầu, thời gian, địa bàn, thành phần, nội dung, nhiệm vụ, quy trình đề ra nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài đã tổng hợp, xây dựng và hoàn thiện báo cáo đánh giá kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu) hoạt động của ban quản lý cơ sở tín ngưỡng theo yêu cầu, tiến độ đề ra.

5. Đánh giá kết quả thực nghiệm

5.1. Kết quả đạt được

5.1.1. Về sự thiết ban hành Quy chế (mẫu)

100% Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng tham gia thực nghiệm Quy chế (mẫu) đều tán thành và đánh giá cao sự cần thiết ban hành Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý để xây dựng, hình thành bộ khung chung. Qua đó giúp các cơ sở tín ngưỡng định hình được kết cấu, bố cục và nội dung cơ bản của Quy chế để làm cơ sở, căn

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



cứ đưa vào áp dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm, tính chất, loại hình của từng cơ sở tín ngưỡng.

5.1.2. Kết cấu, bố cục và nội dung của Quy chế (mẫu)

Ngoài lời nói đầu Quy chế (mẫu) được bố cục làm 4 chương, 15 điều gồm:

Chương I. Quy định chung: Gồm 2 điều (từ điều 1 đến điều 2)

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Chương II: Nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của Ban quản lý, các thành viên Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng: Gồm 5 điều (từ điều 3 đến điều 6)

Điều 3: Chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý cơ sở tín ngưỡng

Điều 4. Trách nhiệm của các thành viên Ban Quản lý cơ sở tín ngưỡng

Điều 5. Nguyên tắc làm việc của các thành viên Ban Quản lý cơ sở tín ngưỡng

Điều 6. Quan hệ giữa các thành viên Ban Quản lý cơ sở tín ngưỡng

Chương III: Quy định cụ thể: Gồm 8 điều (từ điều 7 đến điều 14)

Điều 7. Về đăng ký hoạt động của cơ sở tín ngưỡng

Điều 8. Về đảm bảo các hoạt động tín ngưỡng và các hoạt động liên quan tại cơ sở tín ngưỡng

Điều 9. Về Lễ hội

Điều 10. Về các nguồn thu và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được tại cơ sở tín ngưỡng

Điều 11. Việc sử dụng và bảo quản tài sản của cơ sở thờ tự

Điều 12. Về xây dựng, tu bổ các hạng mục thuộc cơ sở tín ngưỡng

Điều 13. Về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ tại cơ sở tín ngưỡng

Điều 14. Về đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở tín ngưỡng

Chương IV: Tổ chức thực hiện: Gồm 01 điều

Điều 15: Tổ chức thực hiện.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Nhìn chung kết cấu, bố cục và nội dung của Quy chế (mẫu) cơ bản phù hợp, hài hòa có khả năng thực thi áp dụng cơ sở. Quy chế (mẫu) đã đưa ra các vấn đề; các nhóm nội dung tương đối chi tiết, cụ thể, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý của cơ quan quản lý các cấp; cũng như nhu cầu hoạt động, điều hành, tổ chức hoạt động tín ngưỡng của các cơ sở tín ngưỡng ở địa phương, cơ sở. Quy chế giúp cho các cơ sở tín ngưỡng hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý nói chung, từng thành viên Ban quản lý nói riêng để tổ chức quản lý, điều hành hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở được thuận tiện, chặt chẽ, sát thực và hiệu quả hơn.

Về nội dung cụ thể trong 8 nhóm nội dung qua tổng hợp báo cáo kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu) của 05 cơ sở tín ngưỡng, kết hợp với việc phân tích đánh giá các nội dung trao đổi, thảo luận trong các buổi làm việc tại từng cơ sở tín ngưỡng cho thấy:

Thứ nhất, việc bầu Ban quản lý di tích: có 05/05 cơ sở (đạt 100%) đánh giá tương đối phù hợp cần điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình đặc điểm của từng cơ sở tín ngưỡng và tương thích với quy định hiện hành.

Thứ hai, việc quản lý lễ hội: có 03/05 cơ sở (đạt 60%) đánh giá phù hợp, có 01/05 cơ sở (đạt 20%) đánh giá tương đối phù hợp, có 01/05 cơ sở (đạt 20%) đánh giá chưa phù hợp với tình hình đặc điểm của từng cơ sở tín ngưỡng và tương thích với quy định hiện hành.

Thứ ba, việc xây dựng, tu bổ các hạng mục: có 05/05 cơ sở (đạt 100%) đánh giá phù hợp. Tuy nhiên, có 01 cơ sở hiện vẫn căn cứ văn bản quy phạm pháp luật cũ (*Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL, ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích*)²⁴.

Thứ tư, việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng: có 05/05 cơ sở (đạt 100%) đánh giá phù hợp.

²⁴ Thông tư này hiện đã được thay thế bằng Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL, ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Thứ năm, việc quản lý, sử dụng tiền công đức: có 04/05 cơ sở (đạt 80%) đánh giá phù hợp; 01/05 cơ sở (đạt 20%) đánh giá tương đối phù hợp²⁵.

Thứ sáu, việc đảm bảo các hoạt động: có 05/05 cơ sở (đạt 100%) đánh giá phù hợp.

Thứ bảy, việc đảm bảo an ninh, trật tự: có 05/05 cơ sở (đạt 100%) đánh giá phù hợp.

Thứ tám, việc đảm bảo môi trường, phòng chống cháy nổ: có 05/05 cơ sở (đạt 100%) đánh giá phù hợp.

5.1.3. Kết quả đạt được khi áp dụng thực nghiệm Quy chế (mẫu)

Việc thực nghiệm đã cơ bản đạt được mục đích, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ và các vấn đề liên quan khác theo mục tiêu đã đề ra. Thông qua việc tổng hợp, đánh giá Báo cáo kết quả thực nghiệm Quy chế (mẫu) ở địa phương, cơ sở đã đạt được một số kết quả sau:

(1) Một là, chỉ ra được những khoảng trống, “độ vênh” và sự thiếu đồng bộ, thống nhất, chưa kịp thời, chưa phù hợp với thực tiễn của Luật Di sản văn hóa và Luật tín ngưỡng, tôn giáo và một số văn bản quy phạm pháp luật ở trung ương, địa phương về mô hình quản lý, việc thành lập Ban quản lý; về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, thành phần tham gia Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; về quản lý thu, chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức tài trợ cho cơ sở tín ngưỡng và hoạt động lễ hội; về công tác quản lý, tổ chức lễ hội...và các vấn đề liên quan khác. Cụ thể là:

- Về việc thành lập Ban quản lý, người đại diện cơ sở tín ngưỡng:

Khoản 4, điều 11, chương II Luật tín ngưỡng tôn giáo quy định "*Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa*". Tuy nhiên, Luật Di sản chưa quy định nội dung này. Điều này gây khó khăn cho địa phương, cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện.

²⁵ Hiện đang theo Hướng dẫn số 622/HDLN-STCSVHTT & DL, ngày 03/06/2014 của Sở Tài chính, Sở văn hóa thể thao và du lịch về hướng dẫn quản lý tài chính quỹ công đức các đền, chùa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên trong thực tế hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn cụ thể thực hiện nội dung này vẫn cần được tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình điều kiện thực tế.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



- Về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, thành phần tham gia Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng:

Đã được quy định, hướng dẫn trong một số văn bản quy phạm pháp luật của địa phương²⁶. Tuy nhiên, một số nội dung vẫn còn chung chung, chưa cụ thể rõ ràng, chưa phù hợp với quy mô, đặc điểm, tính chất loại hình của từng cơ sở tín ngưỡng. Do vậy cần nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện thêm.

- Về công tác quản lý, tổ chức lễ hội:

Đối với việc phân cấp quản lý, tổ chức lễ hội mặc dù không được quy định cụ thể trong Luật Di sản nhưng đã quy định trong Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý tổ chức lễ hội. Tuy nhiên, quy định về đăng ký, phân cấp lễ hội còn chưa rõ ràng, việc phân cấp lễ hội chỉ xét theo phạm vi tổ chức (*02 tỉnh, nhiều huyện, nhiều xã*) để phân cấp lễ hội, chưa xem xét đến quy mô, tính chất của lễ hội là chưa phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó còn tồn tại sự thiếu đồng bộ, thống nhất trong văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về tên gọi, chủ thể nhận thẩm định hồ sơ đăng ký, thông báo hoạt động lễ hội gây khó khăn trong thực thi áp dụng tại địa phương²⁷.

²⁶ Gồm: Quyết định số 31/2005/QĐ-UBND, ngày 08/11/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đền chùa và các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (Quy chế này hiện đã bị bãi bỏ nhưng chưa có văn bản thay thế); Hướng dẫn số 979/HD – SVHTTDL, ngày 16/8/2013 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện một số nội dung trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

²⁷ - Về tên gọi: Hiện nay giữa Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 110/2018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý và tổ chức lễ hội chưa có sự đồng nhất (Luật tín ngưỡng gọi là "lễ hội tín ngưỡng" và được giải thích tại điều 2 là "*Hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng*"; Nghị định 110 có nhiều lễ hội khác nhau như: Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề, lễ hội có nguồn gốc nước ngoài. Trong đó Lễ hội truyền thống - một loại hình khá tương đồng với lễ hội tín ngưỡng, được giải thích trong khoản 1 Điều 3 của Nghị định như sau: "*Lễ hội truyền thống (bao gồm cả lễ hội tại các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội dân gian) là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân*".

- Về việc đăng ký, thông báo lễ hội tổ chức lễ hội lần đầu, lễ hội được khôi phục hoặc lễ hội định kỳ nhưng có thay đổi: Điều 13, Luật tín ngưỡng quy định chủ thể làm văn bản đăng ký là người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng và cấp có thẩm quyền nhận, thẩm định, trả lời là UBND tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ. Thi điều 7 và điểm a khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 9 Nghị định 110 quy định chủ thể có trách nhiệm làm văn bản đăng ký là Ban tổ chức lễ hội và cấp có thẩm quyền nhận văn bản có sự phân cấp rõ ràng (*gửi lên UBND cấp huyện đối với lễ hội cấp huyện; gửi lên UBND cấp tỉnh đối với lễ hội cấp tỉnh*) và tại điều 10, 12, 13 Nghị định 110 cũng quy định rõ hơn về thành phần hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ, thời hạn thẩm định và trả lời đối với tương ứng với từng quy mô lễ hội tuy nhiên có sự khác biệt so với Luật tín ngưỡng, tôn giáo (*đó là thời hạn nộp hồ sơ ít nhất trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày và thời gian thẩm định, trả lời là 20 ngày*).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



- Về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn thu công đức, tài chính tại các cơ sở tín ngưỡng:

Mặc dù đã được quy định khá chi tiết, cụ thể trong Hướng dẫn số 622/HDLN-STC-SVHTT& DL, ngày 03/06/2014 của Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn quản lý tài chính quỹ công đức các đền, chùa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được, việc quản lý, sử dụng tài chính tiền công đức vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế như: Chưa quy định rõ các hình thức công đức (*tiền, hiện vật, sức lao động, trí tuệ...*); Quy định về nội dung chi, tỷ lệ chi còn hạn chế chưa bao quát, lường trước sự phát triển nhanh, mạnh của nguồn công đức tại cơ sở tín ngưỡng, nội dung chi tính theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với một số loại hình chưa phù hợp (*Chi cho ban quản lý*); chưa tính toán đảm bảo cân đối hài hòa tỷ lệ chi đối với Ban quản lý tại các địa phương có nhiều di tích và địa phương có ít di tích, làm nảy sinh nguy cơ một số thành viên ban quản lý tại địa phương có nhiều di tích được hưởng tỷ lệ chi từ nhiều cơ sở tín ngưỡng; cùng là thành viên ban quản lý có điểm hưởng nhiều (do nguồn thu nhiều), có điểm hưởng ít (do nguồn thu ít), thậm chí có điểm không được hưởng (*do không có thu, hoặc nguồn thu chỉ đủ chi, thậm chí chưa đủ cho hoạt động của cơ sở tín ngưỡng*); chi cho hoạt động bảo quản, tu bổ phục hồi cơ sở tín ngưỡng hàng năm tính theo định kỳ hàng năm (*bởi không phải năm nào cơ sở tín ngưỡng cũng có nhu cầu bảo quản, tu bổ, phục hồi*); chi đảm bảo hoạt động (*chi đèn nhang, điện nước sinh hoạt, công tác giao dịch, tiếp khách, lễ hội, lễ tiết lớn trong năm*) chưa đảm bảo sự linh động, làm nảy sinh nguy cơ hợp thức hóa chứng từ thanh quyết toán hàng năm, tình trạng chi, tỷ lệ chi không đúng mục đích yêu cầu công tác bảo vệ; các tỷ lệ chi, nội dung chi chưa cân đối dành một phần kinh phí cho quỹ bảo tồn di tích của địa phương; chi cho các hoạt động từ thiện nhân đạo, phúc lợi xã hội còn hạn chế; việc in ấn, phát hành phiếu công đức còn tồn tại chiều hạn chế từ việc xây dựng mẫu phiếu, in ấn, phát hành, cơ quan đơn vị phát hành, chưa đưa ra các biện pháp cụ thể, đặc biệt là áp dụng khoa học công nghệ trong việc giám sát, đảm bảo sự công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, quản lý sử dụng tiền công đức, tiền dịch vụ...và nhiều vấn đề liên quan khác.

(2) Hai là, đi sâu, nắm bắt thêm tình hình, thực trạng thực thi áp dụng pháp luật, hệ văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng ở địa phương, cơ sở.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Thấy được những khó khăn vướng mắc trong việc thành lập Ban quản lý, tiêu chuẩn, thành phần tham gia Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.

Về cơ bản các cơ sở tín ngưỡng khi thành lập Ban quản lý, cử người đại diện đều triển khai thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục theo quy định từ việc tổ chức bầu, cử đến việc ra quyết định công nhận đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định. Tuy nhiên, qua khảo sát nắm bắt tình hình thực tế của 131 cơ sở tín ngưỡng có người đại diện, ban quản lý, đặc biệt là 05 cơ sở tín ngưỡng tham gia thực nghiệm Quy chế (mẫu) cho thấy việc thực thi, áp dụng pháp luật trong việc thành lập Ban quản lý, cử người đại diện đối với cơ sở tín ngưỡng còn thiếu đồng bộ, thống nhất và có sự phân tách thành các nhóm sau:

Nhóm 1: Thực hiện theo đúng quy định tại điều 6 chương II Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2017/QĐ-UBND, ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*). Việc thành lập Ban quản lý được tiến hành theo 3 cấp: cấp huyện/thành phố; cấp xã, phường và từng di tích²⁸ cụ thể. Theo đó về thành phần tùy theo mô hình (*cấp huyện, cấp xã và cơ sở tín ngưỡng đơn lẻ*) cơ cấu số lượng thành phần có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nhưng về cơ bản có 2 nhóm thành phần chính là: Thành phần chỉ định và thành phần thông qua bầu cử²⁹. Mô hình này được áp dụng ở cả 05/05 cơ sở tín ngưỡng tham gia thực nghiệm tuy nhiên áp dụng chưa triệt để theo quy định và thiếu sự đồng bộ, cụ thể là:

Về việc thành lập Ban quản lý và bộ phận thường trực giúp việc Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng: Cả 05/05 cơ sở tín ngưỡng đều do Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định thành lập, công nhận. Tuy nhiên, mới chỉ có 02/05 cơ sở tín ngưỡng (đền Kỳ Cùng, Chùa Tiên) có bộ phận thường trực giúp việc Ban

²⁸ Di tích được phân loại theo quy định gồm 04 loại hình: Lịch sử, Khảo cổ, Danh lam thắng cảnh và Kiến trúc nghệ thuật. Trong đó kiến trúc nghệ thuật gồm 4 nhánh nhỏ là: *tín ngưỡng tôn giáo; thành quách, lăng mộ và đô thị cổ, khu phố cổ, dinh thự, nhà ở dân dụng, vườn cảnh...*

²⁹- *Đối với ban quản lý cấp huyện:* Thành phần chủ yếu là thành phần chỉ định Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện là Trưởng ban, lãnh đạo Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện là Phó trưởng ban; lãnh đạo các phòng, ban, tổ chức đoàn thể cùng cấp, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã có di tích là thành viên. Thành phần cụ thể, số lượng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban quản lý cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

- *Đối với cấp xã và cơ sở tín ngưỡng đơn lẻ:* Thành viên chỉ định: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là Trưởng ban. Thành viên thông qua bầu cử gồm: Đại diện các tổ chức đoàn thể, chính quyền, Nhân dân, người cao tuổi, người có uy tín, người am hiểu trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy di tích tại cơ sở; thủ nhang, thủ từ (*người thường xuyên trông nom di tích*) và các cá nhân liên quan khác.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



quản lý; 03/05 cơ sở không có hoặc không thành lập bộ phận thường trực giúp việc Ban quản lý.

Về tên gọi bộ phận thường trực: Chưa được thực hiện theo quy định tại điều 7, mục 1, chương II, Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (ban hành kèm theo Quyết định số 63/2017/QĐ-UBND, ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)³⁰.

Nhìn rộng ra trên địa bàn toàn tỉnh Lạng Sơn và các huyện, thành phố. Mô hình thành lập Ban quản lý theo 3 cấp: cấp huyện/thành phố; cấp xã, phường và từng di tích, đặc biệt là cấp huyện, cấp xã ít được chính quyền cấp huyện, xã ở các địa phương áp dụng. Hiện chỉ có thành phố Lạng Sơn áp dụng tương đối hiệu quả mô hình này theo quy định. Qua khảo sát thực tế ngoài việc thành lập Ban quản lý di tích cấp huyện, cấp xã. Hầu hết các cơ sở tín ngưỡng (trừ Chùa Tam Thanh – Tam Giáo thuộc quần thể khu di tích danh thắng Nhị - Tam Thanh, Núi Tô Thị, Thành Nhà Mạc giao cho Trung Văn hóa – Thể thao thành phố trực tiếp quản lý). Các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn thành phố như: Chùa Tiên, đền Kỳ Cùng, đền Tả Phủ... đều thành lập bộ phận thường trực giúp việc Ban quản lý theo quy định.

Đối với từng di tích (cơ sở tín ngưỡng) cụ thể thì mô hình ban quản lý di tích trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (là mô hình được áp dụng phổ biến ở hầu hết các huyện, thành phố hiện nay).

Nhóm 2: Mô hình Ban quản lý trực thuộc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông (Trung tâm Văn hóa cấp huyện). Mô hình này được áp dụng tại một số cơ sở tín ngưỡng như: Chùa Tam Thanh – Tam Giáo thuộc quần thể khu di tích danh thắng Nhị - Tam Thanh, Núi Tô Thị, Thành Nhà Mạc; Khu di tích lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ (huyện Văn Lãng), Khu di tích lưu niệm

³⁰ **Điều 7. Bộ phận thường trực của Ban quản lý di tích**

1. Ban quản lý di tích các cấp căn cứ tình hình thực tế để xem xét thành lập bộ phận thường trực, có nhiệm vụ giúp việc cho Ban quản lý tổ chức các hoạt động nghi lễ, hành chính, an ninh, trật tự, vệ sinh... Thành viên Ban quản lý và bộ phận thường trực được hưởng phụ cấp trích từ nguồn thu tại di tích và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các di tích thuộc loại hình tôn giáo, do Giáo hội quản lý trực tiếp thì tên gọi bộ phận thường trực hoặc tổ chức tôn giáo cơ sở thực hiện theo hiến chương và nội quy của Giáo hội.

3. Các di tích là đình, đền, miếu, am, nghề, phủ, điện... và các cơ sở thờ tự khác thành lập Ban nghi lễ - khánh tiết và các bộ phận thường trực khác.

4. Các di tích là nhà thờ họ thành lập Ban tộc biểu và các bộ phận thường trực khác.

5. Các di tích thuộc loại hình lịch sử, khảo cổ, danh lam thắng cảnh thành lập tổ quản lý - bảo vệ di tích.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



đồng chí Lương Văn Tri (huyện Văn Quan), Khu di tích lưu niệm Hồ Chí Minh (huyện Tràng Định)...và một số cơ sở khác.

Nhóm 3: Mô hình Ban quản lý do cộng đồng tự quản lý, đây là mô hình khá phổ biến hiện nay ở cơ sở, tiêu biểu như: Đình Bắc Lệ, đền Khuôn Dầu, đền Châu Lục (huyện Hữu Lũng).

Nhóm 4: Mô hình do gia đình dòng họ quản lý, tiêu biểu như: đền Châu Năm Suối Lân (huyện Chi Lăng), đền Quan Giám Sát (huyện Hữu Lũng), Nhà thờ họ Nguyễn Đình (huyện Tràng Định).

Thực tế cho thấy, ở trong cùng địa bàn, cơ sở quy mô, mức độ phân loại, xếp hạng, (cấp quốc gia đặc biệt, quốc gia, cấp tỉnh...), đặc điểm, tính chất loại hình cơ sở... gần như nhau. Tuy nhiên, mỗi cơ sở áp dụng mô hình khác nhau (*Mô hình đơn vị sự nghiệp quản lý; mô hình xã quản lý, mô hình do cộng đồng quản lý, mô hình do gia đình quản lý*) gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, định hướng, áp dụng thực nghiệm Quy chế (mẫu). Điều này dẫn đến sự đa dạng nhưng thiếu thống nhất, hiệu quả trong việc thực hiện các mô hình quản lý cơ sở tín ngưỡng.

Về tiêu chuẩn, số lượng thành viên Ban quản lý: Bên cạnh những tiêu chuẩn chung như: Là công dân Việt Nam thường trú tại địa phương, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín trong cộng đồng dân cư; am hiểu lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy di tích tại cơ sở và các nội dung liên quan khác. Còn nảy sinh một số tiêu chuẩn phụ về độ tuổi (tối thiểu, tối đa), cơ cấu (bổ sung thêm 01 chức danh phó ban), trình độ, bằng cấp...và các tiêu chuẩn khác.

(3) *Ba là, đi sâu nắm thêm về tình hình xây dựng Quy chế hoạt động của một số Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng để có những nhìn nhận, đánh giá khách quan hơn trong việc xây dựng bộ khung bố cục, kết cấu và nội dung của Quy chế (mẫu). Thực tế cho thấy một số cơ sở đã xây dựng Quy chế hoạt động rất quy củ, bài bản. Tuy nhiên, vẫn nhiều cơ sở đã xây dựng nhưng chưa đạt yêu cầu, thậm chí chưa biết và chưa xây dựng Quy chế hoạt động dẫn đến việc điều hành, tổ chức hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng còn lúng túng, thiếu sự chủ động, hoạt động chưa hiệu quả, chưa phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.*

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



(4) *Bốn là*, một số cơ sở tín ngưỡng bước đầu đã vận dụng Quy chế (mẫu) trong quản lý, điều hành hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, trong hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng và có phản hồi tương đối khả thi, hiệu quả.

(5), *Năm là*, so với trước đây sau khi áp dụng Quy chế (mẫu) hoặc được tiếp cận với Quy chế (mẫu) các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, huyện đã thấy được sự thiếu đồng bộ, nhất quán giữa hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ ngành, trung ương của tỉnh; sự chưa phù hợp giữa lý luận và thực tiễn; chính quyền cơ sở đã có sự tìm hiểu, nắm bắt và chỉ đạo, định hướng sát thực hơn đối với hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn; Ban quản lý/người đại diện cơ sở tín ngưỡng đã ý thức được sự cần thiết, vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng Quy chế trong quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động tín ngưỡng ở cơ sở tín ngưỡng, chủ động tham gia và có kiến nghị, đề xuất các nội dung liên quan đến Quy chế. Đồng thời cơ bản nắm được quy trình, cách thức, bố cục, kết cấu, nội dung cơ bản của Quy chế nói riêng, quy định của pháp luật nói chung qua đó có sự vận dụng, điều chỉnh phù hợp với tình hình điều kiện thực tế ở địa phương.

5.2. Tồn tại, hạn chế, và nguyên nhân

5.2.1. Tồn tại, hạn chế

Thời gian để các cơ sở tín ngưỡng áp dụng Quy chế (mẫu) còn ít, chưa đủ để các cơ sở tín ngưỡng đánh giá sâu hơn và có những kiến nghị chi tiết, cụ thể hơn các nội dung quy định trong Quy chế (mẫu) ở địa bàn, cơ sở.

Việc lựa chọn 05 cơ sở tín ngưỡng trong đó có 2 chùa (*chùa Tiên, chùa Bắc Nga*), 03 đền (*đền Bắc Lệ, đền Mẫu Đồng Đăng, đền Kỳ Cùng*) cơ bản phù hợp. Tuy nhiên, chưa bao quát hết được các loại hình cơ sở, vẫn còn thiếu một số loại hình khác như: đình, miếu và các loại hình khác.

Cả 05/05 cơ sở đều là các cơ sở đã được xếp hạng, trong đó có 02 cấp quốc gia (*đền Kỳ Cùng, chùa Tiên*), 03 cấp tỉnh (*chùa Bắc Nga, đền Bắc Lệ, đền Mẫu Đồng Đăng*), không có cơ sở nào chưa xếp hạng. Dẫn đến việc đánh giá việc thành lập và hoạt động của Ban quản lý chưa trọn vẹn theo 02 nhóm cơ bản gồm:



Thứ nhất, cơ sở tín ngưỡng đã xếp hạng hoặc nằm trong danh mục kiểm kê di tích thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

Thứ hai, cơ sở tín ngưỡng chưa xếp hạng thực hiện theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

Cả 05/05 cơ sở đều tổng hợp báo cáo kết hoạt động thực nghiệm Quy chế (mẫu). Tuy nhiên, bên cạnh một số cơ sở thực hiện tốt báo cáo vẫn còn một số cơ sở vẫn chưa bám sát đề cương báo cáo theo hướng dẫn; nội dung báo cáo chưa trọng tâm, còn mang tính hình thức nên việc tổng hợp các thông tin phục vụ báo cáo thực nghiệm chung còn gặp nhiều khó khăn.

5.2.2. Nguyên nhân

Việc ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, Luật tín ngưỡng, tôn giáo nhìn chung còn chưa kịp thời và chưa hoàn chỉnh; thiếu những hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn; về thành phần hồ sơ, mẫu văn bản và các vấn đề liên quan trong việc thành lập, kiện toàn ban quản lý, cử người đại diện cơ sở tín ngưỡng. Một số nội dung còn quy định chung chung, chưa rõ ràng, cụ thể, chưa bao quát hết được nhưng phát sinh, yêu cầu, đòi hỏi thực tế. Gây khó khăn cho các địa phương trong việc tham mưu các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh, định hướng chỉ đạo hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng phù hợp với quy định của Luật và yêu cầu đòi hỏi thực tế tại địa phương.

Các cơ sở tín ngưỡng (đã xếp hạng và chưa xếp hạng) được phân cấp cho các địa phương trực tiếp quản lý. Chủ trương này đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân các địa phương trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị cơ sở tín ngưỡng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Tuy nhiên, do Trong Luật Di sản văn hóa, Luật tín ngưỡng tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành kèm theo chưa quy định cụ thể mô hình quản lý, phân cấp quản lý cơ sở tín ngưỡng tương ứng với quy mô xếp hạng và tính chất của từng cơ sở tín ngưỡng nên mô hình quản lý cơ sở tín ngưỡng của các địa phương hiện nay rất đa dạng. Do mô hình quản lý thiếu thống nhất về quy mô, chủ thể, thẩm quyền ra quyết định thành lập, công nhận nên quy chế hoạt động, chức năng,

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



chế độ, chính sách, nội dung và kinh phí hoạt động của các Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng cũng rất khác nhau, thường xuyên biến động theo từng thời kỳ. Điều này đã gây khó khăn cho các huyện, thành phố trong việc thực thi, áp dụng ở cơ sở³¹.

Do yếu tố lịch sử để lại, cùng với quan niệm “phép vua thua lệ làng”, sự thiếu quyết liệt, chủ động của chính quyền một số địa phương nên mô hình phân cấp và việc thành lập Ban quản lý ở một số cơ sở tín ngưỡng chưa được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của các sở, ngành, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh. Số lượng các cơ sở tín ngưỡng các cơ sở tín ngưỡng thành lập Ban quản lý hoặc cử người đại diện còn thấp, mới chỉ có 131/801 cơ sở, đạt 16,3% (*không tính 10 cơ sở là nhà thờ họ theo quy định*), thiếu những chủ thể để chịu trách nhiệm trước pháp luật nên việc quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Việc tổ chức, điều hành hoạt động của ban quản lý, người đại diện một số cơ sở tín ngưỡng còn hạn chế yếu kém. Thiếu những người nắm bắt, hiểu rõ các quy định của nhà nước về di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; am hiểu thực hành các hoạt động tín ngưỡng dẫn đến việc thực hành, hoạt động tín ngưỡng còn chưa đúng quy định, chưa phù hợp, hài hòa với tính chất, loại hình cơ sở tín ngưỡng.

Việc tổ chức thực nghiệm diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid –19 có diễn biến phức tạp, nên phạm vi không gian, thời gian thực nghiệm bị bó hẹp. Các cơ sở tín ngưỡng phải đóng cửa, các hoạt động, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất của các cơ sở tín ngưỡng phải tạm dừng hoạt động hoặc hoạt động trong phạm vi mô nhỏ...đã tác động ảnh hưởng lớn đến quá trình, kết quả tổ chức thực nghiệm Quy chế (mẫu) nói chung và từng cơ sở tín ngưỡng nói riêng.

³¹ Thường thì cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng quốc gia đặc biệt, quốc gia được giao cho một ban quản lý hoặc trung tâm bảo tồn di sản trực thuộc UBND cấp tỉnh/Sở VH-TT-DL/UBND huyện (*Nhìn chung các ban quản lý, trung tâm này có cán bộ chuyên môn và kinh phí sự nghiệp nên hoạt động được tổ chức bài bản, cơ sở tín ngưỡng được quản lý tốt, lượng khách du lịch ngày càng tăng*). Những cơ sở tín ngưỡng còn lại do một ban quản lý trực thuộc đơn vị sự nghiệp của cấp huyện, do cấp xã phụ trách hoặc do chủ cơ sở tín ngưỡng - tôn giáo trực tiếp quản lý (*Các ban quản lý những cơ sở tín ngưỡng này, đặc biệt là ban quản lý do các thôn, làng tự thành lập, đông họ cử thường thiếu cán bộ chuyên môn, thiếu kinh phí hoạt động nên hiệu quả chưa cao*).

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



Tiểu kết Chương 4

Việc xây dựng Quy chế (mẫu) và tổ chức triển khai thực hiện “*Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng*” đã cơ bản đạt được mục đích, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ... và các vấn đề liên quan khác theo mục tiêu đã đề ra. Từ kết quả của việc tổ chức thực nghiệm đã giúp các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng nắm bắt thêm thực trạng hoạt động, tình hình thực thi, áp dụng pháp luật của các Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trên từng mặt, lĩnh vực cụ thể. Đồng thời kiểm nghiệm, đánh giá những mặt đã đạt được, những mặt còn tồn tại, hạn chế; những nội dung còn chông chéo, chung chung, còn khoảng trống hoặc chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể của Quy chế (mẫu) nói riêng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực di sản văn hóa, tín ngưỡng nói chung để có sự tham mưu điều chỉnh, bổ sung kịp thời, hiệu quả.

Mặt khác qua quá trình thực nghiệm đã đối chiếu so sánh và chỉ ra những vấn đề còn tồn đọng, khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn; đánh giá tác động, mức độ phù hợp của Quy chế (mẫu) trong việc áp dụng, thực thi ở cơ sở đối với từng mô hình, loại hình cơ sở tín ngưỡng. Lấy đó là cơ sở thực tiễn để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) cho phù hợp đảm bảo sự tương thích, hài hòa giữa lý luận và thực tiễn; giữa đặc điểm, tính chất, tình hình, thực trạng của hệ thống cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh nói chung và từng loại hình cơ sở tín ngưỡng nói riêng.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Triển khai Đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn” đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận về tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng; đánh giá thực trạng hoạt động tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; xây dựng và tổ chức thực nghiệm Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng.

Đề tài đã tập trung phân tích, kiến giải làm rõ thực trạng tín ngưỡng và các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay; đồng thời đánh giá, khẳng định đúng vị trí, ý nghĩa của hoạt động tín ngưỡng và vai trò của nó trong đời sống tinh thần của nhân dân. Đã phân tích, làm rõ những đặc điểm cơ bản của các loại hình các cơ sở tín ngưỡng, đề xuất các giải pháp, đặc biệt là Quy chế mẫu có tính thực tiễn cao, phát huy hữu hiệu giá trị di tích, cơ sở tín ngưỡng, hướng tới mục tiêu sử dụng kết quả của đề tài để phục vụ công tác quản lý tín ngưỡng, giáo dục truyền thống lịch sử, phát triển văn hóa, du lịch của địa phương.

Kết quả nghiên cứu đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn” đã hoàn thành 10 sản phẩm³² khoa học và công nghệ do cơ quan quản lý

³² Gồm:

1. Báo cáo Chuyên đề 1: Cơ sở lý luận về tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng;
2. Báo cáo Chuyên đề 2: Đánh giá thực trạng hoạt động tín ngưỡng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng;
3. Báo cáo Chuyên đề 3: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng;
4. Báo cáo Chuyên đề 4: Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; củng cố kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng các cấp;

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



khoa học giao thực hiện. Do yêu cầu của thực tiễn quản lý có 01 sản phẩm luật³³ đã được nhóm nghiên cứu đề xuất Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật sớm áp dụng vào thực tế trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh. Đề tài nghiên cứu đưa ra nhiều giải pháp trong đó đề xuất trong năm 2022, Sở Nội vụ sẽ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn làm cơ sở đề quản lý các hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh.

Việc triển khai, áp dụng các giải pháp của đề tài sẽ góp phần giải quyết những bất cập, vướng mắc trong thực hiện đăng ký sinh hoạt, hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh. Khi các giải pháp được áp dụng vào thực tiễn sẽ là công cụ hữu hiệu để cán bộ, công chức làm tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng trên địa bàn, giúp cho chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý văn hóa, quản lý tín ngưỡng nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Đối với Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ)

2.1.1. Tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật tín ngưỡng, tôn giáo; trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo để phù hợp với thực tiễn hiện nay;

5. Báo cáo Chuyên đề 5: Hoàn thiện cơ chế, chính sách và văn bản pháp luật trong quản lý các hoạt động tín ngưỡng;

6. Báo cáo chuyên đề 6: Đánh giá kết quả tổ chức thực nghiệm Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng;

7. Quy chế (mẫu) hoạt động của Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng;

8. Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

9. Dữ liệu về cơ sở tín ngưỡng tỉnh Lạng Sơn;

10. Báo cáo tổng kết đề tài.

³³ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



2.1.2. Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại Việt Nam (bổ sung đối tượng thành viên Ban quản lý, người đại diện các cơ sở tín ngưỡng).

2.1.3. Phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hoạt động tín ngưỡng; đồng thời tổ chức các hội nghị chuyên đề bàn chuyên sâu về tình hình tín ngưỡng, công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng,... thống nhất quản lý trên toàn quốc, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các địa phương trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng.

2.1.4. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

2.2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

2.2.1. Chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong năm 2022.

2.2.2. Chỉ đạo các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giải quyết dứt điểm những sai phạm về đất đai, xây dựng, sửa chữa, tôn tạo cơ sở tín ngưỡng phát sinh trên địa bàn quản lý;

2.3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

2.3.1. Chỉ đạo, thực hiện kiện toàn Ban quản lý, Người đại diện cơ sở tín ngưỡng đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 (hiện nay toàn tỉnh mới có 131/801 cơ sở, đạt 16,35% , không tính 10 cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ họ theo quy định).

2.3.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với tín ngưỡng; củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng. Không để người dân xây dựng các điện, phủ tư nhân nhằm tổ chức các hoạt động tín ngưỡng tập trung đông người gây mất trật tự xã hội; xử lý nghiêm việc xây dựng trái pháp luật các cơ sở tín ngưỡng và tổ chức những hoạt động ảnh hưởng đến văn hóa đạo đức truyền thống và an ninh trật tự tại địa phương.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**



2.4. Đối với các cơ sở tín ngưỡng

Ban hành Quy chế hoạt động để tổ chức hoạt động tại cơ sở tín ngưỡng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Thường xuyên báo cáo thu chi tài chính công khai, minh bạch. Có quy định cụ thể về việc chi tiêu, việc đặt hòm công đức tại các cơ sở thờ tự./.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. C. Mác, Ph. Ăng ghen (1994), *Toàn tập, tập 20*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Phạm Văn Đồng (1994), *Văn hóa đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thị Yên, *Tín ngưỡng dân gian Tày Nùng*, Nxb khoa học xã hội năm 2009.
- [4]. Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh Triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7]. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Lê Như Hoa (chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [10]. Ban Tôn giáo chính phủ (2007), *Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội,
- [11]. Nguyễn Đức Lữ (2011), *Tìm hiểu về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [12]. Nguyễn Đức Lữ, *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo năm 2005.
- [13]. Nguyễn Ngọc Thơ, *"Nghĩ lễ và biểu tượng trong nghi lễ"* Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020, tr 60.
- [14]. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin năm 2006.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



- [15]. Phan Kế Bình, *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn hóa Thông tin năm 2005.
- [16]. Phạm Thị Thanh Quý, *Quản lý lễ hội cổ truyền hiện nay*, Nxb lao động năm 2009.
- [17]. Nguyễn Quốc Thái (Biên soạn), *Nghi lễ thờ cúng cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin năm 2009.
- [18]. Nguyễn Hồng Dương – Phùng Đạt Văn, *Tín ngưỡng tôn giáo và xã hội dân gian*, Nxb từ điển bách khoa năm 2009.
- [19]. Toan Ánh (1991), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [20]. Tạ Chí Đại Trường, *Thần người và đất việt*, Nxb Văn hóa Thông tin năm 2006.
- [21]. Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở, *"Một số vấn đề về công tác quản lý Lễ hội giai đoạn 2001 - 2006"*, Hà Nội năm 2007.
- [22]. Hoàng Văn Chức (2009), *Giáo trình quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc*, Nxb Khoc học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [23]. Phan Hữu Dật (1999), *Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam*, Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [24]. Dương Hoàng Lộc (Khoa văn học, trường Đại học KHXH&NV-Đại học quốc gia TPHCM), *Tìm hiểu khái niệm tín ngưỡng từ góc nhìn văn hóa Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn, số 2/2016
- [25]. Văn Tân (chủ biên) (1991), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [26]. TS. Bùi Quang Thanh, *Truyền thống tôn vinh danh nhân của người Việt và vấn đề văn hóa đặt tên trong xã hội đương đại*", Tạp chí di sản văn hóa số 2 (11) năm 2005.
- [27]. PGS. TS. Cao Văn Thanh, Th.s. Cao Thị Thu Trang, *Những quan điểm cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo trong văn kiện Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục lý luận - số 271 (tháng 1/2018);
- [28]. Nguyễn Ngọc Thơ, *Nghi lễ và biểu tượng trong nghi lễ*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020.
- [29]. Nguyễn Đức Bình, Trần Ngọc Hiên (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đối với hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”



[30]. Vũ Hoàng Công (2002), *Hệ thống chính trị cơ sở, đặc điểm xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[31]. Tô Huy Rúa (2003), *Giải pháp đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị ở miền núi nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[32]. Hoàng Văn Páo, *Tín ngưỡng và phong tục của người Tày tỉnh Lạng Sơn*, năm 2014.

[33]. Phạm Vĩnh, *Lạng Sơn vùng văn hóa đặc sắc*, Nxb Văn hóa Thông tin năm 2001.

[34]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[35]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII.

[36]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

[37]. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

[38]. Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”.

[39]. Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015 – 2020.

[40]. Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 – 2025.

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước
đổi mới hoạt động tại các cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”

